

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU

PHẬT HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG LƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tổng Biên tập

Hòa thượng Tiến sĩ Thích Gia Quang

Phó Tổng Biên tập

Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu
Thượng tọa Thích Đức Thiện
Cư sĩ Phạm Nhật Vũ

Trưởng Ban Biên tập

Giới Minh

Trình bày



Tòa soạn và trị sự

Chùa Quán Sứ
Số 73 phố Quán Sứ, Hà Nội
Điện thoại: 0934666360

Email: tapchincph@gmail.com

Tài khoản: 102010000032825 - Sở Giao dịch I
Ngân hàng Công thương Việt Nam

Đại diện phía Nam

Chùa Vĩnh Nghiêm
Số 339, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM
Thượng tọa Thích Thanh Phong
Điện thoại: 08. 38483153
Email: vinhnghiemvn@yahoo.com

Hành chính

Trần Thị Thanh Hà

Phát hành

Phạm Thị Lựu
Điện thoại: 097 556 8649

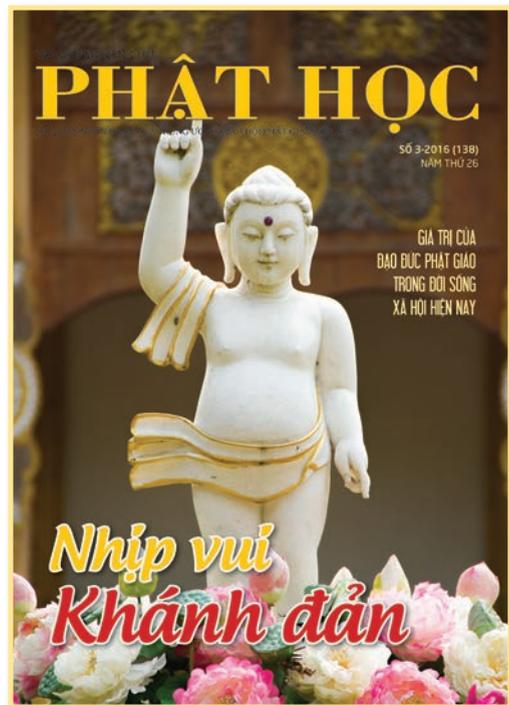
Giấy phép xuất bản

Số 01/GP-BVHTT ngày 02/01/2002

Chế bản và in tại

Công ty TNHH MTV In Tài Chính

Giá: 30.000 đ



TRONG SỐ NÀY

PHẬT ĐẢN

[3] Thông điệp của đức Pháp chủ GHPGVN gửi tăng, ni, cư sĩ, phật tử nhân Đại lễ Phật đản PL.2560, DL.2016

[4] Hạnh phúc thay ngày Phật Đản sinh!

[7] Nhịp vui Khánh đản

[9] Cảm nghĩ về ngày Phật đản 2560-2016

GIÁO LÝ

[12] “Phi báng” Như Lai

[13] Sự kết tập kinh điển Đại - Tiểu thừa Phật giáo

[18] Tứ vô lượng tâm

[20] Ảo ảnh của tâm

LỊCH SỬ - TRIẾT HỌC

[24] Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước

[28] Vài nét về tư tưởng giải thoát trong lịch sử triết học Ấn Độ

TRAO ĐỔI - NGHIÊN CỨU

[31] Tư tưởng căn bản của Mật Pháp Độ Vong Kinh - Mật Tông

[34] Giá trị của đạo đức Phật giáo trong đời sống xã hội hiện nay

[38] Quỳnh Lâm - Trung tâm Phật giáo Đại Việt thế kỷ XI-XVIII

[45] Căn một trung tâm tư liệu Hán Nôm về Phật giáo

[48] Tìm hiểu về “Hương” trong Phật giáo

[51] Công đức của một số vị thiền sư tiêu biểu đối với việc khắc ván in kinh sách ở Bắc Ninh thế kỷ XVIII-XIX



VĂN HÓA - DANH THẮNG

[56] Đạo diễn, NSUT Văn Lượng: Làm phim về Phật hoàng Trần Nhân Tông để làm bật dậy hào khí Đông A

SUY NGẪM

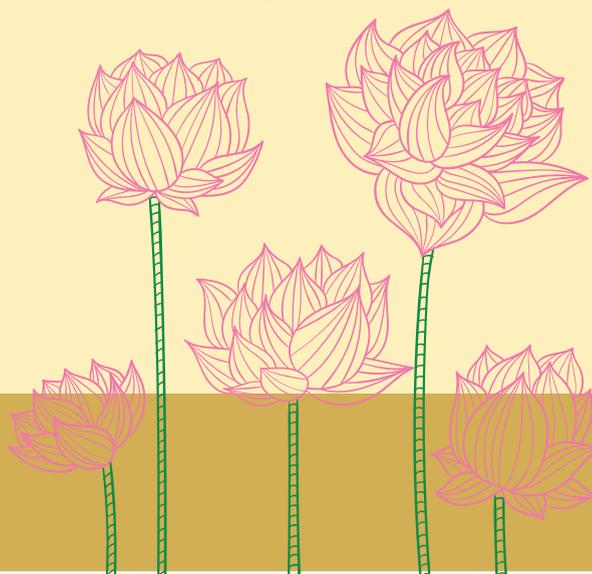
[58] Chén nước Thiền cơ

[59] “Buông bỏ tất cả” để làm gì?

ĐIỂM TIN

[62] Điểm tin Phật giáo trong nước

[63] Điểm tin Phật giáo Quốc tế





THÔNG ĐIỆP

CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Gửi tặng, ni, cư sĩ, phật tử nhân Đại lễ Phật đản PL.2560, DL.2016

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính gửi: Chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư,
Đại đức tăng ni, cư sĩ, phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Mùa Phật đản PL.2560 - DL.2016, tăng, ni và phật tử Việt Nam hòa với niềm vui nhân lên gấp bội trong ngày hội của toàn dân tham gia bầu cử Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, Tôi gửi tới Chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức, tăng ni, cư sĩ phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài lời chúc mừng đại hoan hỷ, an lạc, thành tựu trên bước đường phụng sự Đạo pháp và Dân tộc!

Kỷ niệm ngày đức Phật đản sinh là cơ hội để nhân loại xác quyết niềm tin vào giáo lý Từ bi, Trí tuệ, và Hòa bình mà vị Đạo sư Giác ngộ - Phật Thích Ca Mâu Ni đã truyền trao từ cách đây 2600 năm vẫn còn nguyên giá trị và mang lại ý nghĩa cho cuộc đời của hàng triệu triệu người trên thế giới. Với niềm tin vào Phật - Pháp - Tăng, con người sẽ vượt qua mọi hoàn cảnh để đạt được hạnh phúc, an lạc.

Kính mừng Phật đản, một lần nữa chúng ta khẳng định niềm tin bất động đối với ngôi Tam Bảo như trong Kinh Tương Ưng V, đức Phật đã dạy: “Ở đây này các Tỷ kheo, vị thánh đệ tử thành tựu niềm tin bất động đối với Phật, vị ấy thành tựu niềm tin bất động đối với Pháp, vị ấy thành tựu niềm tin bất động đối với Tăng, vị ấy thành tựu các giới được các bậc thánh ái kính”. Niềm tin ấy, giống như viên ngọc làm trong nước vẫn đục, tẩy sạch phiền não cấu uế nơi tâm thức của mỗi con người: “Giống như bảo ngọc tinh luyện nước của vương hoàng hoàn vũ ném xuống nước khiến cho các vật rắn, đất phù sa, tảo rong và bùn nhơ lắng đọng xuống đáy sông và biển nước trở nên trong trẻo, trong suốt nhìn thấy tận đáy. Chính vì thế khi đức tin xuất hiện, mọi trở ngại bị loại bỏ, tha hoá lắng đọng xuống, tinh luyện trả lại yên tĩnh cho tâm hồn; tâm được tinh luyện tạo ước muốn một gia đình bậc thánh luôn nương tựa như bồ thí, giữ gìn giới luật, thực hiện những nhiệm vụ “Bồ tát” và khởi sự tiến tu tịnh nghiệp, tham thiền. Chính vì vậy trạng thái của đức tin được biết đến như một chất tẩy uế đưa đến sự trong sáng của tâm...” (trích trong chú giải Bộ Pháp Tụ). Và cũng với tinh thần niềm tin trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: “Tin là gốc của đạo, là mẹ đẻ sinh ra các công đức”. Thật vậy, với một niềm tin trong sáng, tích cực, chánh tín là động lực thiết yếu khích lệ, phát huy điều tốt nơi con người, đưa đến sáng tạo, phát huy trí tuệ và dẫn đến hạnh phúc cho mình, cho người và cho cả nhân loại.

Thành tựu mà 35 năm qua Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đạt được, tiếp nối truyền thống hàng nghìn năm Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc, cũng chính là sự đặt trọn niềm tin của các cấp Giáo hội, các sơn môn, hệ phái, tăng ni, phật tử vào ngôi Tam Bảo, vào ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tôi cũng tin tưởng rằng, tăng ni, phật tử Việt Nam không ngừng tinh tấn tu tập, trau dồi Giới - Định - Tuệ, gìn giữ truyền thống pháp môn tu tập tinh hoa của Phật giáo Việt Nam, đồng thời đáp ứng nhu cầu thực tập chứng nghiệm tâm linh của xã hội đặt niềm tin nơi đạo Phật trong thời đại mới.

Với tinh thần nhập thế, nhân mùa Phật đản PL.2560 - DL.2016, Tôi đặc biệt mong muốn toàn thể tăng ni, phật tử Việt Nam với tâm nguyện và trách nhiệm tri ân của những người con Phật, mỗi người bằng những hành động thiết thực nhất hãy bảo vệ môi trường bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu đang đe dọa đời sống của chính chúng ta.

Thực hành lời dạy của đức Phật trong kinh A Hàm, phẩm Kinh Lâm: “Tỷ kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: Ta nương vào khu rừng này để ở, chưa có chính niệm sẽ được chính niệm; tâm chưa định sẽ được định; nếu chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu hoặc chưa diệt tận sẽ được diệt tận; chưa chứng đắc Niết bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết bàn...Này các Tỷ kheo phải bảo vệ môi trường tự nhiên trong sạch.” Hãy cùng nhau làm cho môi trường xung quanh chúng ta xanh hơn, sạch hơn, và đẹp hơn!

Nguyện cầu ánh sáng từ bi, trí tuệ của đức Phật Bản Sư Thích Ca Mâu Ni soi sáng khắp muôn nơi trên trái đất xua tan đi nỗi sợ hãi của khủng bố rình rập, của chiến tranh đe dọa, của thiên tai do biến đổi khí hậu tàn phá, làm cho thế giới hòa bình, chúng sinh được an lạc.

Kính chúc quý vị một mùa Phật đản trọn vẹn niềm hoan hỷ vô biên!

ĐỨC PHÁP CHỦ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

(đã ký)

TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH PHỔ TUỆ



Hạnh phúc thay ngày Phật Đản sinh!

Kim Tâm

CỨ ĐẾN TUẦN LỄ PHẬT ĐẢN HÀNG NĂM, PHẬT TỬ TRÊN KHẮP CẢ NƯỚC LẠI RỘN RÀNG, HÂN HOAN CHÀO ĐÓN NGÀY ĐẢN SINH CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI - Đấng từ Phụ Tôn Kính của hết thảy những người con Phật trên khắp thế giới.



Lễ Phật đản là lễ hội lớn nhất của tín đồ Phật giáo trong năm. Vào ngày này, các chùa thường tổ chức các sự kiện lớn kỷ niệm ngày Đản sinh của đức Phật, ôn lại truyền thống lịch sử của đức Phật cũng như nhắc nhở chúng sinh về đại hạnh xuất gia cứu cánh của đức Bổn sư Như Lai.

Vào ngày 8/4 Âm lịch cách đây 2560 năm trước, tại nước Ấn Độ, hoàng hậu Mahamaya đã đản sinh Thái tử Tất Đạt Đa dưới gốc cây sa la trong cánh rừng Lambini. Có thể nói đây chính là một sự kiện vĩ đại bởi nó đã đánh dấu ngày xuất hiện một đấng Giác Ngộ bậc nhất của toàn nhân loại. Người đã mở ra một con đường giải thoát cho tất cả chúng sinh đang ngày ngày ngụp lặn trong bể khổ, trầm luân trong sáu nẻo luân hồi mê mờ, mịt tối.

Sự kiện đản sinh của đức Phật mang ý nghĩa về hai phương diện: lịch sử và tư tưởng.

Về mặt lịch sử:

Trước khi đức Phật ra đời, Người đã mang một hoài vọng lớn lao cho tất cả chúng sinh trên cuộc đời này:

“Ta ra đời vì lợi ích cho số đông, vì an lạc cho số đông, vì lòng thương cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho chư thiên và loài người”.

Con người chúng ta trở nên hạnh phúc, an vui kể từ khi đức Phật có mặt trên cuộc đời này. Nếu không có những lời dạy của Người thì chúng ta vẫn còn phải sống trong sự lầm than, người bóc lột người và vẫn còn vô vàn đau khổ. Chính vì lẽ ấy, đức Phật chính là một người cách mệnh xã hội, một nhà tư tưởng lớn đã mang đến cho loài người một cuộc sống hạnh phúc và sung sướng hơn trong học thuyết của Người, với lời nói rằng:

“Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ.

Không có giai cấp trong nước mắt cùng mặn”

Những lời dạy của đức Phật tuy đơn sơ, giản dị nhưng bao hàm trong đó là biết bao ý nghĩa thâm sâu, có khi đi hết cả cuộc đời ta cũng không thấu hiểu nó một cách tường tận được. Những điều đó đã làm thay đổi lịch sử và mang đến một khái niệm mới, đó là Phật tính bình đẳng.

Cái bình đẳng thứ nhất là bình đẳng các vai trò khác nhau trong xã hội. Đừng để cho người này và người khác phải chênh lệch và bóc lột nhau.

→ Cái bình đẳng thứ hai là bình đẳng trong Phật tính. Đó là bản thể của mỗi chúng sinh, tức là tất cả chúng sinh, giai cấp đều có Phật tính và sẽ thành Phật.

Trong tầng đoàn của đức Phật, ngoài những hàng vua chúa, giai cấp cao quý thì bên cạnh đó cũng có những giai cấp thấp hèn. Hoàn toàn không tồn tại sự phân biệt giai cấp và địa vị ở nơi đây.

“Giáo Pháp của ta cũng như nước. Nước có khả năng rửa sạch tất cả các bụi nhơ bu bám vào, cho dù là vật cao quý hay là vật thấp kém thì đều có thể rửa sạch cả.

Giáo Pháp của ta cũng như đất. Có thể dung chứa tất cả những loại cao quý cũng như những loại thấp hèn.

Giáo Pháp của ta cũng như lửa. Có thể đốt tất cả các loại hương liệu thơm tho, cũng như có thể đốt tất cả những hương liệu hôi dơ khác”.

Với lời nói này, đức Phật đã mang đến cuộc sống vô vàn thanh bình cho xã hội.

VỀ MẶT TƯ TƯỞNG:

Lúc nào chúng ta có được sự tỉnh giác, lúc nào chúng ta có được giác ngộ thì ngay chính lúc đó đức Phật trong tâm ta đã Đản sinh. Như vậy lúc

nào chúng ta tâm tối, lúc nào có tham sân si, chấp thủ thì lúc đó chúng ta khổ đau. Hạnh phúc thay, khi đức Phật đản sinh về mặt lịch sử cũng như tư tưởng đều đạt đến mục đích tối cao về sự giác ngộ và giải thoát.

Sự xuất hiện của Người như một luồng gió mát làm xoa dịu đi tất cả những khổ đau giữa cuộc đời, như một tiếng chuông tinh thức vang lên giữa cuộc đời tĩnh mịch, để chúng ta trở về với bến bờ Chánh pháp. Lắng tâm, dịu lòng lại để biết chúng ta là ai giữa cuộc đời trôi lăn sâu khổ này, biết được đâu là nẻo thiện, đâu là nẻo ác...

Đặc biệt, trong dịp này, các chùa thường tổ chức lễ tắm Phật. Xuất phát từ sự tích khi đức Phật Đản sinh có chín con rồng xuống phun mưa tắm cho Người. Sự gột rửa đó vừa để xóa đi những ô trọc trên cơ thể. Đồng thời, nó còn truyền tải một thông điệp về việc tẩy trừ mọi phiền não, sân si đang vương bận trong lòng để hướng về sự thanh tịnh, tinh khiết trong mỗi con người.

Mỗi người con Phật cần lắng lòng, thanh tịnh quán tưởng dòng nước cam lộ tinh sạch này sẽ gội nhuần tâm tư. Những tâm niệm tham lam, sân hận và si mê của bản thân nhờ công đức này mà được tẩy sạch. Những suy nghĩ, lời nói và việc làm xấu ác cũng được xóa tan. Thân tâm trở nên thanh tịnh, mát mẻ, nhẹ nhàng.

Ngày Phật Đản sinh đã trở thành một ngày lễ quan trọng của giới Phật tử. Chúng ta kỷ niệm ngày Phật đản không chỉ là một việc làm tri ân công đức của đức Bổn sư Như Lai, mà còn nhắc nhở mỗi chúng sinh luôn hướng về những giá trị tốt đẹp của cuộc sống.

Từ đó, góp phần xây dựng một xã hội hoà bình, hạnh phúc, an lạc đúng như ý nguyện lúc đản sinh của đức Phật, để khắp nhân gian đều an bình, hòa hợp trong Chánh pháp của Như Lai. ☸



Ảnh: St



Nhịp vui Khánh đản

Ảnh: St

Nguyễn Linh Chi

Tôi vẫn còn nhớ năm trước khi đang cùng các cụ trong chùa đi nhặt hoa dại để chuẩn bị nước tắm Phật cho buổi lễ ngày hôm sau thì gặp một bạn khách nước ngoài. Bạn ra bắt chuyện với tôi và giới thiệu bạn đến từ Úc. Và đây là lần thứ hai bạn đến Việt Nam. Lần đầu tiên bạn đi cùng gia đình còn lần này bạn quay trở lại đây một mình.

Gia đình bạn có một điểm đặc biệt là rất thích đến các ngôi chùa thờ Phật vì họ cảm nhận được sự bình an khi ngắm nhìn các bức tượng được trạm khắc tinh xảo. Đôi mắt từ bi và chan

chứa tình yêu thương của đức Phật như nhìn thấu được nỗi khổ, niềm đau của chúng sinh.

Bạn tâm sự: “Việt Nam là một đất nước yên bình. Tôi đã đi rất nhiều nơi nhưng hiếm thấy nơi nào có nhiều ngôi chùa đẹp như nơi đây. Chùa vẫn giữ được những nét cổ kính tự xa xưa chứ không phải sự hiện đại như nhiều nước tôi đã đến thăm.” Tôi thấy rất vui khi nghe những lời chia sẻ của bạn. Bạn tò mò hỏi tôi các chùa đang tổ chức ngày lễ gì lớn hay sao mà đi đến đâu bạn cũng thấy cờ Phật treo dọc các con đường và luôn có một bức tượng Phật nhỏ đang chỉ ngón tay lên





Ảnh: St

trời được kê trên một đài sen ngập nước và các cánh hoa.

Như gặp được tri kỷ, tôi hào hứng khoe với bạn về ý nghĩa cũng như không khí của mùa Phật đản. Tôi giải thích cho bạn hiểu đây là một ngày lễ lớn với mỗi người con Phật. Là dịp để chúng tôi tỏ lòng biết ơn và sự thành kính tới đấng Từ Phụ của mình.

Ngày này 2560 năm về trước theo Phật lịch, một con người xuất hiện trên trần thế đã làm rung chuyển trời đất, hào quang tỏa sáng. Đức Phật Thích Ca xuất thân trong dòng dõi hoàng tộc nhưng lại từ bỏ tất cả để sông một cuộc đời khổ hạnh. Nhờ có sự hi sinh cao cả đó mà chúng sinh tìm được con đường để thoát ra khỏi bể khổ trần ai. Chúng tôi nhận ra được đâu là giá trị chân thật của đời người, đâu là thứ sẽ dẫn đến luân hồi khổ đau.

Cả cuộc đời đức Phật luôn trung thành với lẽ sống “vị nhân sinh”, lấy từ bi và trí tuệ là căn bản của đạo Phật. Người đã thân giáo cho con người

hiểu được chân lý, sự thật trên thế gian. Những điều Người chỉ dạy luôn gần gũi và bình dị chứ không phải là những triết lý cao siêu, khó hiểu. Lời dạy ấy cứ nhẹ nhàng thấm vào cuộc đời một cách tự nhiên như thế.

Hằng năm vào tháng Tư đầu mùa mưa là tháng Phật tử hân hoan chào mừng ngày kỷ niệm Phật đản. Lễ Phật đản bắt đầu bằng buổi lễ tắm Phật trang nghiêm, thành kính bằng động tác đơn giản, rưới nước thơm lên tượng Phật. Từng giọt nước rưới trên tượng Phật sẽ không có ý nghĩa, nếu đó chỉ là hình thức khi Phật tử không mở rộng cõi tâm.

Tắm Phật là dịp để Phật tử quán chiếu tâm thức của mình. Xem lại thân, khẩu, ý – những suy nghĩ và hành động của mình đã đúng với lẽ đạo hay chưa. Những giọt nước nhẹ rơi trên tượng Phật cũng là những giọt nước tẩy trần cho những ai tham dự lễ tắm Phật. Dòng nước tinh khiết, sáng trong ấy sẽ gột sạch tất cả ba thứ tam độc, giúp con người trở về với chân tâm bản tính, “đánh thức” vị Phật tại tâm.

Cô bạn nước ngoài lắng nghe tôi giải thích về ngày lễ Phật đản một cách chăm chú và vô cùng thích thú. Bạn còn ghi lại vào trong cuốn sổ nhỏ để về kể cho gia đình về ngày lễ lớn tại Việt Nam. “Thật may mắn khi tới đến thăm đất nước bạn vào đúng dịp lễ đặc biệt này. Kỳ nghỉ này với tôi thật sự thú vị và khó quên.” – bạn hào hứng khoe với tôi trong nụ cười rạng rỡ.

Tôi và bạn cứ thế... Dần dần từ hai con người xa lạ đã trở thành những người bạn thân thiết với nhau tự lúc nào chẳng biết. Phải chăng chính sự đồng cảm về đạo pháp đã trở thành sợi dây gắn kết chúng tôi lại gần bên nhau?

Mùa Phật đản năm ấy tôi đã có thêm một người bạn mới. Chúng tôi đã cùng nhau thực hiện nghi thức tắm Phật, cất tiếng kinh cầu, sống theo lời Phật dạy, từng bước nở đóa hoa sen, hướng về miền đất an lạc...

Tháng Tư về đâu chỉ thời gian

Hằng hữu Phật đà sẵn cõi tâm

Mạch suối yêu thương tình chủng loại

Giữa đời dào dạt pháp nguồn âm. ☀

Cảm nghĩ

NGÀY PHẬT ĐẢN 2560-2016



Ảnh: Chánh Thường

Mặc Phương Tử

Dòng đời cứ cuộn cuộn hay lặng lẽ mãi miết TRÔI, và mọi cảm nhận tiếp thụ của con người vẫn cứ lan CHÁY bất tận theo thời gian, tưởng chừng chẳng phút giây dừng nghỉ, và nếu có chẳng thì chỉ trong một thoáng xa xôi mơ hồ đâu đó, rồi cũng lao vào vòng xoay của bao ý niệm trong cuộc sống đầy vật vã, tranh đấu, bon chen, toan tính.v.v... như bánh xe càng đi tới là càng quay tròn trở lại.

Mùa xuân, nay trông như vội vã đi qua “Ngày xuân con én đưa thoi, Thiều quang chín chục...”, thời tiết đã chuyển sang tháng Năm (5) đang hắt hiu, nghe ấm dần lên bởi khí trời man man ngọn gió trưa hè ngang qua thềm mây trắng. Trông cái cảnh con người vẫn tất bật lao vào cuộc sống như bao ngày tháng hôm nào, vẫn xôn xao nhập cuộc vào giữa hai chiều ngược xuôi, lên hay xuống, còn hay mất, thất bại hay thành công... như để lo toan, tìm kiếm, đong đo, trang trải những điều gì trong chốn cuộc phù sinh.

Đương lúc thế giới xã hội loài người ngày hôm nay, mỗi lúc càng phát sinh nhiều nỗi bất an, lo âu, và sợ hãi trong dòng TRÔI, CHÁY của thời gian đương là này... Nào là những cuộc chiến tranh bùng nổ giữa các thế lực vùng Trung Đông, Bắc Phi, Syria, Iraq, Lybia, Ai Cập, Yemen, Tunisia, Thổ Nhĩ Kỳ, đến khu vực châu Âu, Ukraina.v.v... cả khu vực châu Á, Đông Nam châu Á, cũng không kém phần chú ý cả thế giới về tình hình biến Đông hiện nay. Nói chung, gần như khắp cả trời Châu lục.

Đồng thời, song song với những sự việc trên, sự đe dọa về sức mạnh từ nơi con người tạo ra các loại vũ khí nguyên tử của những nước có thế lực hàng đầu, các loại vũ khí sát thương có sức công phá, tàn phá, và tầm xa tối tân hiện đại, các loại tàu chiến, tàu ngầm siêu tốc tung hoành hùng hậu giữa đại dương, các loại cơ giới, các loại phi cơ chiến đấu trang bị đầy đủ phương tiện chiến tranh, phô trương diễu hành lao vút vào không gian bao la vô tận.v.v...



→ Chưa kể đến nạn đói khát, nạn thất nghiệp, nạn mua bán người, trẻ em, các loại thức ăn, vật dụng tiêu dùng ướp tẩm những chất độc hại... cùng với những hình thức khủng bố, đàn áp, chiếm đoạt, cướp lấy bởi những ý niệm cuồng tín, cực đoan chủ nghĩa, tôn giáo, đảng phái, chủng tộc, đã và đang phát sinh từ sự cuồng nộ của sân tưởng, của hại tưởng, và của tham tưởng, bởi do một số người có quyền lực trong tay, cùng với sự xu hướng theo thế thời, có được chút ít địa vị, lợi danh mọn tạm bợ, để hưởng thụ, thỏa mãn các dục nơi cuộc sống thế gian, hoặc từ những trạng thái bệnh hoạn tâm lý trầm cảm, thất sủng.v.v...

Tất cả đều do tạo tác (nghiệp), và phải bị chi phối của dòng nghiệp lực ấy, một khi đã được nuôi dưỡng, đã được tích tụ nhiều thời gian khi ngang qua cuộc sống. Hay cụ thể hơn, chính là thiếu ý thức bình đẳng, tình thương, thiếu sự tiếp thu nhận và trao phương pháp giáo dục đạo đức, không thấu suốt những phương hại về sau, làm tổn giảm hay mất đi nhân tính, và thăng bằng tâm lý từ bản thân, gia đình, đến cộng đồng xã hội, mà hôm nay chúng ta đã và đang thấy biết những gì trên hành tinh khi con người và muôn vật đang có mặt này.

Cùng khi ấy, hiện nay không ít số người, nhóm người, phần nhiều chỉ biết dựa dẫm vào niềm tin cầu nguyện, van xin, nhờ vào sự cứu giúp của những phép lạ thần quyền, để thoả mãn lòng mong cầu cho sở thích lạc thú thường tình ở đời. Đôi khi, trong ấy còn có số người đã khoác lên pháp phục tôn giáo, đóng vai nhẹ tênh với hình thức đời sống phạm hạnh, không có năng lực tu tập, để chuyển hoá thân tâm, tự mình không an trú chánh pháp lạc, không giúp người an trú chánh pháp lạc, rồi vẽ vờ những hình thức tín ngưỡng, cầu nguyện, cúng tế, phù phép để chiêu cảm lòng tin v.v... đánh lạc mắt phương hướng đạo lộ chánh kiến, chánh pháp giải thoát của đạo Phật hay Chư Phật tự ngàn xưa.

Thế nhưng, lại cũng ngay trong thời điểm này “MÙA XUÂN THÁNG VESAK”, thời điểm mà cách nay trên 2.560 năm tại vườn Lâm Tỳ Ni gần thành Ca Tỳ La Vệ, thuộc Cộng hoà Dân chủ Liên bang Nepal ngày nay. Và hiện nay, trên khắp hành tinh nhân loại, đối với hàng tứ chúng đệ tử đức Phật, những người có niềm kính tin chân chính đến với Giáo lý, Tam Bảo, vì sự nghiệp truyền đăng giáo nghĩa của bậc đạo sư tối thượng, có học hiểu pháp học, có thực tập các pháp hành từ



Ảnh: St

lời dạy đầu tiên, do đức Phật tuyên thuyết trong thế gian, như một thông điệp về bốn Diệu Thánh Đế, “vì đức Như Lai đến đây chỉ là bậc đạo sư”. Nên tự mình biết điều phục thân tâm, giúp người biết điều phục thân tâm, và như lời Phật đã dạy:

*“Người trị thủy dẫn nước
Kẻ làm tên nắn tên
Người thợ mộc uốn gỗ
Bậc trí nhiếp tự thân.” PC.80.*

Như vậy, con người dù ít nhiều có khơi dậy mầm chủng tánh Từ Bi, Bình Đẳng, thường tìm lại chính mình, cũng sẽ đem lại bình an cho thế giới loài người, mà còn làm cho bầu dưỡng khí của hành tinh thêm trong sạch, tươi mát hơn, không bị ô nhiễm, không làm tổn giảm môi sinh, môi trường sinh thái, các dòng sông không bị chết, các vùng đất không bị chết, con người có những tư duy hiền thiện, trong xanh... không gây oan trái để phải thêm tội, thêm thù, không tạo tác các việc làm ác quấy, mê lầm theo các loại kiến hoặc, kiến kiết phược, kiến kiết sử, kiến trù lâm.v.v... để phải chịu quả báo trả vay khổ lụy, tàn hại, nhiệt não, để rồi phải theo dòng TRÔI - CHẢY trong cuộc hành trình sinh tử.

Một điều khác nữa, bậc đạo sư cũng thường giúp cho chúng ta dễ phát hiện, dễ phản tỉnh, dễ cảm nhận nguồn tâm lý chính nơi tự thân, để từ đó chúng ta có sự quán chiếu, nhận ra những cảm giác về thân, về các thọ, và tâm của người khác hay cả chúng sinh, như :

*“Mọi người sợ hình phạt
Mọi người sợ tử vong
Lấy mình làm ví dụ
Không giết, không bảo giết” PC. 129.*

Vì thế, trước đây, hiện nay, và cho đến tận mai sau, với bao nguồn sinh lực dồi dào trong sáng, hướng thiện của hằng triệu triệu tâm hồn nhân loại luôn ngưỡng vọng, tôn kính đến ngày thị hiện vào đời của đức Từ Phụ (Thích Ca Mâu Ni), vẫn thường trụ trong sáng, rực sáng với đại nguyện Bi-Trí-Dũng, như lời tán thán:

“...Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Như



Ảnh: Thường Nguyên

người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy được sắc...” Kinh Trung Bộ I, bài số 4.

Không nhằm ngoài mục đích hướng dẫn, tiếp độ chúng sinh, chư thiên và loài người trên 2500 năm trước đây, cho đến tận bây giờ và miên viễn mai sau. Vẫn luôn phát khởi nguồn năng lực Bồ đề, thành kính và tu tập, gieo và kết nối hạt Từ tâm, cùng tu tập Pháp của bậc Thánh, để cùng vượt thoát mọi khổ ách, đạt đến an lạc tối thượng, hầu chấm dứt dòng TRÔI, CHẢY trong vòng luân hồi theo sáu đường, ba cõi, hay ít nhiều cũng được tịnh trú lạc pháp của bậc Thánh nơi thế giới vô thường, sinh diệt này, bằng một ý niệm nghĩa cử trong mỗi chúng ta, rằng :

Sự xuất hiện của đức Phật như một Thông điệp Tình thương, Bình đẳng, Trí tuệ, và Hoà bình cho nhân sinh và vũ trụ. 🌸

Atlanta, Phật đản 2560 – 2016.



“Phỉ báng” Như Lai

Quảng Tánh

Thời Thế Tôn còn tại thế, trong quá trình du phương hoằng hóa, thi thoảng Ngài cũng gặp phải sự chống báng của tà kiến ngoại đạo. Khi Thế Tôn diệt độ, trải qua hơn 26 thế kỷ lưu truyền, giáo pháp của Ngài cũng gặp không ít sự chỉ trích, phê phán của những người có quan điểm bất đồng. Nhưng đó là chuyện rất bình thường ở thế gian này.

Có một chuyện khác thường, không phải bây giờ mới xảy ra, từ thời Thế Tôn đã “có hai hạng người này ở trong chúng Như Lai mà lại khởi lên sự phỉ báng”. Nhất là, khi hậu thế ở cách Phật lâu xa thì sự phỉ báng càng nặng nề thêm. Dầu không ai cố ý làm việc này, nhất là hàng Thích tử nhưng do vô minh, do tự ngã, do sơ suất, do... nhiều nhân duyên mà thành ra phỉ báng Như Lai.

“Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai hạng người này ở trong chúng Như Lai mà lại khởi lên sự phỉ báng. Thế nào là hai người? Là pháp sai nói là pháp đúng; nói pháp đúng là pháp sai. Đó là hai người phỉ báng Như Lai.

Lại có hai người không phỉ báng Như Lai. Thế nào là hai? Nghĩa là pháp sai (phi pháp) nói là pháp sai, pháp đúng (chân pháp) nói là pháp đúng. Đó là hai người không phỉ báng Như Lai. Thế nên, các Tỳ-kheo, pháp sai

hãy nói là pháp sai, pháp đúng hãy nói là pháp đúng. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập I, phẩm Tàm quý, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.295)

Thế Tôn đã dự liệu về hội chúng “sư tử trùng” từ rất lâu xa. Bởi không loài thú nào có thể quật ngã sư tử ngoại trừ những con vi trùng ở trong thân sư tử. Cũng vậy, những người ngoài dù có phỉ báng Như Lai đến mấy thì vẫn không hề hấn gì đến đạo pháp. Nhưng chính những thành viên trong hội chúng của Như Lai lại tiềm ẩn nguy cơ phỉ báng Ngài vì giảng nói sai Chính pháp, và có thể tổn hại đạo pháp nghiêm trọng.

Thời Thế Tôn, nhiều lần Ngài cho mời các Tỳ-kheo giảng nói sai chính pháp đến và khiến trách nặng nề. Cũng may có Ngài nên kịp thời hiệu chỉnh, sau đó mọi việc đi vào nề nếp. Ngày nay, Phật pháp có mặt khắp nơi trên thế giới, được phân chia thành hai truyền thống lớn Bắc tông và Nam tông.

Tại Việt Nam, Phật pháp như hội tụ, gồm đủ các truyền thống, tông phái, hệ phái chính. Duyên



Ảnh: Khánh An

lành cho đạo pháp nước nhà là dù hội tụ nhiều nguồn mà vẫn giữ được thống nhất và hòa hợp.

Nhưng gần đây, có một hiện tượng đáng quan ngại đang diễn ra trong ngành hoằng pháp là một số vị pháp

sư, giảng sư thuyết giảng Phật pháp với chủ kiến cá nhân như phủ nhận địa ngục và cõi trời (tịnh độ), khiến người học Phật hoang mang. Đây là những tiền đề đã được Như Lai xác lập hiện diện trong kho tàng giáo điển Phật giáo Nguyên thủy cũng như Phật giáo Phát triển.

Liên hệ với lời dạy “Pháp sai nói là pháp đúng; nói pháp đúng là pháp sai. Đó là hai người phỉ báng Như Lai”, vậy có thể xem các vị ấy là nhà hoằng pháp hay là “sư tử trùng” đang góp phần phá hoại Phật pháp?

Mong rằng, Giáo hội cũng như các vị tôn túc có trách nhiệm trong ngành hoằng pháp kịp thời chấn chỉnh, ngăn chặn biến tướng này. Hãy nêu cao chính kiến và tinh thần vô úy của vị sứ giả Như Lai, “Pháp sai hãy nói là pháp sai, pháp đúng hãy nói là pháp đúng” để Phật pháp được trường tồn, chúng sinh an lạc. 🌸

Nguồn: <http://giacngo.vn/phathoc/luockhao/2015/09/17/3BF60B/>

Sự kết tập kinh điển Đại - Tiểu thừa Phật giáo

Thiền sư Thích Duy Lực



Hỏi: Sau khi Phật nhập Niết bàn bao lâu thì kinh điển Phật được kết tập? Cả kinh Đại thừa và Tiểu thừa cùng kết tập một lúc hay có trước sau?

Đáp: Các kinh Đại thừa Liễu nghĩa và kinh Tiểu thừa không kết tập một lượt, nay các nước Tiểu thừa không công nhận có Đại thừa. Năm 1974, tôi đi thăm Thái Lan hơn một tháng, gặp các sư Thái Lan và Tích Lan. Nước Tích Lan lấy Phật giáo làm quốc giáo, tất cả quan chức đều là Phật giáo đồ, nhưng không biết có Phật A Di Đà, luôn cả hiệu Phật cũng không biết? Lại nữa Tu sĩ các nước Tiểu thừa chỉ thọ giới Tỳ kheo, không thọ giới Bồ tát.

Trước kia, Phật thuyết pháp Tiểu thừa bằng tiếng Pali, tiếng Pali là tiếng địa phương, chỉ có âm, không có chữ! truyền đến Thái Lan thì dùng chữ Thái viết ra kinh Pali, truyền đến Tích Lan cũng vậy. Ngoài ra, nước Campuchia, Lào v.v ...

đều dùng chữ của nước họ viết ra Kinh Pali. Còn Phật thuyết Đại thừa bằng tiếng Phạn.

Chớ nói giữa kinh Đại thừa và Tiểu thừa có sự khác biệt, chỉ nói trong Kinh Tiểu thừa thôi cũng có khác. Lúc kết tập Tiểu thừa thì giống nhau, sau đó chia thành hai bộ, tức Thượng Tọa Bộ và Đại Chúng Bộ; hai bộ đó lại chia thành 9 bộ phái và 11 bộ phái, thành ra Tiểu thừa có 20 bộ phái khác nhau, nhưng tất cả đều không thừa nhận có Đại thừa.

Cũng như nay ở Đại học Vạn Hạnh Việt Nam, Hòa thượng Thích Minh Châu dạy về pháp Tiểu thừa, lấy Kinh Pali làm Đại Tạng Kinh, trong đó không có kinh Đại thừa. Còn trong Đại Tạng Kinh của Đại thừa thì bao gồm cả Đại, Trung, Tiểu thừa.

Nay chỉ nói về ngày Đản sinh của Phật Thích Ca, cũng có mấy mươi thuyết khác nhau, đến gần





Ảnh: St

đây, Hội Phật giáo thế giới họp tại Campuchia mới thống nhất ngày Lễ Phật Đản vào 15 tháng 04 Âm lịch, còn ở Trung Quốc thì mừng 08 tháng 04 Âm lịch.

Về Phật lịch, tính theo Thiên tông thì năm nay là 3021 năm, còn theo Phật lịch Tiểu thừa là 2537 năm, chênh lệch cả mấy trăm năm.

Có phật tử hỏi tôi về Phật lịch, rốt cuộc là 2537 năm? Hoặc như Kinh Pháp Hoa nói là từ vi trần kiếp trước? Hoặc 3021 năm? Cái nào đúng? Tôi nói: Nói đúng thì tất cả đều đúng, hễ nói sai thì tất cả đều sai. Chính đức Phật đã nói là “Vô thí”, tức chẳng có sự bắt đầu, cũng là nghĩa vô sinh. Nếu có sự sinh khởi, tức phải có bắt đầu vốn là chẳng có sự sinh khởi làm sao có bắt đầu? Chẳng những con người không có sự bắt đầu, tất cả vũ trụ vạn vật đều không có lý bắt đầu.

Nhưng nay chúng ta thấy có sự sinh diệt rõ ràng, có sự bắt đầu rõ ràng, vậy cái bắt đầu đó từ đâu? Phật nói ấy là do bệnh nhệm mà thấy có hoa đốm trên không. Cũng trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật nói với A Nan:

- Nay người thấy có người có ta, thấy núi sông đất đai, vũ trụ vạn vật, đều là bệnh đã thành từ vô thí, do tâm tạo mới có.

Sự thật chẳng phải là không có, chỉ là không có sự bắt đầu; không có sự sinh khởi chứ chẳng phải đoạn diệt hoàn toàn chẳng có gì cả.

Hỏi: Cách hành trì của Tiểu thừa, Trung thừa và Đại thừa như thế nào?

Đáp: Đại thừa gồm Tối thượng thừa, Tiểu thừa

gồm Trung thừa. Có 5 thứ khác biệt:

1. Điểm xuất Phát chẳng đồng:

a. Tiểu thừa: Bắt nguồn từ nhân sinh quan đắm khổ, nghiệp cảm duyên khởi, nhằm chán phiền não mà cầu nơi thanh tịnh.

b. Đại thừa: Từ nhân sinh quan từ bi, chân như tỏa ra, lấy hóa tha tự tại làm chí nghiệp.

2. Hành vi chẳng đồng:

a. Tiểu thừa: Tự lợi tự độ, chỉ được giải thoát theo tiêu cực, tức là lấy đoạn dứt phiền não làm Niết bàn và mục tiêu cuối cùng.

b. Đại thừa: Tự độ độ tha, lấy hoạt động tích cực làm hành vi, đặc đại tự tại làm tư tưởng chung cuộc.

3. Cảnh giới chung đồng:

a. Tiểu thừa: Ngưng nơi hiện tượng giới.

b. Đại thừa: Vào nơi thực tại giới.

4. Phương pháp chẳng đồng:

a. Tiểu thừa: Dứt lục căn, đoạn nhất niệm vô minh, vào nơi đoạn diệt, chủ nghĩa cấm dục.

b. Đại thừa: Phá vô thí vô minh, kiến Phật tánh, chủ nghĩa tự tại, chủ nghĩa thực tại (tức Chân Như), sắc tâm và pháp đều tồn tại vĩnh viễn.

5. Lý luận chẳng đồng:

a. Tiểu thừa: Tầm khảo sát ngưng nơi hiện tượng và cho rằng chủ khách thực tế tồn tại, là nhị nguyên luận. Ngoài ra dùng chủ nghĩa cảm giác phủ định những thực tại ngoài cảm giác.

b. Đại thừa: Siêu việt phạm vi nhận thức của bộ não, sự cùng tột của thực tại với hiện tượng giới chẳng khác, chủ khách như một, chân vọng hợp nhất, là nhất nguyên luận, là thực tại luận siêu việt Hình Nhi Thượng.

Triết học phương Tây chỉ có hai giai đoạn: Ngã chấp và pháp chấp, đều nằm trong phạm vi nhất niệm vô minh, tức tư duy và lý niệm. Nhưng tư duy và lý niệm đều là hóa thân của nhất niệm vô minh, cũng là tác dụng của bộ não.

Mục đích triết học phương Tây là nghiên cứu lý luận để tìm hiểu, nên chẳng chịu rời bỏ nhất niệm vô minh. Bởi vì nếu tiến vào phạm vi của vô thí vô minh thì cảm giác trống rỗng chẳng có lý luận để truy cứu, cũng chẳng có gì để tìm hiểu, hoàn toàn trái ngược với mục đích của họ.

Cho nên, xưa nay các nhà triết học phương Tây chưa ai từng đi vào cảnh giới vô thủ vô minh, hễ chưa vào cảnh giới vô thủ vô minh thì chẳng thể đột phá cái chấp không, cũng chẳng vào được tuyệt đối. Phá được cái chấp không là kiến tánh, đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn.

Mục đích của nhà triết học phương Tây là truy lý cầu tri, còn mục đích tu trì Phật pháp là liễu thoát sanh tử; triết học phương Tây chú trọng lý luận, Phật pháp thì chú trọng thực tiễn, tức là từ nhất niệm vô minh tiến thẳng vào tuyệt đối vậy.

Hỏi: Ngũ thời bát giáo là gì?

Đáp: Ngũ giáo ở Trung Quốc có 5 hệ phái: Tổ Sư thiên, Giáo môn, Tịnh Độ, Mật tông, Luật tông.

Phật thuyết pháp chia ra làm ba giáo thời:

- Giáo thời thứ nhất: Khi Phật mới thành đạo, vì muốn phá chấp của phàm phu và tà đạo, nên nói các pháp tứ đại ngũ uẩn để sáng tỏ không thật, gồm những bộ kinh Tứ A Hàm: Tăng Nhất A Hàm, Trường A Hàm, Trung A Hàm và Tạp A Hàm (Tiểu thừa).

- Giáo thời thứ hai: Phật vì phá chấp pháp của Tiểu thừa, nên thuyết tất cả pháp đều không thật, là những bộ Kinh Bát Nhã.

- Giáo thời thứ ba: Phật vì phá sự chấp có của Tiểu thừa, và phá chấp không của Đại thừa, nên thuyết pháp chẳng có chẳng không, để sáng tỏ nghĩa bất nhị của trung đạo, như những bộ Kinh Thâm Mật, Pháp Hoa ...

Đây là theo thời gian mà chia ra làm ba thời.

Còn 3 loại khác biệt:

- Giải thích các pháp có là đệ nhất thời.
- Giải thích các pháp không là đệ nhị thời.
- Giải thích giáo pháp trong đạo bất nhị là đệ tam thời.

Ba thời này không phải y theo thời gian, chẳng kể thời gian trước hay sau, mà chỉ phân theo nghĩa loại, gọi là 3 thời giáo.

Không có bát giáo, bát khổ thì có, từ tam khổ cho đến vô lượng khổ.

Hỏi: Có chỗ nói bát giáo là: Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo, Viên Giáo, Bí Mật Giáo, Tiệm Giáo, Đốn Giáo, Bất Định Giáo. Vậy những thứ này như thế nào?

Đáp: Những thứ này là do tông đó chia ra

như vậy, chứ Phật Giáo không chia. Như trong Kinh Lăng Già có chia theo căn tính của chúng sinh, gồm có: Thinh Văn chủng tánh, Duyên Giác chủng tánh, Bồ Tát chủng tánh, Bất định chủng tánh, Ngoại đạo chủng tánh.

Vừa rồi nói giáo pháp tam thời do có nghĩa khác biệt mới chia làm tam thời theo thời gian, đó là người đời sau chia ra tổng quát, để các tông phái nào cũng đều thích hợp.

“Đốn, tiệm, biệt (thiên), viên”, những thứ này có thể còn có nghĩa, kỳ thật không có nghĩa để kiến lập. Kinh liễu nghĩa đều bao gồm “Đốn, tiệm, biệt, viên”, như năm quyển trước của Kinh Lăng Nghiêm tiếp người thượng căn, gần như pháp đốn; còn năm quyển sau tiếp người trung, hạ căn. Mà bao gồm hết gọi là viên, nghiêng về mê gọi là biệt, tiệm tu và đốn ngộ gọi là đốn tiệm. Bất cứ quyển kinh liễu nghĩa nào cũng bao gồm đầy đủ.

Tạng Pali của Tiểu thừa không có Đại thừa, mà lại không nhìn nhận có Đại thừa.

Kinh Hoa Nghiêm bao gồm lục tướng (Đồng, Dị, Tổng, Biệt, Thành, Hoại). Ở trong lục tướng chia ra làm 2: Sai biệt và bình đẳng. Tướng thành, tướng đồng và tổng tướng thuộc về bình đẳng; còn tướng biệt, tướng dị và tướng hoại thuộc về sai biệt.

Hỏi: “Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Tối Thượng thừa”, lối chia này của người Tối Thượng thừa. Như vậy người Tiểu thừa có công nhận lối chia này không?

Đáp: Lối chia này không phải do Phật Thích Ca chia, mà là do người đời sau. Phật Thích Ca ban đầu thuyết liễu nghĩa, nhưng người nghe không chấp nhận được, nên phải thuyết bất liễu nghĩa, rồi mới thuyết liễu nghĩa.

Tam thừa giáo là đối tượng khác nhau, ban đầu phá chấp của phàm phu và tà đạo, thời thứ nhì phá chấp của Tiểu thừa, giáo thời thứ ba phá chấp Đại thừa.

Phật thuyết pháp là để kế hợp với căn cơ, chứ không phải có chia. Những việc này là những giai đoạn, Đại thừa không phải thật, vì Phật cũng phủ định Nên Phật nói: “Ta 49 năm thuyết pháp, chưa từng nói một chữ”.

Tất cả lời của Phật nói ra liền phủ định, những người dịch kinh chấp có pháp thật, là vì không



→ hiểu căn bản Phật pháp, cũng có ý của mình xen vào.

Như tông Thiên Thai, đến Tổ thứ ba là Trí Giả đại sư mới hoàn thành đầy đủ giáo lý của tông Thiên Thai. Trí Giả đại sư ở trên núi Thiên Thai, nên người ta gọi là tông Thiên Thai. Tông Hoa Nghiêm cũng vậy, đến đời Hiền Thủ đại sư mới hoàn thành giáo lý của tông Hoa Nghiêm, vì Tổ thứ ba tông Hoa Nghiêm là Hiền Thủ, nên người ta gọi là tông Hiền Thủ.

Tông Thiên Thai căn cứ Kinh Pháp Hoa để tu, cũng gọi là Pháp Hoa Tông. Tông Hiền Thủ căn cứ Kinh Hoa Nghiêm, cũng gọi là Hoa Nghiêm tông, đều là kinh liễu nghĩa. Nói về giáo lý đầy đủ phong phú, thì Kinh Hoa Nghiêm hơn Kinh Pháp Hoa.

Hỏi: Thế nào là Tiểu thừa thiên, Trung thừa thiên, Đại thừa thiên và Tổ sư Thiên ?

Đáp: Tôi thì chuyên hoằng dương Tổ sư Thiên, đối với các phái thiên khác không có nghiên cứu, nhưng cũng có thể nói sơ lược theo sự hiểu biết của tôi.

Nói tam thừa là Thinh Văn thừa (Tiểu thừa), Duyên Giác thừa (Trung thừa) và Bồ Tát thừa (Đại thừa), còn ngài Lục Tổ nói pháp Tham Thiên là Tối Thượng thừa.

* *Thinh văn thừa:* Dùng Tứ Thánh Đế: Khổ, tập, diệt, đạo làm căn bản để thực hành. Khổ là do vọng tâm sanh ra, nay tu đạo (Ngũ đình tâm quán), hể chứng đến Niết bàn của Tiểu thừa là quả A La Hán. Ngũ đình tâm quán gồm năm thứ quán tưởng: Sở tức quán, Bất tịnh quán, Nhân duyên quán, Từ bi quán, và Lục thức quán.

Tùy theo sự thích hợp của mỗi người; ví như người ấy quý trọng thân mình thì thích hợp tu Bất tịnh quán để khởi quán thành chán nản tấm thân này, người có tâm hay tán loạn thì thích hợp tu Sở tức quán v.v... Thinh Văn Thừa cần ba mươi bảy phẩm trợ đạo để phá ngã chấp. Chánh Pháp là luôn luôn phải phá ngã chấp mới có thể chứng quả.

* *Duyên giác thừa:* Dùng thiên quán thập nhị nhân duyên làm căn bản để tu, bắt đầu từ vô minh, đến thứ mười hai là lão tử; bởi do vô minh có hành nên biến đổi hoài, hành thì do thức phân biệt, diễn biến tiếp tục, đến sinh và lão tử. Quán vô minh diệt rồi thì hành diệt, thức diệt... cho đến sanh diệt rồi lão tử cũng diệt, chứng quả Bích Chi

Phật.

* *Bồ tát thừa:* Cũng gọi là Đại thừa, thông thường gọi là Như lai Thiên. Ở Trung Quốc, Đại thừa chỉ có tám tông, về Như Lai Thiên có bốn tông:

1/ Tông Thiên Thai: Căn cứ theo Kinh Pháp Hoa, cũng gọi là Pháp Hoa Tông. Thiên của Tông Thiên Thai gọi là Chỉ Quán Thiên, gồm tam chỉ tam quán: Tam Chỉ gồm :

a/ Hệ Duyên Chỉ: Vọng tâm của mình như khi vượn hoạt động chẳng ngừng, đem buộc lại chỗ đơn-điền (dưới rốn).

b/ Tùy Duyên Đối Cảnh Chỉ: Ví như đang ăn cơm thì tự nghĩ “Mình có tư cách gì để ăn cơm?”, mặc áo thì nghĩ “mình có tư cách gì để mặc áo” v.v...

c/ Thể Chơn Chỉ: Chơn là chân thật chẳng hư vọng, tự tánh mình vốn chẳng hư vọng chẳng đối đãi, chẳng có đủ thứ phân biệt, do vọng tâm sai khiến nên có đủ thứ đối đãi phân biệt, nay thể cứu cái chân thật thì không lọt vào đối đãi, tứ cú v.v...

Tam quán gồm: Không, Giả, Trung. Tức quán vũ trụ vạn vật đều là giả tạo, bản tánh vốn không. Nhưng cái giả là có, cái không là không, cũng còn đối đãi, nên phải quán trung đạo. Hể chẳng có đối đãi thì làm gì có trung đạo? Nên cuối cùng trung đạo cũng phải quét.

Thường thường gọi chỉ là định, quán là huệ, nói thì có tam chỉ tam quán, nhưng sự thật chẳng có phân chia trước sau, là đồng thời, chẳng được nghiêng về định hoặc huệ, định huệ đồng thời, định huệ phải bằng nhau. Hể tâm tán loạn thì phải chỉ, hể tâm hay hôn trầm thì phải quán vậy.

2/Tông Hiền Thủ: Căn cứ theo Kinh Hoa Nghiêm, cũng gọi là Hoa Nghiêm Tông. Thiên quán là Pháp Giới Quán, có bốn giai đoạn gồm: Lý pháp giới, Sự pháp giới, Lý sự vô ngại pháp giới, Sự sự vô ngại pháp giới.

Khi quán thành được chứng quả “Nhất chơn pháp giới”.

Lý pháp giới và Sự pháp giới: Ví như căn nhà được hình thành bởi cây, gạch, ngói, sắt v.v... mỗi thứ dù riêng biệt, nhưng có cái lý là làm thành căn nhà; nhân công, các vật liệu gạch, ngói, cây, sắt v.v.. để làm nên căn nhà ấy là sự. Hể có lý mà không có sự cũng chẳng thành căn nhà, hể có sự mà không có lý cũng chẳng thành.

- Lý sự vô ngại pháp giới: Nay đã thành căn nhà rồi thì cây cũng là nhà, ngôi cũng là nhà, đã dung hòa thành căn nhà rồi thì tất cả đều có thể gọi là nhà. Mặc dù như vậy, nhưng ngôi là ngôi, cây là cây, gạch là gạch, mọi cái vẫn còn khác nhau mà dung hợp lại, thứ nào cũng là một bộ phận của căn nhà, ấy gọi là lý sự vô ngại.

- Sự sự vô ngại pháp giới: Căn nhà đã cất xong, con người dọn vào ở, có cửa ra vào, trời nắng trời mưa chẳng có chướng ngại, gọi là sự sự vô ngại.

3/ Tam Luận Tông: Căn cứ theo ba thứ luận của Tổ Sư ấy là Bát Luận, Thập Nhị Môn Luận, Trung Quán Luận, về thiền quán là Tách Không Quán.

4/ Duy Thức Tông: Cũng gọi là Từ Ân Tông, thiền quán là Tứ Tầm Tu Quán.

Trên đây chỉ nói sơ qua các tông phái, mỗi tông phái đều có pháp thiền riêng biệt. Thật ra thì các tông phái nói trên, như pháp sư của tông Thiên Thai cũng ít người tu Chỉ Quán. Thời gần đây, đệ tử của Pháp sư Đế Nhân là ngài Đàm Hư, đều nói “Giáo lý thì diễn Thiên Thai, thực hành thì qui Tịnh Độ”, các pháp sư tông Hiền Thủ cũng vậy.

Vì Chỉ Quán thiền từ đời Trí Giả Đại sư được chứng nhưng chứng chưa cứu cánh, lúc Trí Giả Đại sư gần tịch, có người hỏi ngài chứng tới đâu thì Ngài trả lời rằng chỉ chứng được năm phẩm, sau này ít nghe có ai được chứng nữa. Pháp Giới Quán lại càng ít hơn. Bốn tông Đại thừa này nếu chứng đến cùng tột là Như Lai Thiền.

Theo Kinh Lăng Nghiêm, Như Lai Thiền cũng có năm mươi bảy cấp bậc.

Tổ Sư Thiền: Cũng gọi Đạt Ma Thiền, là do Tổ Sư từng đời truyền xuống. Đức Phật Thích Ca thuyết pháp 49 năm, tự nói chẳng từng thuyết một chữ, vì 49 năm thuyết pháp là bất

đắc dĩ, chẳng phải bản tâm. Đến sau cùng đưa lên một cành hoa sen, trong hàng ngũ hàng triệu chư Thiên cõi trời, người, chỉ có một mình ngài Ma Ha Ca Diếp được ngộ, mới truyền thừa pháp môn Tổ Sư Thiền này. Ngài Ma Ha Ca Diếp là Sơ Tổ, truyền cho A Nan là Nhị Tổ, đến Tổ thứ 28 là ngài Đạt Ma truyền sang Trung Quốc, nên cũng gọi là Đạt Ma Thiền. Còn về cách thực hành tham tổ Sư Thiền thì tôi đã giải thích nhiều lần rồi vậy.

Hỏi: Tổ Sư thiền có câu thoại đầu làm phương tiện, tông Hiền Thủ có kinh Hoa Nghiêm để tu, vậy nên bỏ và lấy cái nào? Cái nào hơn?

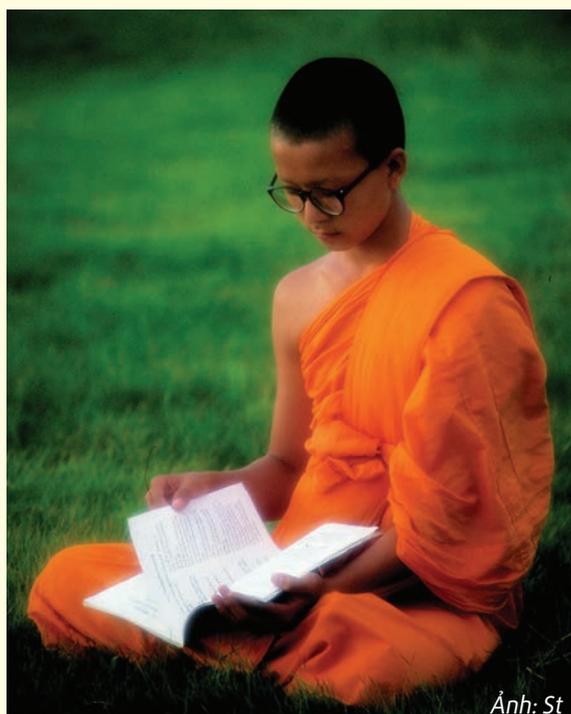
Đáp: Chẳng có bỏ và lấy cái nào cả, cũng chẳng có cái nào hơn cái nào. Pháp thiền của tông Hoa Nghiêm gọi là Pháp Giới Quán Thiền, chia làm 4 loại: -Lý pháp giới -Sự pháp giới -Lý sự vô ngại pháp giới - Sự sự vô ngại pháp giới.

Sau 49 năm thuyết pháp, trong hội Linh Sơn, Đức Phật đưa lên cành hoa, Ngài Ma Ha Ca Diếp mỉm cười, lúc đó Thiền tông ra đời, còn gọi là pháp thiền trực tiếp, cũng gọi pháp Tổ Sư thiền.

Tổ Bồ Đề Đạt Ma đem Tổ Sư thiền qua Trung Quốc truyền cho Huệ Khả ... sau Lục Tổ Huệ Năng mới có năm phái thiền, đều là Tổ Sư thiền, nhưng mỗi gia phong có khác, mà ngộ đạo thì không khác. Như Lâm Tế dạy người tham học, vô cửa liền hét, Đức Sơn vô cửa liền đánh, với mục đích niêm hoa thị chúng của Phật và gia phong của chư Tổ đều không khác.

Hỏi: Thế nào là Phật giáo, Phật pháp, Phật học?

Đáp: Phật giáo là giáo lý của Phật, Phật pháp là pháp thực hành giáo lý của Phật, để đưa mình đạt đến giải thoát tất cả khổ. Phật pháp mặc dù giúp cho sự giải thoát nhưng phải học, nên gọi Phật học. 🌸



Ảnh: St

Từ vô lượng tâm

Thích Thông Huệ

Công cuộc giáo hoá độ sinh của đức Phật thành tựu viên mãn chính nhờ Ngài tu tập Từ vô lượng tâm đạt đến vô lượng. Từ vô lượng tâm là bốn tâm vô lượng bao gồm: Từ vô lượng tâm, Bi vô lượng tâm, Hỷ vô lượng tâm và Xả vô lượng tâm.

“Từ” nguyên văn là: “Từ năng dữ nhất thiết chúng sinh chi lạc”

Từ là ban vui, đem tình thương vô điều kiện đến cho tất cả chúng sinh. Trong cuộc sống, để tu tập đạt được Từ vô lượng tâm, trước tiên cần phải có lòng trắc ẩn thương người thương vật, có xúc cảm thương yêu đồng loại thì mới có khả năng đem an vui đến cho người khác bằng cách giúp đỡ vật chất hoặc tinh thần để họ vui sống an lạc.

Với lòng từ vô lượng, đức Phật đã ban vui, ban lợi ích vô lượng cho tất cả chúng sinh. Tâm “từ” của Ngài là tình thương không điều kiện, không bị ràng buộc và tình thương đó không mưu cầu. Đức Thế Tôn hóa độ những người mặt hạng, người cùng khổ của xã hội và cứu vớt tất cả sinh linh, nên “từ” của Ngài là ban vui cùng khắp. Bồ tát ban vui cho chúng sinh có khi bằng vật chất, bằng tinh thần hoặc bằng đạo lý. Các Ngài ban tặng, khuyên răn hoặc đem đạo lý giáo hoá nhằm giúp chúng sinh bớt mê khai ngộ, tháo gỡ bế tắc tinh thần, giảm thiểu ràng buộc để chúng sinh có thể sống đời thông dong, tự tại và an vui trọn vẹn. Với nội tâm trong sáng, các Ngài phục vụ lợi ích chúng sinh có thể làm cho người khác bớt khổ được vui bởi lòng vị tha vô ngã, vì cảm nhận được đồng loại có niềm đau, có xúc cảm đau khổ



Ảnh: St

khi gặp phải điều bức bách, ép ngặt làm cho hệ thống thần kinh và não bộ của cơ thể phải cảm xúc đau đớn. Nếu quán chiếu được điều ấy, tâm từ sẽ nảy nở và phát triển rồi dần hình thành được lòng trắc ẩn để có thể thương yêu đồng loại, thương yêu chúng sinh, đó là ý nghĩa của “Từ”. Vì thế, chúng ta cần phải tu tập hạnh trang trải tâm từ mà không mưu cầu lợi ích, không điều kiện để có thể xoa dịu niềm đau nhân thế bằng chất liệu yêu thương và đem lại an vui trong mọi hoàn cảnh.

Chữ Hán có câu: “Bi năng bạt nhất thiết chúng sinh chi khổ.” Đạo Phật là đạo từ bi, đạo cứu khổ, thương người, thương vật và thương tất cả chúng sinh. Hình ảnh đức Phật với nhân dáng toàn mỹ, tinh thần Ngài với trí tuệ, uy dũng, hùng lực và từ bi. Khi chúng sinh bị vướng vào trói buộc, Ngài tìm mọi cách tháo gỡ để tâm hồn họ được thanh lương, không còn bị phiền não chi phối và tham sân si dẫn vật trong lòng. Diệt khổ là tác dụng của tâm bi đạt đến vô lượng, khi thấy người thiện hay

kẻ ác, bạn hay thù, giàu hay nghèo, sang hay hèn, người hay vật cho dù gặp khổ bất cứ hoàn cảnh nào, đức Thế Tôn đều sẵn lòng cứu giúp để chúng sinh được an vui, hạnh phúc bởi đó là lòng trắc ẩn cao thượng của Ngài trước nỗi khổ niềm đau của chúng sinh. Vì vậy, nỗi khổ của chúng sinh vô cùng thì tâm bi của Bồ tát cũng vô tận. Những vị Bồ tát cứu khổ độ sinh như: Bồ tát Quan Âm, Bồ tát Phổ Hiền, Bồ tát Địa Tạng... với tâm bi đã phát đại nguyện lăn xả vào cuộc đời ô trược để cứu khổ độ sinh. Các Ngài hòa quang đồng trần để từng bước tháo gỡ những vướng mắc, đau khổ cho chúng sinh. Người ở thế gian thấy ai đau khổ thì bị xúc cảm làm chấn động thân tâm. Ngược lại, các vị Bồ tát với lòng thương vô bờ mà chẳng bị xúc cảm thương tình của thế gian làm chấn động, vì xúc cảm của các Ngài đã được tịnh hoá nên mang tính trong sáng. Để tôn vinh các Ngài, chúng ta cần tu tập, biết thương yêu những người bất hạnh lầm than trong cuộc sống, tùy hỷ và không đố kỵ khi gặp người thành công, thành đạt, thành danh hay hạnh phúc. Cần nói năng, suy nghĩ và hành động thiện lành, gieo nhân tốt để tránh quả khổ, dần dần tâm bi phát triển đến mọi người, mọi giới trong xã hội và lan toả đến vô lượng để tất cả đều đạt được an vui hạnh phúc.

Hỷ vô lượng tâm còn gọi là Đại hỷ, là niềm vui không bờ mé. Những niềm vui thế gian rồi cũng qua đi, nỗi buồn nào rồi cũng dần nhạt phai theo năm tháng, vì niềm vui đến ngập tràn rồi cũng phải tắt lịm. Riêng niềm vui trong lòng đức Thế Tôn và các vị Bồ tát dù gặp phải trở ngại khó khăn hoặc chướng duyên nghịch cảnh vẫn không bao giờ lay động, vì các Ngài đã tu tập viên mãn Hỷ vô lượng tâm, niềm vui đó xuất phát từ tu tập

Giới-Định-Huệ, do làm các hạnh lành, giữ giới, thiền định, sống lành mạnh tự do hoá tâm hồn và thấy được đạo lý chân thật. Vì thế, các Ngài cho rằng không phải chỉ có ánh sáng của ngũ dục lục trần là niềm vui tối thượng trên cuộc đời này. Bởi lẽ, cuộc sống dồi dào tiền bạc, tài sản và của cải vật chất thì tất nhiên gặp nhiều thuận lợi hơn, nhưng có biết bao người giàu có bỗng chốc trở nên hư hỏng, ăn chơi trác táng, trụy lạc, sa vào tệ nạn xã hội rồi trở thành những phạm nhân. Niềm vui của ngũ dục lục trần chính là nhân đau khổ, còn niềm vui của người thấu hiểu đạo lý thì cuộc đời được xây đắp bằng những hạnh lành, công huân giữ giới, thiền định và chuyển mê khai ngộ, có thể xua tan phiền não và tạo được niềm vui chân thật tận cõi lòng. Cho nên người có đức tùy hỷ thì tâm thanh thản, nhẹ nhàng, không vướng bận, còn người có lòng vị kỷ thương hay ganh tỵ và đố kỵ khi thấy người khác giàu có hoặc hạnh phúc hơn mình. Vì thế, tăng ni, Phật tử cần tu tập đạt Hỷ vô lượng tâm thì mới có thể làm cho Phật pháp xương minh, người người an lạc.

Xả vô lượng tâm là tâm buông xả tất cả, trong lòng không chấp chứa thị phi, nhân ngã, bỉ thử, phải quấy, tốt xấu, hơn thua, buồn vui, thương ghét. Nói cách khác, buông xả là một trạng thái thiền định sâu, chặt đứt tất cả mọi phiền não vô minh mà an nhiên tự tại giữa dòng đời. Đức Phật tu tập đạt được tâm xả vô lượng, trong lòng Ngài thanh tịnh với tâm thường định nên không bị loạn trước nghịch cảnh chướng duyên. Các vị Bồ tát xả chấp ngã, xả chấp pháp cho đến khi các Ngài xả cả địa vị tu chứng, tâm hoàn toàn buông thư không dính mắc thế gian và xuất thế gian nên được tôn xưng là bậc Vô trụ, Vô nhiễm.

Tóm lại, với bốn đức tính Đại từ, Đại bi, Đại hỷ và Đại xả, còn gọi là Tứ vô lượng tâm, đức Thế Tôn đã trở thành Phật như trong kinh đã nói: Ngài là Bạc Thiên nhân chi Đạo sư, Tứ sinh chi Từ phụ (Bậc Đạo sư dẫn đường cho cõi Trời, cõi Người và cha lành của cả bốn loài). Người tu tập cần tinh tấn theo lời Phật dạy, lấy tâm từ bi hỷ xả làm lợi ích cho vạn loại, chan hòa tình thương chân thật khắp nơi nơi để giúp đời, giúp người, xả bỏ mọi chấp trước để nội tâm an trú chính niệm, lấy hạnh phúc làm chất liệu chuyển hóa thân tâm và thành tựu viên mãn Bốn tâm vô lượng. Và chính Bốn tâm vô lượng này là cương lĩnh, là phương châm xử thế của người đệ tử Phật chân chính. 🌸



Ảnh: St



Ảo ảnh của tâm

Đào Văn Bình

TRONG KINH VIÊN GIÁC, ĐỨC PHẬT DẠY RẰNG “CÁI VÔ MINH NÀY KHÔNG CÓ THỰC THỂ”. BẰNG THIÊN ĐỊNH, BẰNG TRÍ TUỆ BÁT NHÃ HÀNH GIẢ CÓ THỂ PHÁ VỠ MÀN VÔ MINH.

Đối với quỷ sứ, cung trời là địa ngục còn địa ngục là thiên đàng.

Đối với thiên thần, cung trời là thiên đàng còn địa ngục là địa ngục.

Cùng một thứ mà kẻ thì gọi là thiên đàng, người thì gọi là địa ngục. Vậy thì cung trời và địa ngục đều giả, không thực.

Cũng lại như thế. Một kẻ ăn chơi đàng điếm mà nhốt nó vào tu viện thì đúng là nhốt nó vào địa ngục. Nhưng sau một thời gian thấy quen, rồi yêu thích rồi cuối cùng nhận ra đây mới chính là thiên đàng.

Một vị tu hành đạo đức bị đưa vào chốn ăn chơi đàng điếm thì đúng là nhốt ông ta vào địa ngục. Nhưng sau một thời gian thấy quen, rồi yêu thích rồi cuối cùng nhận ra đây mới chính là thiên đàng.

Chính vì thế mà trong Kinh Viên Giác, đức Phật đã giảng dạy cho Bồ tát Thanh Tịnh Tuệ, “Này thiện nam tử: Trí tuệ, ngu si đều là Bát Nhã. Địa Ngục, Cung Trời đều là Tịnh Độ. Chúng Sinh, Quốc Độ

đều đồng một pháp tính, Vô Minh, Chân Như không khác cảnh giới...”

Khi Tâm ở thể Chân Như tức nhìn vạn vật bằng Phật nhãn thì Thiên Đàng hay Địa Ngục - Chúng sinh hay Quốc Độ (đất Phật)...nói rộng ra vạn vật đều đồng nhất thể. Còn khi Tâm động và nhìn sự vật bằng “tục nhãn” thì thấy có sai biệt, tức thấy địa ngục, cung trời, chúng sinh quốc độ. Từ sai biệt này mà nảy ra Đúng - Sai, Thương - Ghét.

Bạn ơi,

Con người thường nhìn sự vật qua lăng kính của cảm xúc. Khi yêu thích thì gán cho nhãn hiệu thiên đàng, khi chán ghét thì gán cho nhãn hiệu địa ngục.

Muốn sống hạnh phúc thì cùng lúc phải chặt đứt hai vọng tưởng điên đảo về cung trời và địa ngục. Câu chuyện sau đây là bản minh họa rõ nét về những vọng tưởng điên đảo của Tâm mình:

“Đêm ấy là đêm rằm. Mặt trăng chiếu sáng lung

linh cả một vùng. Tại nơi giang đầu, một đôi tình nhân yêu nhau lần đầu. Giữa đêm trăng sáng, họ đưa nhau ra đây tình tự, thề non hẹn biển. Còn đêm nào tình tứ hơn đêm nay? Người con trai khẽ nắm lấy bàn tay người con gái, âu yếm nói:

-Em yêu ơi ! Hãy nhìn ánh trăng kia, ánh trăng lung linh, mờ ảo. Đêm nay là đêm diễm lệ. Mảnh trăng đẹp tuyệt trần kia là nhân chứng cho mối tình bất diệt của chúng ta. Trăng đẹp như tình ta đẹp. Trăng xinh như mộng ta xinh!

Nhưng tại nơi giang hạ, ngay lúc đó, một đôi tình nhân vì tình đời ngang trái, ngày mai họ phải vĩnh viễn xa nhau. Họ ra đây để từ tạ nhau lần cuối. Người con trai đau khổ nắm lấy tay người con gái, nói:

-Em yêu ơi! Trăng đêm nay sao úa màu, tàn tạ? Dường như trăng đang lịm chết để chia xẻ với đêm chia ly vĩnh biệt của đôi ta. Trăng ơi, sao trăng ảm đạm thế? Trăng vương màu tang như cuộc đời lạnh giá, vô vị của anh từ đây phải vĩnh viễn xa em!

Cũng ngay lúc ấy, một bác nông phu, nhà ở gần mé sông, bước ra ngoài sân. Bác ngửa mặt lên trời, ngắm nhìn mặt trăng một hồi rồi chép miệng, nói:

-Chà, cái con trăng quầng sáng có pha màu hồng như thế kia thì năm nay coi chừng mất mùa đa!

Cũng ngay lúc ấy, tại một thành phố tương đối thanh bình, nhân mùa Trung Thu, các em bé vui vẻ rước đèn đi chơi và cùng nhau ca hát:

Ánh trăng trắng ngà

Có cây đa to.

Có thằng Cuội già ôm một mối mơ.

Cuội ơi ta nói Cuội nghe...

Bằng cả tâm hồn ngây thơ, trong trắng. Các em chẳng thắc mắc gì về Chị Hằng, Chú Cuội ngoài trừ lồng đèn và bánh kẹo.

Cũng ngay vào lúc ấy, tại một đài thiên văn, một khoa học gia đang dùng viễn vọng kính để quan sát mặt trăng. Ông chẳng hề có ý nghĩ mảnh trăng diễm lệ như đôi tình nhân ở đầu sông. Ông cũng chẳng thấy trăng úa màu như đôi tình nhân ở cuối sông. Ông cũng chẳng thấy dấu hiệu nào chứng tỏ năm nay sẽ mất mùa như bác nông phu. Dĩ nhiên già rồi, ông đâu còn đi rước đèn Trung Thu nữa

cho nên đâu có quan tâm tới Chị Hằng, Chú Cuội. Ông đang lặng lẽ quan sát quỹ đạo của mặt trăng để tính đường bay chính xác cho chiếc phi thuyền dự tính phóng lên vào cuối năm nay. Mặt trăng đối với ông chỉ là một vệ tinh bay quanh trái đất và có thể có vị trí chiến lược trong cuộc Chiến Tranh Tinh Đấu (Star Wars).

Vậy thì bạn ơi,

-Xin đừng vẽ rồng vẽ rắn thêm cho cuộc đời vốn đã rối ren.

-Xin đừng đeo kính màu để bàn tán về thiên nhiên phong cảnh của một bức tranh.

-Xin đừng bình luận thêm về những vấn đề đang làm nhức đầu thiên hạ. Xin hãy “Đẹp bỏ cổ họng, môi, lưỡi “ (1) như một thiền sư đã nói nếu bạn muốn tâm hồn an tĩnh.

-Hãy nhìn đời như một tấm gương.

-Tấm gương nhìn người đẹp nhưng không nói gì.

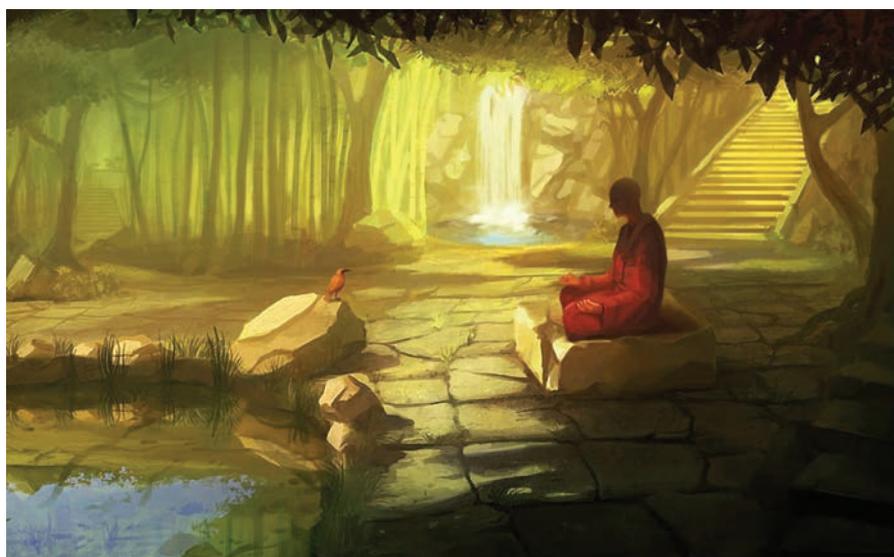
-Tấm gương nhìn người xấu nhưng không nói gì.

-Xin đừng nhìn người xấu để nói rằng tâm hồn người đó xấu.

-Xin đừng nhìn người đẹp để tưởng rằng tâm hồn người đó đẹp.

-Đừng nhìn người giàu sang mà tưởng tâm hồn họ thánh thiện.

-Xin đừng nhìn người ăn mày mà tưởng rằng họ không có Phật tánh (2)



→ -Xin đừng nhìn người giàu sang mà tưởng tâm hồn họ thanh cao.

-Xin đừng nhìn vào ngôi nhà tranh vách đất mà tưởng nơi đó không có tình thương.

-Xin đừng nhìn vào những nụ hôn nồng cháy qua phim ảnh, tài tử ci-nê, công chúa hoàng tử, người mẫu, đám cưới... mà cho đó là lâu đài hạnh phúc.

-Xin đừng nhìn một cậu thanh niên đẹp trai ăn nói ngọt ngào mà cho đó là người chồng lý tưởng.

-Xin đừng nhìn một cô người mẫu chân dài yếu điệu mà cho đó là người trong mộng.

-Xin đừng nhìn vào chiếc xe sang, bộ quần áo đắt tiền với những dự án đồ sộ mà tưởng nơi đó tín nhiệm để rồi bị lừa bạc tỷ.

-Xin đừng nhìn vào nơi thờ phượng Thần Linh huyền bí mà tưởng nơi đó thánh thiện.

-Xin đừng nhìn vào chốn vui chơi, ồn ào náo nhiệt mà tưởng nơi đó là hạnh phúc.

-Xin đừng nhìn vào nơi vắng vẻ thanh tịnh mà cho là buồn chán.

Chính Tham-Sân-Si khiến cái Tâm, cái Nhìn, cái Nghe, cái Thấy, cái Suy Nghĩ của người ta bị méo mó từ đó chỉ nhìn thấy ảnh ảo hay hình ảnh giả tạo mà không nhìn thấy thực tướng tức hình ảnh thật.

Chư Phật, chư vị Bồ Tát, A La Hán vì không bị nhiễm vào Tham-Sân-Si cho nên tâm không dao động. Vì tâm không dao động cho nên nhìn thấy thực tướng của muôn loài.

Hãy ghi nhớ lời Phật dạy:

-Hạnh phúc do nơi Tâm mình mà không do đời tô vẽ.

-Thanh thản do nơi Tâm mình chứ không do cảnh ở chung quanh.

-Thánh thiện và bợn nhơ do nơi Tâm mình mà không do thần linh ban tặng.

-Giải thoát do nơi Tâm mình mà không do nghi lễ.

-Trói buộc do nơi Tâm mình chứ không phải sợi dây.

-Tội lỗi do nơi Tâm mình chứ không phải do sự lên án của người đời. Bởi vì sự lên án của người đời nhiều khi do hận thù và thương-ghét.

-Không một ai - kể cả Thần Linh Màu Nhiệm - có thể làm cho người khác trở nên thánh thiện

và không một ai - kể cả Thần Linh Màu Nhiệm - có thể làm cho phẩm hạnh người khác trở thành hoen ố. (3)

-Không một ai có thể làm cho mình trở nên có phẩm hạnh dù trên mình đeo đủ thứ kim cương, ngọc ngà, châu báu đắt giá nhất, hoặc các chức vụ, quyền thế cao nhất trên thế gian này. Phẩm hạnh cao quý nhất là đạo đức. Mà đạo đức cao quý nhất là làm việc thiện và trang bị tâm mình bằng tâm Phật.

Bạn ơi,

-Không một ai có thể đem lại hạnh phúc - trong khi chính mình lại không muốn kiến tạo hạnh phúc cho mình.

Bạn ơi,

Muốn sống với chân hạnh phúc xin hãy chặt đứt mọi vọng tưởng điên đảo. Khi vọng tưởng điên đảo chấm dứt thì Chân Tâm sáng tỏ.

-Khi Chân Tâm sáng tỏ thì sẽ nhìn thấy vạn vật



ở thể chân như.

-Khi nhìn thấy thể chân như của vạn vật thì không còn ảo tưởng.

-Khi không còn ảo tưởng thì bạn sẽ không còn vọng động.

Bạn ơi,

Thế giới càng văn minh, nhu cầu vật chất càng nhiều, con người càng sống với ảo tưởng. Ảo tưởng về sự giàu sang, về trí thức, về vẻ đẹp, về tài năng, về đức độ, về quyền uy, về chân lý, về sự thánh thiện.

-Rất nhiều người mang ảo tưởng là mình thánh thiện nhưng thực ra họ chẳng thánh thiện gì cả.

-Rất nhiều người mang ảo tưởng là mình giàu sang nhưng thực ra họ chỉ là thứ “trưởng giả học làm sang”.

-Rất nhiều người mang ảo tưởng là mình quý phái nhưng thực ra trên đời này chẳng có gì gọi là quý phái. Quý phái giống như chiếc áo khoác

ngoài. Cởi ra thì mọi người đều trần trụi như nhau.

-Rất nhiều người mang ảo tưởng là mình đẹp nhưng thực ra họ chẳng có gì đáng để chiêm ngưỡng.

Khi không còn ảo tưởng hoặc “viễn ly” được điên đảo mộng tưởng, con người sẽ sống bình dị, khiêm tốn, không hoang phí, không đua đòi, không say mê quyền lực, không còn muốn đê đầu người khác. Đó là một cuộc sống vô cùng an lành.

Hãy ”hành thâm” tức nghiền ngẫm, dùng trực giác, trí tuệ để hiểu và thực chứng Bát Nhã Tâm Kinh thì lúc đó hành giả sẽ: “Vô hữu khủng bố. Viễn ly điên đảo mộng tưởng.” Khi đã “viễn ly” được điên đảo mộng tưởng thì Niết Bàn sẽ hiện ra tức thì như lời Phật dạy “chân thực bất hư”.

Vậy thì:

Một khi đã biết con người luôn luôn nhìn sự vật chung quanh mình bằng cái Vọng-Tâm-Thương-Ghét thì trước một biến động của thế giới, của đất nước, của cộng đồng và thậm chí của làng xóm - xin hãy để tâm mình lắng đọng, suy nghĩ cho chín chắn rồi mới hành động thì sẽ tránh khỏi sai lầm, gây khổ đau cho chính mình và cho người khác.

Thế giới ngày hôm nay đại loạn chỉ vì đã vô minh mà lại còn vọng động. Một trong những thảm họa của Vô Minh là, cho rằng mình tuyệt đối đúng, mình là chân lý, tôn giáo của mình là tôn giáo duy nhất, quốc gia mình phải bá chủ thế giới.

Trong Kinh Viên Giác, đức Phật dạy rằng “Cái Vô Minh này không có thực thể”. Bằng thiền định, bằng trí tuệ Bát Nhã hành giả có thể phá vỡ màn vô minh. ☸

(California ngày 26/03/2016)

CHÚ THÍCH

(1) Thiền Luận của Đại Sư Suzuki, bản dịch của Trúc Thiên

(2) Kinh Pháp Cú “Chỉ có ta làm điều tội lỗi.

Chỉ có ta làm cho ta ô nhiễm

Chỉ có ta tranh điều tội lỗi.

Chỉ có ta gọi rửa cho ta.

Trong sạch hay ô nhiễm là tự nơi ta.

Không ai có thể làm cho người khác trở nên trong sạch”

(3) Mới đây nhất tại Hoa Kỳ, một người ăn mày sống vô gia cư (homeless) nhặt được một cái ví trong đó có 3300 đô-la, đã đem tới sở cảnh sát trả lại vì ông ta thấy đây không phải tiền của ông. Hai nông dân nghèo ở Nghệ Tĩnh nhặt được 300 triệu đồng đã đem trả lại cho chủ nhân.



Ảnh: St



**Phật giáo Việt Nam đồng hành
cùng dân tộc trong sự nghiệp xây dựng
và phát triển đất nước**

Thích Không Tú
(Thái Văn Anh)

Năm 2015 cả nước long trọng tổ chức kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng miền Nam. Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp cũng đã lồng ghép nhiều chương trình cùng nhân dân, đồng bào Phật tử cả nước hưởng ứng niềm vui ngày thống nhất đất nước nhân mùa Phật đản PL.2559. Năm nay (2016), Giáo hội kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (07/11/1981 – 07/11/2016). Một chặng đường đã đi qua, đất nước đang ngày hội nhập và từng bước phát triển. Chúng ta đang vui với niềm vui thắng lợi mới, nhưng cũng không quên nỗi buồn của biết bao thế hệ đã ngã xuống hy sinh vì độc lập và trọn vẹn lãnh thổ nước nhà, trong đó cũng có một phần xương máu những người Phật tử Việt Nam. Hòa chung không khí trọng đại này của những ngày sắp diễn ra lễ kỷ niệm và Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII, chúng tôi sơ lược điểm qua một vài dấu ấn có ý nghĩa lớn lao trong lịch sử dân tộc, để qua đó một lần nữa khẳng định rằng Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc Việt Nam ở bất kỳ thời đại nào.

Với tinh thần từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha từ ngày du nhập vào Việt Nam cho đến nay đã hơn hai ngàn năm, Phật giáo đã trở thành một phần không thể thiếu trong nền văn hóa dân tộc. Đồng thời lịch sử cũng đã chứng minh mối quan hệ keo sơn, khắn khít giữa Phật giáo và dân tộc trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước và tầm ảnh hưởng ngày càng lớn đến các lĩnh vực đời sống xã hội. Điều này đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu của các tác giả như: Nguyễn Lang (Việt Nam Phật giáo sử luận), Nguyễn Đức Lữ (Tôn giáo với dân tộc và Chủ nghĩa xã hội), Hoàng Thị Thơ (Đạo đức Phật giáo với vấn đề xây dựng nhân cách con người Việt Nam), Nguyễn Duy Hình (Một đặc điểm Phật giáo Việt Nam), Nguyễn Tấn Đạt (Tìm hiểu một số đặc điểm của Phật giáo trong hệ thống tôn giáo Việt Nam), Phạm Đình Liên (Hồ Chí Minh với Phật giáo Việt Nam), Quách Thanh Tâm (Phật giáo và con người Nam Bộ từ đầu thế kỷ XX), Thích Thanh Từ (Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay), Lê Hữu Tuấn (Một số vấn đề của Phật giáo Việt Nam trong đời sống hiện nay), Trần Thị Kim Oanh (Vị thế của Phật giáo trong văn hóa Việt Nam), Đinh Kiều Nga (Những ảnh hưởng của Phật giáo với văn hóa

dân tộc), Trần Thị Minh Nga (Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc), Nguyễn Văn Long (Phật giáo Việt Nam 30 năm thành lập và truyền thống Hộ quốc An dân),...

Trong thời kỳ Bắc thuộc, từ tinh thần nhập thế đã đưa đồng bào Phật giáo cùng với quần chúng nhân dân đứng lên chống lại ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ bờ cõi đất nước. Thời bấy giờ, sự học hành của người dân bị hạn chế do sự hà khắc của chế độ phong kiến, khi đó chùa chiền không chỉ mang yếu tố tâm linh mà còn là nơi diễn ra việc chữa bệnh, dạy chữ, sinh hoạt văn hóa của nhân dân làng xã và khơi dậy tinh thần yêu nước, ý thức độc lập quốc gia trong người dân.

Cũng thời kỳ này, xuất hiện tên tuổi nhiều vị thiền sư, quốc sư có công giúp chính sự cho nhà vua trong việc cai trị quần chúng và đối ngoại với các nước lân cận. Có thể kể đến như Thiền sư Ngô Chân Lưu có công giúp vua Đinh Tiên Hoàng lập nên nước Đại Cồ Việt và được vua phong làm Khuông Việt Thái sư. Thời tiền Lê có thiền sư Đỗ Pháp Thuận, đặc biệt Thiền sư Vạn Hạnh có công rất lớn đối với hai triều đại Tiền Lê (Lê Đại Hành) và nhà Lý (Lý Công Uẩn). Đến triều đại nhà Trần thì Thiền sư Trúc Lâm có công chỉ cho vua Trần Thái Tông thấy được nhiệm vụ, bốn phận đạo làm vua, thuyết phục vua trở về chấp chính khi vua muốn đi tu. Bên cạnh đó, còn có các thiền sư Đa Bảo, Viên Thông, Tuệ Trung Thượng Sĩ cũng làm rạng danh Phật giáo. Vua Trần Nhân Tông sau khi lãnh đạo nhân dân đánh tan giặc Nguyên-Mông đã nhường ngôi lại cho con trai và đi tu ở



Ảnh: Khánh An

→ núi Yên Tử, trở thành vị tổ sư đầu tiên sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (thiền phái duy nhất mang hệ tư tưởng Việt Nam), được người đời tôn là Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông. Nhờ những đóng góp của Phật giáo mà các triều đại nhà Lý – Trần đã chọn tôn giáo này làm quốc giáo, làm hệ tư tưởng thống trị của mình, góp phần đem lại cho giai cấp cầm quyền một đường lối cai trị bằng từ bi và hướng thiện. Nổi bật là các tư tưởng tiến bộ như khoan dung, độ lượng, chia sẻ; giáo hóa dân chúng bằng chính sách nhân văn đưa lại thái bình cho dân tộc.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đến quốc Mỹ, Phật giáo luôn ủng hộ đường lối chính sách của Đảng - Nhà nước và có những hoạt động cụ thể đóng góp cho cách mạng. Nhiều chùa chiền là cơ sở, nơi che giấu những nhà cách mạng. Đông đảo Phật tử kể cả tại gia tham gia tích cực sự nghiệp kháng chiến giành độc lập, thống nhất nước nhà đi đến thắng lợi cuối cùng. Nhiều tu sĩ đã tạm gác việc tu hành chốn thiền môn trực tiếp cầm súng tham gia cách mạng như: Hòa thượng Thiện Chiếu, Hòa thượng Minh Nguyệt, Hòa thượng Thiện Hào, Hòa thượng Thế Long,... trong đó có nhiều người đã hy sinh anh dũng vì nền độc lập của dân tộc. Đặc biệt sự kiện ngọn lửa “vị pháp thiêu thân” của Hòa thượng Thích Quảng Đức ngày 11/6/1963 đã thắp sáng lương tri toàn thế giới, kêu gọi thế giới ủng hộ Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Trong xã hội hiện nay, cùng với xu thế hội nhập của đất nước, Phật giáo Việt Nam tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội bằng các hoạt động giao lưu quốc tế, vận động hòa bình, đối nội, đối ngoại... Đại bộ phận tăng, ni, Phật tử thực hiện nếp sống đạo đức văn hóa, ích nước, lợi dân, trở thành những người tiêu biểu, gương mẫu, là chỗ dựa đáng tin cậy trong quần chúng nhân dân. Phật giáo đã có những thành tựu đáng kể về công tác từ thiện cũng như quảng bá hình ảnh Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Một học giả đã nhận định: “Nếu trước kia những người Phật tử bằng đánh giặc cứu nước mà đi đến giác ngộ, thì ngày nay để đi đến giác ngộ họ cần phải tham gia tích cực vào công cuộc đổi mới, phục hưng đất nước, vào sự nghiệp “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”. Phải lấy nguyện vọng, ham muốn của toàn Đảng



toàn dân làm nguyện vọng, ham muốn của mình bằng những hành động thiết thực cụ thể”(2).

Trong xu thế vận hành của dân tộc, Phật giáo không ngừng khẳng định, phát triển để xứng đáng là tôn giáo lớn của cả nước, đáp ứng được nhu cầu tín ngưỡng của đồng bào Phật giáo và cả người dân không có tôn giáo. Có được điều này là do: Những giá trị nhân văn sâu sắc cùng những giá trị văn hóa đạo Phật đã ảnh hưởng tích cực đến quan niệm, tư tưởng, đạo đức, lối sống của nhân dân; Những yếu tố về mặt lịch sử hình thành, phát triển của dân tộc giúp Phật giáo trở thành tôn giáo luôn đồng hành, phục vụ thiết thực cho sự phát triển đó; Sự đa dạng về các hệ phái Phật giáo với các đường hướng hành đạo đặc thù cũng là yếu tố đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng của Phật tử và nhân dân; Xu thế thế tục hóa, hướng vào việc phục vụ đời, nhập thế làm không khí đời sống Phật giáo thêm phần sôi động; Và cuối cùng đó là chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ngày càng cụ thể và có phần khích lệ những điều tốt đẹp có trong giáo



Ảnh: Khánh An

lý tôn giáo tạo thuận lợi cho Phật giáo phát triển.

Dân tộc ta từ ngày dựng nước đến nay đã trải qua bao lần thăng trầm, biến động lịch sử và xuyên suốt tiến trình đó Phật giáo luôn khấn khít, keo sơn cùng vận mệnh quốc gia, dân tộc. Thời kỳ nào đất nước hòa bình, phồn vinh thì Phật giáo phát triển, đất nước nô lệ, suy yếu thì Phật giáo cũng suy tàn. Thế nên, bác Hồ khẳng định: “Nước có độc lập thì đạo Phật mới dễ mở mang” (). Đối với con người Việt Nam, Phật giáo đã góp phần hoàn thiện đạo đức cá nhân,

lành mạnh hóa quan hệ xã hội, hình thành phong cách, lối sống thuần hậu bao dung. Có thể nói, thái độ ứng xử và giá trị tư tưởng, triết lý của Phật giáo đã hòa quyện với truyền thống văn hóa dân tộc, trở thành di sản, bản sắc quý báu của dân tộc Việt Nam.

Ghi nhận những đóng góp to lớn của Phật giáo đối với lịch sử dân tộc Việt Nam, chúng tôi xin mượn câu nói của một vị lãnh tụ cao cấp nước ta để kết thúc bài viết tại đây và mọi người cùng suy ngẫm. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đương thời là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, trong buổi tiếp Chư tôn đức Đại biểu Đại hội hiệp thương thống nhất các tổ chức hệ phái Phật giáo Việt Nam thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (từ ngày 4-11 đến 7-11-1981) tại Phủ Chủ tịch ở thủ đô Hà Nội, ông thay mặt Đảng và Nhà nước trân trọng phát biểu: “Phật giáo Việt Nam đã góp phần làm sáng ngời lý tưởng của dân tộc và trưởng thành cùng dân tộc... Trong quá khứ, Phật giáo Việt Nam đã gắn chặt với dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Lịch sử đã xác nhận Phật giáo Việt Nam là một tôn giáo, từ bản chất, bản sắc, từ trong thực tiễn hoạt động của mình, biểu hiện truyền thống yêu nước, gắn bó chặt chẽ với dân tộc, với Tổ quốc. Trong sự nghiệp cách mạng cao cả của dân tộc ngày nay, Phật giáo đã góp phần xứng đáng. Đối với Việt Nam, nói đến tôn giáo là người ta nghĩ ngay đến đạo Phật, đến các việc làm quý báu, đẹp đẽ của tăng ni, phật tử. Đạo Phật ở Việt Nam đã mang màu sắc dân tộc Việt Nam rõ rệt. Có thể nói rằng Phật giáo Việt Nam đã góp phần làm sáng ngời lý tưởng của dân tộc và trưởng thành cùng dân tộc” (3). 🌸

CHÚ THÍCH

- (1) Viện thông tin khoa học và Trung tâm khoa học về tín ngưỡng và tôn giáo (1997), Những đặc điểm cơ bản của một số tôn giáo lớn ở Việt Nam, Thông tin chuyên đề, Hà Nội, tr.112.
- (2) Hồ Chí Minh (1995), Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.197.
- (3) <http://vncphathoc.com/bai-nghien-cuu/phot-giao-viet-nam-da-gop-phan-lam-sang-ngoi-ly-tuong-cua-dan-toc-va-truong-thanh-cung-dan-toc/>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010), Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, Nxb Thống kê, Hà Nội.
2. Ban trị sự Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Phật giáo Tp.HCM ủng hộ hơn 6 tỷ đồng nạn nhân Nepal, website: giaohoi.phatgiaotphcm.vn, ngày 29/6/2015.
3. Hồ Chí Minh (1995), Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Thành Hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh (1998), Nguyệt san Giác Ngộ, số 23, tháng 02-1998

VÀI NÉT VỀ TƯ TƯỞNG GIẢI THOÁT TRONG LỊCH SỬ TRIẾT HỌC ẤN ĐỘ

Hà Thanh Tùng

Trong lịch sử Triết học, chúng ta nhận thấy rõ sự khác biệt rất lớn giữa triết học phương Đông và triết học phương Tây về vấn đề con người. Nếu như triết học phương Tây đề cao con người duy lý với các giá trị và hành động cụ thể, hướng tới con người cá nhân, tách con người ra khỏi vũ trụ để nhìn nhận về con người thì triết học phương Đông lại nhấn mạnh sự duy niệm, huyền bí, sự thống nhất giữa con người và vũ trụ với công thức “Thiên địa nhân” hay nguyên tắc “thiên nhân hợp nhất”. Nó được thể hiện qua nhiều trường phái triết học và gắn với một số tôn giáo.

Nếu như triết học Trung hoa cổ đại bị chia rẽ và phong kiến hóa thành nhiều trường phái khác nhau hướng đến biến cải xã hội, giáo dục đạo đức con người thì Triết học Ấn Độ lại đi theo hướng riêng, thống nhất hướng về “giải thoát” (Moksha). Người Ấn đã có những suy niệm rất lâu về bản ngã con người, về tuyệt đối thể, về “cái đó”: Tat tvam Asi = cái ấy là người. Nghĩa là đã đề cập tới những chân lý với tính siêu hình. Các nhà hiền triết (Rishi) đã thực nghiệm những chân lý về vũ trụ và đời người.... bằng các cách thức khác nhau



nhưng nội dung chính nếu thu tóm toàn bộ triết học Ấn Độ là hướng con người tới giải thoát, giác ngộ.

Hàng ngàn năm nay suy tư về thân phận con người là đề tài được bàn luận nhiều nhất trong lịch sử triết học và tôn giáo. Đứng trước vũ trụ bao la con người cảm nghiệm được rằng thân phận mình thật là nhỏ bé mong manh, những bé nhỏ yếu đuối của bản thân con người, suy tư về sự sống và cái chết, hạnh phúc và khổ đau, tồn tại và hủy diệt...về đời này đời sau, về mục đích tối hậu của con người luôn ngự trị tâm trí

con người. Để tránh khỏi điều đó bằng nhiều cách: con người có một ước vọng mạnh mẽ để được đảm bảo, được an bình, không phải bất an, sợ hãi. Họ đã tìm đến những chân tri (Pona - martha - vidyâ) đưa họ đến những giải pháp để giải thoát con người, đưa con người tới tự do, hiểu được căn tính của vạn vật.

Họ luôn đi tìm một cái ngã bất diệt, ngã tự hữu, vượt trên mọi giới hạn của thể xác và tinh thần. Atmanan Viddhi- tự ngã tự thân. Để đạt tới cái ngã này đời con người phải trở về với chính mình, tìm tòi, khám phá

cái ngã chân thực này ở ngay chính tâm con người. Cái ngã (Atman) này là một thực thể độc lập, vĩnh cửu, chìm sâu trong mọi tầng lớp ý thức con người, Kinh Upanishad nói: “Atman không thể nhận biết bởi học vấn, bởi sức mạnh của trí óc, giác quan. Vì các giác quan mở ra thế giới bên ngoài, nên các nhà hiền triết muốn đi tìm chân ngã Atman phải hướng mắt về nội tâm”...(Kata Up I, 2, 23). Atman cũng không phải là cái ngã hiện tượng, tức là không thể dựa vào các hiện tượng bằng các danh sắc tướng (nama rupa) để tìm ra Atman, để nắm bắt và định nghĩa được Atman. Atman là một thực tại siêu việt, không sinh diệt, không danh sắc, không thời gian, không bị giới hạn trong không gian. Vậy làm thế nào để lĩnh hội được Atman: các triết thuyết đều đòi hỏi ta phải thực hiện kinh nghiệm huyền nhiệm tâm linh. Tự ngã Atman đến từ đại ngã Brahman. Chính Brahman là nguồn gốc của mọi tự ngã Atman, do Brahman vạn vật phát sinh, và trong đó mọi vật phải quy hồi. “Brahman là nguồn sáng của mọi ánh sáng...Brahman ở đằng trước, ở đằng sau, ở bên phải, ở bên trái người, ở trên cao, ở tận cùng đáy sâu. Braman vĩ đại” (Mundaka Up.II,2,10). Như vậy Atman là tự ngã và Brahman là đại ngã. Ở thời Veda, Brahman còn có nghĩa là cầu nguyện, sự mong mỏi của con người, sự khao khát hướng về nguồn. Đến thời Upanishad cố gắng thực hiện kinh nghiệm bản thân, trở về với chính lòng mình để khai quật thực tại cá thể Atman, đó là thực thể chìm đắm trong ý thức ý thức tâm linh của mỗi

người. Còn Brahman thì ở khắp mọi nơi, chẳng khác gì không khí mà ta thở ở trong bình cũng như ngoài trời. “Cái ngã ở trong ta, nhỏ hơn hạt gạo, nhỏ hơn hạt cải, nhỏ hơn hạt kê, nhỏ hơn nhân hạt kê. Cũng là cái ngã ấy ở trong lòng ta lớn hơn trái đất, lớn hơn bầu khí quyển, lớn hơn cả tầng khí quyển, lớn hơn tất cả thế giới” (Chaandogya Up III, 13-14).

Chặng đường đạt đến giải thoát hay Brahman được các trường phái triết học Ấn Độ quan niệm như một vận hành gồm ba giai đoạn:

- Giai đoạn đầu tiên là phải có niềm tin mạnh, xác tín vào những kinh nghiệm của tiền nhân xa xưa được đúc kết bởi những kinh nghiệm của các bậc hiền nhân, thánh trí. Vấn đề niềm tin là vấn đề cực kỳ quan trọng để con người có thể minh triết khám phá kiến tạo dẫn đến nhận thức đúng. Niềm tin có những cấp độ của nó từ niềm tin dẫn đến niềm tin tôn giáo sau đó đạt đến đức tin.

- Giai đoạn thứ hai: phải nghiên cứu điều tra, suy luận kỹ lưỡng, tìm đến tận cùng nguồn cội những chân lý ấy. Phải nghiên cứu kỹ lưỡng những lý do xuất phát, tồn tại, và những khả thể của chân lý ấy để có được một xác tín chân thực mới có thể đi đến giai đoạn ba.

- Giai đoạn sau cùng này là thể hiện chân lý trong đời sống của chính mình, để đưa chân lý vào con người của mình, để con người hợp nhất với chân lý ấy.

Con người thao thức trước những vô minh và cương quyết đi tìm chân lý (satya – loka).

Chân lý ấy chính là Brahman. Brahman- quyền năng siêu việt, theo kinh Veda, Brahman là nguyên lý của trời đất, của con người, Brahman được đồng hóa với Atman = thần ngã của con người.

Làm thế nào để đạt được những điều đó thì các trường phái Triết học Ấn Độ gọi ra những cách thức khác nhau. Triết học Ấn Độ không đưa ra những hệ thống suy luận thuần túy, nhưng để giúp con người lĩnh hội được chân lý, sau đó con người sẽ khám phá ra chân lý và thực hiện. Đó là chân tri (Pana – matha – vidya) đó là giải thoát (moksha), đó là hiểu biết có thể đưa ta tới tự do: (Sa vidya ya vimukhtaya). Sự tự do này mang theo nghĩa như là một sự giải thoát tâm linh.

Vì không nhận ra được tự ngã, thì con người sống dựa vào hiện tượng vô thường, bị cuốn trôi vào dòng chảy của luân hồi, sống kiếp này cho tới kiếp đến khi đạt được giải thoát và tìm ra chân lý. Thuyết luân hồi đã có ở nhiều nơi trên thế giới như người Hy Lạp thượng cổ tin rằng người ta ăn thịt con vật là ăn thịt đồng loại, Người Celtes và Druides tại Châu Âu cũng tin luân hồi, ngay cả những nhà tư tưởng, triết học hiện đại như Leibnitz, Fourier cũng đề cập tới luân hồi một cách tích cực. Tuy nhiên không một nơi nào trên thế giới triển khai và đề cập vấn đề luân hồi một cách rộng rãi và sâu xa như ở Ấn Độ. Luân hồi là giải pháp đưa đến luân lý, cuộc sống hiện tại tạo nghiệp (Karma) cho kiếp sau. Nghiệp báo là quá trình vận hành của cuộc sống con người, nhân nào quả đấy, nếu ở đời sống



→ hiện tại tử tế, yêu thương, bố thí, thiện hảo thì kiếp sau cũng được nâng lên cao về mặt vật chất cũng như tinh thần. thiện báo thiện, ác báo ác. Mỗi tác động nhỏ nhặt của thân, khẩu ý, đều có hiệu quả vào tính con người. Con người bị ràng buộc bởi cuộc sống này và phải tìm cách giải thoát khỏi ràng buộc bằng cách thực hiện thiện nghiệp. Con người có khả năng vươn lên vô hạn, để giải thoát tâm linh, đưa tâm linh vào tự do tuyệt đối. Con người có thể đạt được tự do tối cao khi họ hợp nhất với tuyệt đối thể - Brahman. Đó là một khái niệm tổng quát về triết học, tư tưởng Ấn Độ.

Vì tính cách giải thoát trên nên triết học Ấn Độ hầu như mang một sắc thái tôn giáo, thần bí rất rõ ràng. Các tác phẩm cổ thời của Ấn Độ là những kinh của tôn giáo đó là những: Rig Veda và Atharva, kinh Upanishad (Áo nghĩa thư), kinh Bhagavat gita (Chí tôn ca). Những thiên anh hùng ca như Ramayana và Mahabharata đầy những tư tưởng tôn giáo. Vì ý

thức tôn giáo đậm nét như vậy nên các triết thuyết của Ấn Độ không có tính chất cách mạng, thuyết này lật thuyết khác, hoặc mâu thuẫn, chống đối nhau. Kể cả sự ra đời của Phật giáo cũng là sự kế thừa các tinh hoa của các trường phái khác. Trong thời kỳ này có thể coi những tư tưởng này có thể là một thuyết triết học hay một thuyết tôn giáo đều được. Đến nỗi người ta có thể nói rằng: “Các triết gia hay các nhà hiền nhân thánh trí, chỉ tranh luận với nhau về ngôn từ, còn nội dung là một. Cho nên không có những chủ trương cứng nhắc, trái lại luôn có một thái độ khoan hòa, đại lượng, tiếp đón mọi nhận định, suy tư về chân lý”. Do đó chân lý được trình bày đa diện và phong phú.

Như chúng ta đã thấy ở trên phần lớn tư tưởng giải thoát lúc bấy giờ đều mang hơi hướng tôn giáo thần bí, hướng trọng tâm về Brahman – đấng siêu việt, tập tục là lễ nghi hơn là hiểu biết về chính con người mình.

Điều đó đã ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng triết học Phật Giáo sau này mà như nhiều học giả đã ca ngợi sự ra đời của Phật giáo thời kỳ này là một bước chuyển mình vĩ đại của lịch sử tư tưởng Ấn Độ, Phật đã tìm hiểu hơn về nhận thức con người, hướng triết học từ trên trời rơi xuống thế gian về chính con người, hiện hữu người, tâm lý người, Phật đã không coi trọng thế giới quan thần bí mà tư tưởng trước để lại mà Phật đã tập trung vào những điểm chính về nhân sinh, hiện thực con người, đó là triết lý nhân bản: “Trong một mối hỗn độn của tín ngưỡng và sự tan rã của chủ nghĩa, nhiệm vụ của Phật là xây dựng trên một nền tảng vững chắc về luân thường đạo lý. Phật muốn xây dựng một luân lý tôn nghiêm trên nền đá của thực nghiệm tâm lý. Nguyên thủy ý nghĩa sự ra đời của Phật giáo tương tự như chủ nghĩa thực tiễn. Cổ vận động chuyển trung tâm, tâm điểm từ sự phụng sự Brahama sang phụng sự con người, lấy con người làm trung tâm, đặt con người lên vị trí tối cao”. (Indian Philosophy, Tr.358: trích lại của Nguyễn Đăng Thục, triết học đông phương III, tr.149).



SÁCH THAM KHẢO

- Nguyễn Đăng Thục: *Lịch Sử Triết Học Đông Phương, III, Đông Phương xuất bản, 1958.*
 Taiken, *Nguyên thủy Phật giáo tư tưởng luận, không Việt 1971.*
 Hoàng Sỹ quý, *Nhập môn triết học Ấn Độ và Upanishad, Hưng giáo Văn Đông.*
 Lê Xuân Khoa, *Nhập môn triết học Ấn Độ, Trung tâm học liệu bộ Giáo dục.*
 Thích Mã Giác, *Lịch sử triết học Ấn Độ, Ban tu thư viện Đại Học Vạn Hạnh.*



Tư tưởng căn bản của Mật Pháp Độ Vong Kinh-Mật Tông

Bùi Đăng Khoa

PHẠM MỘT PHÁP GIỚI CHÂN THỰC ĐƯỢC HÌNH THÀNH TỪ LÚC LƯƠNG NGHI ÂM-DƯƠNG CHƯA TỎA SÁNG VỚI BẢN THỂ CỦA NÓ ĐIỀM NHIÊN THANH TỊNH NÊN KHÔNG THỂ KHÔNG CÓ PHÁP PHẬT ĐẠO VÔ SINH VÔ DIỆT. ÁNH SÁNG KỶ DIỆU ĐÓ TÀNG ẨN TRONG BIỂN MỜ TỐI THÌ LÀM SAO CÓ THỂ DỰA VÀO CHÍNH PHÁP ĐỂ PHÂN BIỆT. LÚC TÂM BẤT GIÁC CHỢT TỈNH NGỘ THẤY THÂN PHẬN NHỎ BÉ CỦA MÌNH LẠC CỒI HỒNG TRẦN RỒI TỰ LẬP THỂ TƯỢNG ĐỒNG THỜI PHÂN ĐỊNH RANH GIỚI PHÂN BIỆT ĐÃ KHIẾN CHO CẢNH GIỚI CỦA LỤC ĐẠO LUÂN HỒI HÌNH THÀNH.

Do vì nguyên lý nhân quả kéo dài liên miên, phô bày thiện ác tất cả lý Âm-Dương cũng có Số đồng thời cái Lý của sự sinh diệt có bao giờ thôi. Chính vạn tượng của tạo hóa tự nhiên đã tạo ra màn sống của bốn loài (Thai-Noãn-Thấp-Hóa sinh), tam giới thác tạp hỗn loạn (Dục giới-Sắc giới và Vô Sắc giới), bảy cõi tình sở hướng mê đồ (Địa ngục-Ngã quỷ-Súc sinh-cõi Trời-cõi Người-cõi A Tu La- cõi Tiên). Kể từ đó mọi sự thị phi, yêu ghét khiến ta và người có oán thù có thương yêu. Khi ta đánh mất đi khái niệm về sự bình đẳng ta cũng sẽ đánh mất đi cõi tâm thanh tịnh, biển nghiệp chướng trào dâng cuộn cuộn, hình-tượng lưu truyền mãi không thôi, đêm tối nhu nhược làm mờ mắt vậy ta biết dựa vào đâu để có sự giải thoát.

Chỉ có đức Phật Thích Ca của ta, tự thân đắc chính đẳng giác, đại từ đại bi, cứu đời cứu người nên vì một nhân duyên đại sự nên ngài mới xuất hiện ở thế gian. Sự hiện thân của ngài với sắc tướng trang nghiêm, giáo hóa của ngài thuận lòng với thế sự, thấy nhân tình thế gian có kẻ hay người dở nên ngài mới đặt ra phép học đạo có đốn ngộ và tiệm ngộ. Hết thấy cõi hữu tình trong đời này đều đồng quy về chính giác, từ sơ khai đến trưởng thành rồi mất đi đều đắc thiện, phương tiện thành tựu có rất nhiều môn loại đâu có gì trở ngại. Có Hiền Tông có Mật Tông quy về cõi huyền đạo đồng quy theo một một đường. Tuy nhiên quá trình xoay ngược vọng tưởng để quy về chân thực, chuyển nhận thức thành trí tuệ rốt cuộc là để giải thoát sinh tử, xa



(Ảnh các cảnh giới của Lục Đạo Luân Hồi-Mật Tông)





(Ảnh đức Phật Thích Ca của Mật Tông)

lià khổ đau gặt hái hạnh phúc, cầu giải thoát sự mê lầm của Âm giới cách trở, không đánh mất đi bản tính chân như thì chỉ có ở pháp môn cứu độ trong Âm giới của Mật Tông-Tây Tạng. Vậy đường đi ở ngay dưới chân mình vậy ta lại còn hỏi tìm đường làm gì? Tiếng Phạn thuật ngữ Pudgala tức đại ý là đại chúng có nhiều đam mê ham muốn vậy trong Âm giới do những hứng thú đam mê ấy mà linh hồn lại sa nơi chốn đó, một khoảng khắc sinh ý chấp mê ảo có tình cũng có sáu loại tình hứng thú riêng biệt (Địa ngục-Ngã quỷ-Súc sinh-Nhân gian-A Tu-La-cõi Thiên). Dựa vào Phật pháp Mật Tông mà nói thì con đường thành tựu đạo Bồ Đề có ba dạng: Dạng cao nhất là đắc chứng giác ngộ ngay lập tức, dạng trung bình là khi thân xác mất đi mới đắc chứng giác, còn dạng thấp là phải tự tìm đường thành tựu trong Âm giới. Trong Phật pháp có rất nhiều phương tiện nên các vị thượng sư đạt tới giác ngộ đã biết tùy người rồi tạo tác phương tiện để giao phó sự tu trì tương xứng rồi đặt ra những pháp môn chuẩn trị. Dựa vào lời dạy của các bậc thượng sư về quá trình Lý giải-Suy ngẫm-Tu trì thì nếu muốn thành công ta quyết không được nhụt chí trên

con đường tu tập tự thân thành Phật, tức là cả cuộc đời sống xứng đáng của ta là một thành tựu. Phàm trong mê vọng cõi hữu tình, luân chuyển trong lục đạo luân hồi không ngoài sự tấn thoái theo duyên và thăng trầm theo nghiệp, có cảm tất ứng. Trong bộ luận về phá ngã chấp sở kiến và sở cảm đã dẫn lời đức Phật có lời kệ giảng như sau:

*“Trên đời thích hoan hỷ.
Kiếp sau vẫn vui ca.
Hai kiếp chuyên tạo phúc
Thấy nghiệp mình thanh tịnh.
Thấy nghiệp báo đời nay.
Hồi ứng chịu đời sau
Thân tan tùy theo nghiệp
Quy hồi cõi trung Âm.”*
Lại có lời kệ sau: “
*Hai loại nghiệp thiện-ác.
Là nghiệp người thế gian.
Nghiệp ấy là vật gì.
Buộc ta phải theo nó.
Âm bạo là nghiệp ác,
Âm nhu là nghiệp lành.
Tự thân tạo hai nghiệp,
Thân bước theo nghiệp rời.
Lại có câu kệ.*

*“Giữ căn theo đường thiện,
lánh xa đường ác đạo.
Vứt bỏ đi thân xác,
Làm người trời cũng đủ.”*

Những lời kệ ở trên đều chỉ muốn người trong thế gian phải biết sống theo điều thiện và lánh xa điều ác để kiếp sau có quả phúc an lạc. Lại có câu kệ sau:

*“Đường ấy là giải thoát.
Vượt qua bùn mê đục.
Dẫu khôn cũng khó lường,
đạt an vui thanh tịnh.”*

Lời kệ này muốn dạy người trong nhân thế phải biết siêu thoát phàm trần và gia nhập vào thánh đạo. Sự giải thoát chính xác phải là con đường trí tuệ Bát Nhã và sự an lạc thanh tịnh chính là ao Niết Bàn. Kẻ phàm phu trầm mê trong sinh tử, xa rời chính giác để gần gũi bụi trần nên họ đã xa rời con đường trí tuệ Bát Nhã. Nếu ta muốn lại gần con đường đó thì liệu còn cảnh giới

nhân ngã nữa không?

Vứt bỏ lối sống xa hoa để có một hành xử giản tiện, cảm nhận cõi hư không cũng khó bù cõi tâm tổn thất, tích đầy trí khôn cũng không bằng bản tâm giác ngộ. Một khi tâm thức đã đạt tới bản gốc hần bản thể ấy cũng tự biết quy về, chuyển thần thức thành trí tuệ siêu việt, biến tính linh thành cõi quang minh hần khi ấy cõi sinh tử sẽ hóa thành cõi Niết Bàn, sự phiền não đau khổ sẽ thành đạo Bồ Đề, sao ta cứ phải đợi đến lúc hóa thành hồn ma lang thang trong Âm giới thì ta mới giác ngộ? Đức Khổng Tử ngày xưa đã có câu: “Được nghe đạo lúc buổi sáng đến chiều dẫu chết cũng được.” Câu nói này thực sự đã chứa đựng hàm ý sâu xa về sự giác ngộ. Tuy nhiên mọi chuyện ở đời chẳng được như vậy một khi con người ta chưa hiểu bản tính hần ý thức về nghiệp chướng khó nắm giữ nên ta khó thoát khỏi sự mê cảm nghiệp chướng tích dần theo năm tháng. Một khi Diêm Vương đến gõ cửa tất ta sẽ lại gặp cảnh hoảng loạn điên đảo lúc lâm chung. Chính cảnh giới mê cảm trói buộc lôi ta đi rồi tùy theo

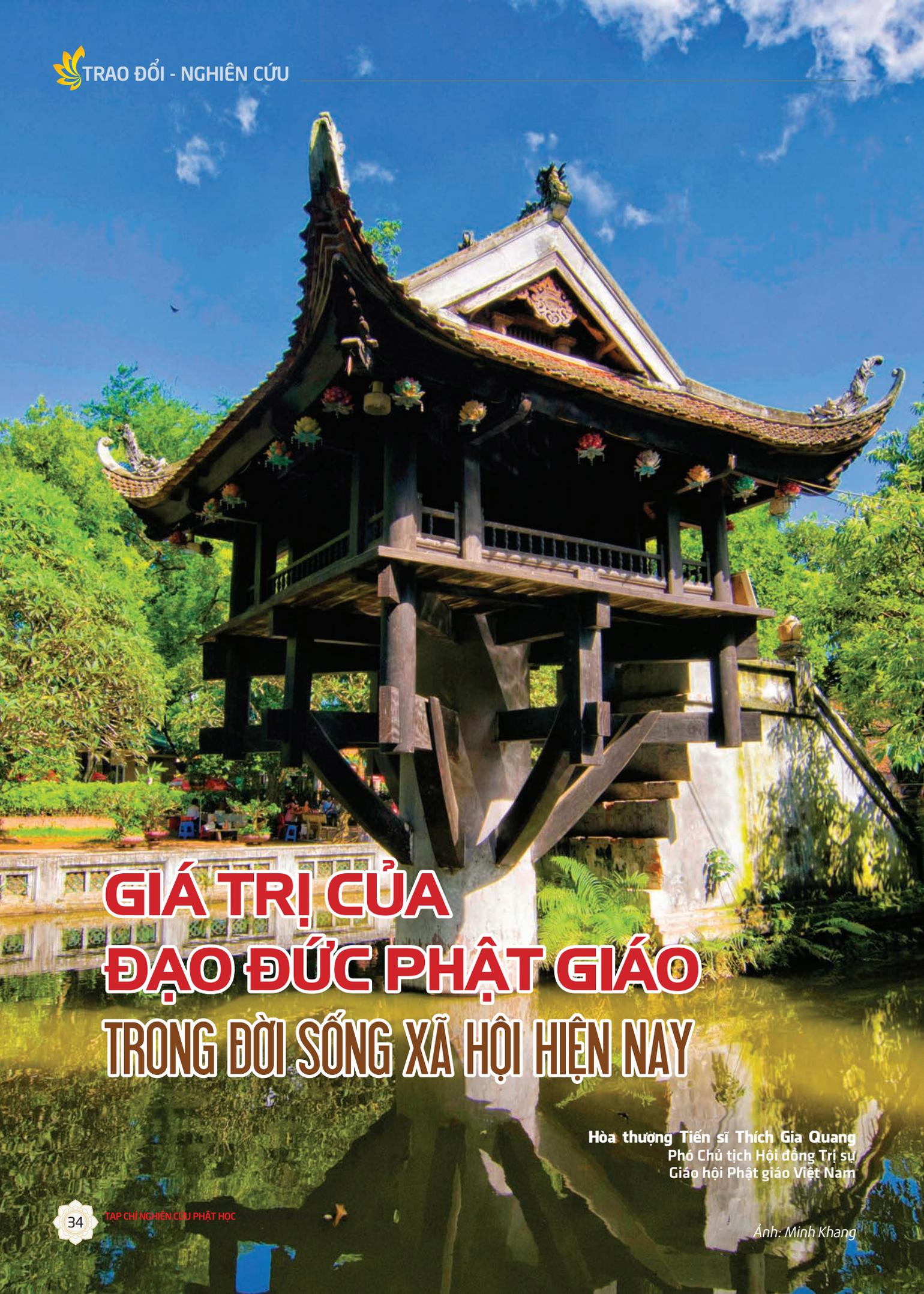


(Liên Hoa Sinh đại sư người khai sáng Mật Tông-Tây Tạng)

tội phúc của ta ra sao để chịu quả báo. Khi hồn phách ta vào đến Âm giới ta sẽ bị hôn mê trong bóng tối u ám với nỗi lo sợ chẳng lúc nào yên, cảnh giới đau khổ ấy của ta rất khó diễn tả bằng lời. Khi ấy nếu ta không quên niệm chú thì sau đúng 49 ngày các cảnh hình của hồn phách ta được nối tiếp và chất của hồn phách ta sẽ chỉ bằng hồn phách một em bé sơ sinh. Việc siêu độ vong hồn ở Việt Nam hay một số quốc gia khác nếu như có các dạng pháp thuật đề cập tới giới luật ở Âm giới thì cũng không thể so sánh với phép độ vong của Mật Tông-Tây Tạng cho dù nó cũng miễn cưỡng phối hợp với Âm vong trong vòng 49 ngày. Việc siêu độ cho Âm vong của Mật Tông-Tây Tạng có rất nhiều sự chỉ dẫn, vô số điều cần giới, lý chuyên Bát Nhã, hành sự tận hết quả nghiệp, pháp thuật hay với hàm ý sâu xa cho nên ích lợi của sự tồn vong được hoàn tất mỹ mãn.

Các vị Lạt Ma khi nghiên cứu sâu xa về vấn đề độ vong tất sẽ chuyển sự quán tưởng tới các bí pháp của Mật Tông-Tây Tạng. Nếu họ làm được như vậy thì đó mới là bậc thềm để có thể quán thông bí pháp một cách rộng rãi đồng thời cởi bỏ hàng rào kiến thức mê muội của chính mình. Ta đâu chỉ dùng bí pháp của Mật Tông chỉ để giải thoát khỏi Âm giới mà ta còn phải hiểu hàm ý sâu xa của các bậc thánh nhân không nhằm chỉ có vậy. Kinh Viên Giác của đức Thế Tôn có câu: “Thân diệt tâm diệt, Tâm diệt trần mắt. Trần mắt tự diệt, ảo diệt diệt thực, chẳng ảo chẳng diệt.” Đây chính là cõi đạo bất diệt ẩn dấu trong lời kệ, tuyệt mọi sự thị phi, hồn phách tự tại, không phân biệt đối xử và đó cũng chính là con đường tốt nhất để ta tự an thân lập mệnh. Kinh xưa có câu: “Con đường học vẫn là tự thân ta, muốn cầu điều gì cũng chỉ nhằm an tâm mà thôi.” Sự tất yếu này lẽ nào chẳng phải là một trật tự của đạo pháp tự nhiên. Vậy xin chắp tay cung kính chư Phật mười phương rồi cung kính cẩn đọc nguyện lời kệ:

“Đạo cõi Âm vong.
Hiển-Mật liên thông.
Băng kết nước tan,
Đâu phải hai dạng.
Thấu ngộ bản nguyên,
tâm ta tự an.
Tùy duyên tự tại,
Thánh-Phàm đồng cư.” 🌸



GIÁ TRỊ CỦA ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN NAY

Hòa thượng Tiến sĩ Thích Gia Quang
Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự
Giáo hội Phật giáo Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Phật giáo xây dựng hệ thống đạo đức trên cơ sở hệ thống giáo lý, đó là mối quan hệ giữa giới, định, tuệ để đi đến giải thoát và giải thoát tri kiến, trong đó giới có vai trò làm nền tảng cho việc giải thoát. Đạo đức Phật giáo bao gồm các giới cùng các chuẩn mực và các phạm trù có liên quan với nhau một cách chặt chẽ. Phật giáo xây dựng một hệ thống đạo đức hoàn chỉnh từ nhận thức, lý luận đến thực hành và việc áp dụng nó để xây dựng một nếp sống tốt đẹp. Bên cạnh đó Phật giáo còn xây dựng mẫu người đạo đức đó là con người từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha mà thâm tóm là đứng vững trên hai chân: từ bi và trí tuệ. Đạo đức Phật giáo có nhiều điểm tương đồng với đạo đức người Việt. Những phạm trù cơ bản của đạo đức Phật giáo đã ảnh hưởng khá sâu đậm vào đời sống người Việt. Ngày nay, với sự chấn hưng của Phật giáo Việt Nam, đạo đức Phật giáo sẽ góp phần hết sức to lớn vào việc xây dựng một xã hội hài hòa, phát triển.

2. Đạo đức Phật giáo với đạo đức truyền thống của người Việt Nam

Đạo Phật đồng hành với dân tộc Việt Nam, từ khi du nhập vào Việt Nam đến nay đã 2000 năm lịch sử, nên có thể xem nó như một phần tài sản văn hóa dân tộc. Trong quá trình phát triển tại Việt Nam, đạo Phật không chỉ đơn thuần chuyển tải niềm tin của con người mà còn có vai trò góp phần duy trì đạo đức xã hội nơi trần thế. Ngoài những điểm phù hợp với tình cảm đạo đức của con người, đạo đức Phật giáo còn thực hiện thông qua tình cảm, tín ngưỡng, niềm tin và giáo lý. Do đó, tình cảm đạo đức Phật giáo được người Việt tiếp thu, tạo thành đức tin thiêng liêng bên trong và chi phối hành vi ứng xử của họ trong các quan hệ cộng đồng. Do tuân thủ những điều răn dạy về đạo đức của Phật giáo, người Việt đã sống và ứng xử đúng đạo lý, góp phần làm cho xã hội ngày thêm tốt đẹp.

Đạo đức Phật giáo thông qua những giáo luật, giáo lý và các giá trị, chuẩn mực đã đi vào cuộc sống của người dân Việt Nam. Sự ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo đến đời sống của người Việt Nam không chỉ là giáo lý qua kinh kệ, sách vở mà đã trở thành phong tục, cách sống của dân tộc, của mọi gia đình. Người Việt Nam truyền thống với tinh thần yêu thương, đoàn kết, đùm bọc lẫn



nhau, phụng dưỡng cha mẹ, tri ân những người có công với cộng đồng, làm điều thiện... đó cũng chính là những điều luân lý đạo đức cụ thể mà Phật giáo đã truyền dạy. Đạo đức Phật giáo đã thực sự đi vào cuộc sống, đi vào tâm linh mỗi con người. Trong suốt chiều dài của lịch sử, đạo đức Phật giáo đã có nhiều đóng góp đáng kể đối với sự phát triển của dân tộc, những nhân tố quan trọng góp phần định hình nên các quan niệm, chuẩn mực, hệ giá trị đạo đức trong xã hội Việt Nam truyền thống và hiện đại.

3. Đạo đức Phật giáo với kinh tế trong bối cảnh thị trường hiện nay

Trong giáo lý “Bát chính đạo” đức Phật có đề cập đến “chính mệnh” sinh sống bằng nghề nghiệp chân chính. Người khuyên mọi người kiếm sống bằng chính sức lao động và tiền vốn của mình, trí tuệ của mình chứ không được buôn bán gian lận, buôn bán hàng quốc cấm và các loại hàng hóa có hại cho sức khỏe con người và xã hội. Trong cuộc sống mỗi người phải lao động làm việc để tạo ra nguồn của cải vật chất nuôi sống mình và gia đình. Như vậy, trong nền kinh tế thị trường ngày nay, đạo đức Phật giáo góp phần không nhỏ trong việc giáo dục con người, hướng con người tới những điều thiện, từ đó giảm bớt thiệt hại cho người tiêu dùng và đặc biệt là những nguy hiểm chết người. Đây chính là mặt tích cực của đạo đức Phật giáo giúp con người và nhân loại có cuộc sống an lạc hạnh phúc.

“Chính mệnh” trong Bát chính đạo của Phật giáo còn có nghĩa là biết làm chủ cuộc sống,





Ảnh: St

ái vốn có của người Việt: “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ”; “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”; “Lá lành đùm lá rách”; “Thương người như thể thương thân”... sự kết hợp những nét độc đáo trong phương pháp tư duy, trong văn học, nghệ thuật của người Việt Nam. Những giá trị, khuyến thiện, hướng thiện không chỉ phát huy tác dụng trong hàng ngũ tín đồ mà còn ảnh hưởng rộng rãi trong đời sống nhân dân, góp phần hình thành nên những quan niệm sống giàu tính nhân văn sâu sắc.

Đồng hành cùng với sự phát triển của đất nước, đạo đức Phật giáo đã góp phần tạo nên truyền thống văn hóa thực sự giàu bản sắc. Ngày nay, đạo đức Phật giáo đã có vị trí vững chắc trong nền văn hóa

→ không lãng phí, không bủn xỉn, biết làm phúc và cúng dàng. Biết chăm lo cuộc sống của người thân, quyến thuộc, biết tích lũy cho đời nay và chuẩn bị cho đời sau. Đức Phật dạy rằng các cư sĩ sống bình thường ở gia đình có 4 điều lạc thú: Một là được hưởng cảm giác an toàn do có của cải và cơ sở kinh tế có được bằng phương pháp chính đáng; Hai là có thể khẳng khái sử dụng của cải ấy cho mình, cho người nhà và cho bạn hữu, đồng thời dùng nó để làm nhiều việc từ thiện; Ba là không bị khổ sở vì nợ nần; Bốn là có thể sống cuộc đời thanh tịnh, không lỗi lầm.

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, chúng ta cần coi trọng việc xây dựng hoàn thiện đạo đức nhằm phát triển con người một cách toàn diện. Nền đạo đức mà chúng ta đang xây dựng là sự kết tinh, kế thừa những giá trị đạo đức truyền thống của nhân loại, của dân tộc, trong đó có những giá trị đạo đức Phật giáo.

4. Đạo đức Phật giáo với văn hóa

Thực tế cho thấy Phật giáo Việt Nam từ thế kỷ XX đã có những đóng góp vô cùng to lớn cho nền văn hóa dân tộc – hiện đại. Trong triển vọng phát triển chung của Tôn giáo thế giới, Phật giáo Việt Nam cũng đồng hành hướng tới giải quyết những nhiệm vụ cơ bản đặt ra với con người hiện đại, đặc biệt ở bước đi tương đồng với những quốc gia lân bang cùng điều kiện và hoàn cảnh.

Triết lý của Phật giáo về Từ bi, về tình thương yêu rất phù hợp với truyền thống giàu lòng nhân

dân tộc – hiện đại. Một thời đại mới đang mở rộng ra cùng với những thách thức của hội nhập và phát triển, lợi ích cá nhân và cộng đồng, phẩm chất vị tha và cạnh tranh thị trường đòi hỏi sự năng động của đạo đức Phật giáo, yêu cầu phát huy và dung hợp những giá trị nhân bản bền vững của Phật giáo Việt Nam trong nền văn hóa dân tộc – hiện đại. Có thể khẳng định vị trí vững chắc của đạo đức Phật giáo Việt Nam trong nền văn hóa dân tộc.

5. Đạo đức Phật giáo với xã hội Việt Nam hiện nay

Đức Phật dạy từ việc lớn như quốc gia, chính sự đến việc nhỏ như hòa khí trong gia đình. Tư tưởng Từ bi, hỷ, xả, cứu khổ, cứu nạn của nhà Phật vẫn đang được nhân dân Việt Nam nói riêng và nhân loại nói chung tiếp thu và phát huy trong đời sống xã hội. Một số quy tắc của đạo đức Phật giáo (Ngũ giới, Thập thiện,...) có những nét tương đồng với các quy tắc, chuẩn mực của nền đạo đức xã hội vẫn đang được nhiều người tin theo và khuyến khích phát huy. Đó là những quy tắc sống mà xã hội nào cũng rất cần đến để duy trì một nền đạo đức, một nếp sống lành mạnh và hạnh phúc cho con người (kinh Thiện sinh – Gīṅgalovada)

Cùng với thời gian, Phật giáo Việt Nam đã điếm vào trang lịch sử của mình những nét vàng son. Những chuẩn mực của đạo đức Phật giáo vẫn đang có những đóng góp cho việc duy trì một nền đạo đức xã hội, khơi dậy truyền thống yêu

nước, nhân nghĩa, tương thân tương ái trong cộng đồng, xây dựng con người Việt Nam đạo đức và văn hóa tốt đẹp.

6. Đạo đức Phật giáo với việc xây dựng đạo đức, lối sống của người Việt Nam

Với triết lý từ bi, hỷ xả, khuyến khích con người hướng thiện, đạo đức Phật giáo đã dễ dàng đi vào lòng người, có tác dụng hoàn thiện nhân cách đạo đức, hướng con người đến lối sống, vị tha, bình đẳng, bác ái. Thực tế đã chứng minh, đạo đức Phật giáo phù hợp với đạo đức, lễ sống của con người Việt Nam và nó đã có những đóng góp tích cực trong việc xây dựng một nền tảng đạo đức mới cho xã hội trên cơ sở kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống đã được đặt ra.

Tính hướng thiện của Phật giáo là một trong những nguồn gốc của chủ nghĩa nhân đạo, tư tưởng bình đẳng, hòa bình của Phật giáo phù hợp với xu hướng hòa đồng liên kết giữa các dân tộc trên thế giới trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, lòng từ bi, bác ái góp phần cứu giúp người hoạn nạn, giữ vững tinh thần lá lành đùm lá rách của dân tộc, triết lý vô thường, vô ngã giúp con người giảm bớt cái tôi vị kỷ... Những giá trị tích cực đó của đạo đức Phật giáo càng được nhân lên với những hành động cụ thể, như kẻ đói được cho ăn, kẻ rách được cho mặc, người ốm đau bệnh tật được chăm sóc... Đạo đức Phật giáo khuyên con người luôn nhớ đến “đạo hiếu”, lấy chữ hiếu làm đầu: “hạnh hiếu là

hạnh Phật, tâm hiếu là tâm Phật”, “muôn việc ở thế gian không gì hơn công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ”. Thêm vào đó, những không gian chùa chiền của Phật giáo luôn thu hút con người tìm về chốn tĩnh tâm, nơi chiêm nghiệm và cảm nhận... Tất cả những điều đó là những giá trị đạo đức tích cực, thiết thực góp phần giáo hóa con người, giúp cho thế hệ trẻ vững bước trước cám dỗ của cuộc đời, khích lệ họ quan tâm đến số phận của cộng đồng, sống lương thiện, coi trọng tính nhân bản, coi trọng thiên nhiên... Bên cạnh đó, lối sống Phật giáo nêu cao tinh thần “cư trần lạc đạo” đã góp phần xây dựng lối sống có trách nhiệm với một ý thức không tham quyền cố vị, không bám lấy lợi ích vật chất, sống thanh cao tự tại. Bởi theo định nghĩa của đức Phật, tham và sân là hai năng lực tiêu cực mạnh mẽ nhất trong tâm thức con người, chúng che khuất tầm nhìn và làm nhiễu loạn Phật tính của ta, cho nên, cũng theo Ngài, diệt trừ được tham và sân đích thực là một thành tựu rất to lớn của con người. Như thế đạo đức Phật giáo đã đóng góp những giá trị văn hóa tích cực vào việc xây dựng đạo đức lối sống cho con người, nhất là cho tầng lớp trẻ hiện nay. Đặc biệt, đạo đức Phật giáo còn góp phần rèn luyện một lối sống kham nhẫn, khắc kỷ. Đó là những hình thức tu tập kiên nhẫn, vượt qua những cám dỗ của cuộc đời để lòng được thanh cao, tâm hồn được giải thoát.

Ngày nay với phương châm Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội, đạo đức Phật giáo đã góp phần tích cực vào các phong trào phát triển xã hội, bảo vệ môi trường. Đặc biệt công tác từ thiện với tinh thần cứu khổ, cứu nạn của đạo Phật, hòa cùng truyền thống lá lành đùm lá rách của dân tộc, tăng ni phật tử đã tổ chức cứu trợ cho đồng bào bị thiên tai bão lụt, cho những vùng quê nghèo khó, cho những mảnh đời bất hạnh... Những hoạt động từ thiện đó của đạo Phật cùng nhằm điều chỉnh tính cách, lối sống, góp phần hình thành nhân cách của một con người có ích cho xã hội. 🌸



Ảnh: Minh Khang



Ảnh: St

Quỳnh Lâm

- TRUNG TÂM PHẬT GIÁO ĐẠI VIỆT THẾ KỶ XI-XVIII

ThS. Nguyễn Văn Anh

Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội

1. CHÙA QUỲNH LÂM TRONG CÁC GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ

Trong suốt chiều dài lịch sử tồn tại và phát triển hàng nghìn năm của mình, chùa Quỳnh Lâm luôn giữ vai trò là một trung tâm Phật giáo lớn, là một thắng cảnh nổi tiếng của vùng đất xứ Đông.

*Nức tiếng Quỳnh Lâm cõi xứ Đông
Ai qua đứng lại mà trông
Tháp cao chín đợt màu mây ám
Chùa rộng trăm gian gác ngạ hồng
Trước điện thông reo cùng trúc hóa
Trong am khánh đá với chuông Đồng*
(Ca dao)

Song có lẽ cũng chính về sự “nức tiếng” đó mà chùa Quỳnh Lâm phải chịu một số phận thật khác biệt, số phận thăng trầm của Trung tâm Phật giáo Quỳnh Lâm gắn liền với những bước thăng trầm của lịch sử dân tộc cũng như lịch sử Phật giáo nói riêng.

1.1. Chùa Quỳnh Lâm dưới thời Lý

Theo truyền thuyết chùa Quỳnh Lâm được xây dựng dưới thời Tiền Lý (thế kỷ thứ 6 sau Công nguyên), nhưng các bằng chứng đáng tin cậy cho thấy chùa được xây dựng vào đầu thế kỷ XII do Thiền sư Nguyễn Minh Không – Một trong những vị quốc sư dưới thời Lý. Với sự hiện diện của

Thiền sư Nguyễn Minh Không chùa nhanh chóng trở lên nổi tiếng, tại đây ông đã cho đúc một pho tượng Phật Di Lặc rất lớn, nó được xếp là một trong “An Nam tứ đại khí – 4 vật lớn nhất của An Nam”.

Nguyễn Minh Không là một Thiền sư, Pháp sư dưới thời Lý, ông được nhà Lý phong là Quốc sư nên còn được gọi là Lý Triều Quốc Sư và gọi tắt là Lý Quốc Sư. Lý Quốc sư Nguyễn Minh Không tên thật là Nguyễn Chí Thành (阮志誠) sinh tại xã Đàm Xá, phủ Tràng An (nay là làng Điền Xá, xã Gia Thắng, Gia Viễn, Ninh Bình). Tương truyền, sau khi lên ngôi không được bao lâu, tháng 3 năm 1136 Vua Lý Thần Tông bệnh nặng, lông lá mọc khắp cơ thể, găm thét như hổ suốt ngày, các danh y tài giỏi được triệu đến chữa bệnh nhưng bệnh không thuyên giảm. Tức thì trong dân gian, trẻ con ca rằng:

“Muốn trị bệnh Thiên tử

Phải có Nguyễn Minh Không”

Vua bèn sứ tìm khắp dân gian mới gặp được sư. Sư đến, đem theo một cái đỉnh lớn, dài hơn 5 tấc, đóng vào cột, lên tiếng nói: “Ai có thể nhổ cái đỉnh đó ra thì trước đáng được tôn trọng”. Nói

thế ba lần, chẳng ai dám làm. Sư lại lấy hai ngón tay trái cầm vào thì đỉnh theo chúng mà ra. Mọi người đều khiếp phục. Khi gặp vua, Sư lớn tiếng nói: “Đấng đại trượng phu, giàu sang bốn bể, há lại làm ra những điều cuồng loạn đầy ư?” Vua rất run sợ, Sư sai lấy một vạc lớn đựng nước nấu sôi tới cả trăm lần, dùng tay quậy lên khoảng bốn lần, rồi tắm vua trong đó. Bệnh liền bớt ngay. Sau khi khỏi bệnh, cảm phục tài năng, Vua Lý Thần Tông phong ông là Quốc sư, tha thuế dịch cho vài trăm hộ.

Thiền sư Nguyễn Minh Không còn được các làng nghề đúc đồng tôn thờ là ông tổ đúc đồng với tên gọi là Khổng Minh Không, ông được cho là có quyền năng hô gọi đồng từ các nơi quy tụ về, vì thế ông cũng được cho là người đúc các vận dụng lớn của thời Lý như chuông Quy Điền (chùa Diên Hựu), Phật Di Lặc tại chùa Quỳnh Lâm, 2 vật khí này là 2 trong 4 vật khí được tôn xưng là “An Nam tứ khí”

Bia Trưng tu tái tạo Tiên Du sơn đệ nhất Quỳnh Lâm tự cho biết Thiền sư Nguyễn Minh Không xây chùa và đúc tượng trong đó tượng Phật Di Lặc “cao 6 trượng 60 thước,...dựng Thượng điện 5 tầng cao 70 thước, rộng 50 thước.

Ngoài những mô tả ngắn ngủi trên dấu ấn chùa Quỳnh Lâm thời Lý còn có thể cảm nhận qua tấm bia lớn và thành bậc hiện còn trong khuôn viên chùa. Bia cao 2,46m, rộng 1,53m dày 0,25m đây là một trong những tấm bia lớn nhất của thời Lý hiện còn. Trán bia trang trí đôi rồng vờn cầu lửa, diềm được trang trí các hình rồng nối đuôi nhau thành một băng dài, phần hông cũng được trang trí hình rồng cuộn tròn trong những ô vuông với đường nét tinh xảo. Đến thời Lê Trung hưng, khi trùng tu chùa, người ta đã khắc lại nội dung văn bia, một mặt của tấm bia, trán và diềm bia được khắc lại với đôi rồng châu mặt nguyệt ở trán và rồng nối đuôi nhau ở diềm bia. Do vậy trên bia hiện nay có họa tiết hình rồng đặc trưng của hai thời kỳ khác nhau là rồng thời Lý và rồng thời Lê Trung hưng.

1.2. Chùa Quỳnh Lâm dưới thời Trần

Nhà Trần vốn quê ở Đông Triều sau đó chuyển xuống vùng Nam Định, Thái Bình thuộc hạ lưu sông Hồng cư trú, khai hoang, lập ấp rồi phát tích từ đó. Năm 1237 sau “biến loạn sông cái”, vua Trần



Ảnh: V.A

→ Thái Tông đem đất Yên Phụ, Yên Dưỡng, Yên Sinh, Yên Hưng và Yên Bang cho Trần Liễu là ấp thang mộc và phong làm An Sinh vương. Tại đây An Sinh vương cho xây dựng phủ đệ, tổ miếu thờ tổ tiên và cha mình. Năm 1299 vua Trần Nhân Tông xuất gia tu hành theo 12 hạnh đầu đà tại Yên Tử và hóa Phật ở Am Ngọa Vân trên núi Bảo Đài cách không xa Quỳnh Lâm, trong quá trình tu hành đó hẳn Quỳnh Lâm là nơi Phật hoàng thường xuyên lui tới. Tuy nhiên Quỳnh Lâm chỉ được sử sách nhắc đến với tư cách là một trung tâm đào tạo tăng tài lớn của Thiền phái Trúc Lâm dưới thời của Pháp Loa, tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm. Năm 1308 Pháp Loa được Phật hoàng truyền Y, Bát tại Cam Lộ Đường chùa Siêu Loại, nối dòng Thiền Trúc Lâm và trở thành tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm. Sau khi trở thành người đứng đầu của dòng phái ông đã cho mở mang và xây dựng chùa Quỳnh Lâm thành một tự viện, một trung tâm đào tạo tăng tài của Thiền phái Trúc Lâm, đồng thời là một trung tâm Phật giáo lớn đương thời, nơi tổ chức các sự kiện Phật giáo lớn của Đại Việt đầu thế kỷ XIV.

Năm 1317, Pháp Loa bắt đầu cho mở mang và xây dựng chùa Quỳnh Lâm thành một trong những trung tâm đào tạo lớn của Thiền phái Trúc Lâm, Quỳnh Lâm trở thành một tự viện lớn. Trong công cuộc xây dựng và mở rộng tự viện Quỳnh Lâm, Tư đồ Văn Huệ vương (Trần Quang Triều) làm thí chủ, ông cúng 4.000 quan tiền, nhiều đất đai và gia nô vào chùa làm của Tam bảo. Nhiều quan lại, quý tộc nhà Trần cũng phát tâm công đức tiền bạc, đất đai và gia nô. Theo ghi chép của sách Tam tổ thực lục, đến năm 1324 các vương hầu, quý tộc nhà Trần đã cúng tổng cộng hơn 1.000 mẫu ruộng cùng hơn nghìn gia nô làm của tam bảo chùa Quỳnh Lâm. Tự viện Quỳnh Lâm có đất tam bảo ở khắp mọi nơi bởi vậy có câu “Sân chùa muống, ruộng chùa Quỳnh”.

Trong suốt thời gian từ 1317 đến 1330 tức là từ khi Pháp Loa khai mở Quỳnh Lâm viện cho đến khi Ngài mất, bên cạnh là một trung tâm đào tạo tăng sinh lớn của Thiền phái Trúc Lâm, là chốn “tùng lâm” khang trang, nhận nhịp thì chùa Quỳnh Lâm còn là nơi các vương hầu, quý tộc nhà Trần thường xuyên lui tới, liền giáp với chùa Trần Quang Triều cho mở Bích Động thi xã.

Trần Quang Triều (1287-1325) là con trai trưởng Trần Quốc Tăng, cháu nội Hưng Đạo Vương Trần



Ảnh: V.A

Quốc Tuấn và có cụ tổ bốn đời là An Sinh Vương Trần Liễu, chủ nhân của vùng đất An Sinh. Trần Quang Triều có biệt hiệu là Cúc Đường. Ông được phong chức Tư đồ Văn Huệ Vương từ khi 14 tuổi, làm quan tới chức Nhập nội Kiểm hiệu tư đồ, đóng góp đáng kể vào sự hưng thịnh của triều Trần. Bích Động Thi xã do ông sáng lập và là chủ soái là nơi hội tụ những nhà tri thức lớn đương thời như Nguyễn Ước, Nguyễn Sưởng, Nguyễn Trung Ngạn,.. Bích Động thi xã là hội thơ sớm nhất của nền thi ca phong kiến Việt Nam, do vậy nhiều người xếp Bích Động thi xã là tiền thân của Hội nhà văn Việt Nam.

Quỳnh Lâm là nơi tổ chức các sự kiện Phật giáo lớn: Năm 1319, Pháp Loa kêu gọi tăng nhân, phật tử trích máu để in 5.000 cuốn kinh Đại Tạng và lưu giữ tại Quỳnh Lâm, Thượng hoàng Trần Anh Tông tự trích máu mình viết Đại Tạng kinh cỡ nhỏ gồm 20 hộp cũng được lưu giữ tại đây. Sáu năm sau, năm 1325 Pháp Loa tổ chức lễ hội nghìn tượng Phật, lễ hội diễn ra trong 7 ngày 7 đêm, đồng thời cho xây dựng 2 tòa tháp để rước xá lị của vua Trần Nhân Tông về lưu giữ tại Quỳnh Lâm; Năm 1327 Pháp Loa cho đúc pho tượng Di Lặc cao 1 trượng 6 thước (5,28m); Tháng 3 năm Mậu Thìn, niên hiệu Khai Thái thứ 5 (1328), Bảo từ Hoàng thái hậu, Bảo Huệ Quốc mẫu và sư Pháp Loa đã tập hợp chư tăng mười phương về Quỳnh Lâm, thiết lễ Đại trai đàn chuyển Tạng mười ngày đêm, cúng tiến Thượng hoàng Trần Anh Tông và Quốc Khảo Hưng nhượng đại vương, vua Trần Minh tông tham dự, nhân đó Pháp Loa đã nhờ cấm quân rước đại tượng Di Lặc (được đúc năm 1327) lên nền điện rồi đưa lên bảo tòa thép vàng. Tháng 11 năm Khai Hựu thứ nhất 1329 làm lễ điểm

nhân tượng Phật Di lặc, như vậy sau gần 3 năm việc đúc tượng Di Lặc mới hoàn thành và chắc hẳn tòa nhà nơi đặt tượng cũng to cao không kém gì tòa Thượng Điện 5 tầng thời Lý. Quỳnh Lâm cũng là nơi đệ nhị tổ Pháp Loa giảng hội kinh thứ năm và hội thứ chín kinh Hoa Nghiêm, mỗi buổi giảng thu hút hàng nghìn người tới nghe.

Ngày nay các công trình chùa tháp, điện thờ được xây dựng dưới thời Trần không còn nữa nhưng khắp khuôn viên chùa chỗ nào cũng tìm thấy dấu vết vật chất của thời kỳ vàng son của tự viện Quỳnh Lâm. Tại đây còn lại nhiều gạch ngói, đồ gốm sứ, những vật dụng hàng ngày, những hình lá đề cân trang trí hình rồng gắn trên ngói mũi sen lợp mái chùa, lá đề lệch trang trí hình rồng và tượng rồng trang trí trên nóc chùa còn lại cho chúng ta hình dung phần nào về quy mô to lớn và sự lộng lẫy của kiến trúc chùa Quỳnh Lâm, dưới thời Trần. Kiến trúc chùa Quỳnh Lâm thời Trần là kiến trúc Phật giáo hoàng gia. Các đồ thờ cúng, vật dụng hàng ngày như chân đèn, bát hương, bát, đĩa, vv.. cho ta những góc nhìn về đời sống nơi tự viện Quỳnh Lâm gần 700 năm về trước.

Cùng với sự phát triển của Phật giáo thời Trần, tự viện Quỳnh Lâm ngày càng phát triển, nó không chỉ thể hiện ở sự mở rộng về quy mô của bản thân Tự - Viện Quỳnh Lâm mà còn thể hiện ở việc hàng loạt các chùa vệ tinh được xây dựng như Bác Mã, Hồ Thiên, Thanh Mai,..vv, tạo thành một hệ thống các chùa vệ tinh quanh Quỳnh Lâm. Cùng với các chùa Hoa Yên, Long Động (chùa Lân) và Ngọa Vân, Quỳnh Lâm và hệ thống các chùa vệ tinh của nó đã biến khu vực An Sinh thành trung tâm Phật giáo Việt Nam dưới thời Trần. Với hệ thống lăng tẩm, đền miếu nhà Trần được xây dựng ở An Sinh và hệ thống chùa tháp của Thiền phái Trúc Lâm đã biến An Sinh thành một trung tâm văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng và tâm của nhà Trần.

1.3. Quỳnh Lâm từ thời Lê (thế kỷ 15 - 18)

Đầu thế kỷ XV, khi giặc Minh xâm lược Đại Việt, với chính sách đồng hóa của Minh Thành Tổ, quân Minh đã phá hủy nhiều công trình kiến trúc, văn hóa của Đại Việt, tương truyền tứ đại khí của An Nam cũng bị quân Minh phá để lấy đồng đúc súng đánh lại quân dân Đại Việt và chùa Quỳnh Lâm hẳn ít nhiều cũng bị ảnh hưởng. Sau khi chiến thắng quân Minh, năm 1428 Lê Lợi lên ngôi, lập lên nhà Lê, lấy Nho giáo là nền tảng tư tưởng,

Phật giáo vì thế suy yếu, chùa chiền không được trú trọng, trong bối cảnh đó Tự Viện Quỳnh Lâm cũng ít được trùng tu, xây dựng. Cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ 16, nền quân chủ chuyên chế Nho giáo thời Lê Sơ bước vào giai đoạn khủng hoảng, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra. Năm 1516, Trần Cao đã dấy binh khởi nghĩa và lấy chùa Quỳnh Lâm làm trụ sở, cuộc khởi nghĩa thất bại, tự viện Quỳnh Lâm được xây dựng dưới thời Trần có lẽ đến đây đã bị phá hủy hoàn toàn.

Thế kỷ XVI-XVIII, nằm trong phong trào phục hưng của Phật giáo, chùa Quỳnh Lâm cũng được phục hồi và tiếp tục phát triển, giữ vai trò là một trong những trung tâm của Phật giáo Việt Nam. Trong giai đoạn này, chùa gắn liền với sự nghiệp phục hưng Thiền phái Trúc Lâm của Chân Nguyên thiền sư và các đệ tử của ông vào nửa cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII. Trong giai đoạn này nhiều đợt trùng tu, xây dựng mới được tiến hành, cùng với đó là việc biên soạn kinh sách Phật giáo cũng được thực hiện tại đây.

Sau thời gian có phần lảng xuống ở thời Lê sơ, thế kỷ XVI, đặc biệt là bước sang thế kỷ XVII, XVIII khi Nho giáo ngày càng đi vào giáo điều, chế độ phong kiến Việt Nam bước vào thời kỳ khủng hoảng trầm trọng, nội chiến triền miên, nông dân ngheo khổ, phiêu tán, niềm tin bị khủng hoảng,... thì Phật giáo và các tín ngưỡng dân gian được phục hưng, trong đó đặc biệt là Phật giáo. Với sự hỗ trợ của tầng lớp quý tộc, Phật giáo đã nhanh chóng được phục hưng với việc chùa chiền được khôi phục và phát triển, các tông phái cũ được khôi phục, nhiều tông phái mới được du nhập. Thiền phái Trúc Lâm do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập với tư tưởng Phật giáo mang bản sắc văn hóa Đại Việt với tinh thần nhập thế, khai phóng và vị tha. Mục tiêu của Phật giáo Trúc Lâm là hướng con người vào cõi thiện, xa lánh điều ác, khai mở trí tuệ con người vào cõi chân, thiện, mỹ; con người làm chủ sinh mệnh bằng chính tâm lực và trí tuệ của mình ngay trong đời sống hiện tại nay được phục hưng mạnh mẽ. Đầu thế kỷ 17, trước sự khủng hoảng của Nho giáo, tầng lớp quý tộc nhà Lê - Trịnh một mặt vẫn lấy Nho giáo là hệ tư tưởng chính trị nhưng mặt khác cũng tìm đến Phật giáo như một bến đậu về tinh thần. Các vua Lê, chúa Trịnh, và tầng lớp quý tộc Lê - Trịnh đều phát tâm xây chùa, đúc chuông. Bia Trùng tu, tái tạo Tiên Du sơn, đệ nhất Quỳnh Lâm tự dựng năm



→ 1629 cho biết, năm Vĩnh Tộ thứ 9 (1627), Thanh Đô vương Trịnh Tráng cho trùng tu lại chùa, sau gần hai năm xây dựng, công việc trùng tu, tôn tạo đã hoàn thành các công trình gồm Điện Phật, nhà Thiêu Hương, Tiền Đường, Giải Vũ, nhà Hậu Phật, Hành Lang tả hữu, Nhà Tăng, Nhà Kho, Tam Quan và Gác Chuông, tổng cộng 103 gian.

Dấu vết Tam Quan, Phật Điện và Thiêu Hương này đã được các nhà khảo cổ học phát hiện trong các cuộc khai quật năm 2007-2009, các phát hiện khảo cổ học còn cho thấy, trong đợt trùng tu này, ngoài các công trình kiến trúc được mô tả trong văn bia thì cảnh quan, sân vườn cũng được chú trọng, trong đó từ tam quan có một con đường dẫn thẳng đến Tiền Đường, đường rộng 2,20m, mặt đường được lát bằng gạch hoa chanh, hai bên kê bằng gạch vồ, cấu trúc sân đường này giống như cấu trúc trục thần đạo từ cửa Nam của cấm thành dẫn vào điện Kính Thiên nơi nhà vua thiết triều ở Thăng Long.

Trong suốt thế kỷ 17, chùa Quỳnh Lâm luôn được triều đình trung ương quan tâm trùng tu xây dựng. Người đi đầu trong việc phục hưng Trúc Lâm là Thiền sư Chân Nguyên. Với vai trò là một Tự-Viện lớn, trung tâm đào tạo tăng tài quan trọng bậc nhất của Thiền phái Trúc Lâm, nơi lưu giữ nhiều kinh sách kinh điển của Phật giáo, Quỳnh Lâm là nơi Thiền sư Chân Nguyên lựa chọn là điểm khởi đầu, “đại bản doanh” của phong trào phục hưng Thiền tông Trúc Lâm.

Thiền sư Chân Nguyên tên thật là Nguyễn Nghiêm, tự là Đình Lân ông sinh năm 1647 tại làng Tiền Liệt huyện Thanh Hà, nay là Làng Tiền Liệt xã Tiền Tiến huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương. Năm 19 tuổi khi đọc song sách Tam tổ thực lục thì cảm khái mà than rằng “Bạc khôi nguyên trong thiên hạ còn coi công danh như

giấy rách, áo mũ cao sang tựa chiếc lông tre. Hướng ta một gã thư sinh, sao bằng được như thế” Sau đó ông xuất gia tu thiền tại chùa Hoa Yên (núi Yên Tử), sau thời gian theo học các vị cao tăng đương thời như Tuệ Nguyệt, Chuyết Chuyết, Minh Lương, ..., được ban pháp danh là Tuệ Đăng, sau được truyền Y Bát làm trụ trì hai tổ đình Long Động – Hoa Yên và Quỳnh Lâm. Năm 1692, ở tuổi 46, Sư được vua Lê Hy Tông gọi vào kinh để trao đổi về Thiền tông, biết Sư là người giỏi khác thường vua sắc phong Sư là Tuệ Đăng hòa thượng. Năm 1722, khi Sư 76 tuổi, vua Lê Dụ Tông phong là Tăng thống Chính Giác Hoà thượng. Ngày 28 tháng 10 năm Bính Ngọ (1726).

Tại Quỳnh Lâm, năm 1684 Chân Nguyên cho dựng tòa cửu phẩm liên hoa bằng đá. Các cuộc khai quật thăm dò khảo cổ học đã tìm thấy một số cấu kiện đá vốn sử dụng ghép bệ tháp, nhất là phần bệ đài sen cho thấy quy mô của tòa cửu phẩm liên hoa này rất lớn. Ngoài ra ông còn cho trùng tu chùa chiền, tô tượng, đúc chuông ở nhiều nơi, sưu tầm, biên khảo và soạn thảo kinh sách cho khắc in và lưu giữ tại chùa Quỳnh Lâm, lúc này

Quỳnh Lâm trở lại với vai trò là Tự - Viện, một chốn tùng lâm của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XVII.

Sau khi Chân Nguyên mất, đệ tử của ông đã cho xây dựng 2 tháp để chứa ngọc cốt của ông, tháp thứ nhất dựng ở Long Động (chùa Lân) và tháp thứ hai dựng tại chùa Quỳnh Lâm, cả hai tháp đều được gọi là Tuệ Đăng tháp. Tại Quỳnh Lâm, tháp Tuệ Đăng là tháp lớn nhất hiện còn tại khu vườn tháp, tháp được xếp bằng các khối đá xanh cao 5 tầng, tầng 1 là khám thờ, đỉnh khám có khắc hình bát quái lớn, mặt trước của tháp có đề 3 chữ Hán lớn “Tuệ Đăng tháp”. Trên thân tháp



Ảnh: V.A

còn lại bài minh viết về cuộc đời tu hành của Chân Nguyên thiền sư.

Tiếp nối sự nghiệp phục hưng Thiền phái Trúc Lâm, đệ tử của Ngài Chân Nguyên là Thiền sư Như Hiện, tại Quỳnh Lâm, ông đã tiếp tục xây dựng Phật điện, đúc tượng,... Năm 1730, được sự hỗ trợ của triều đình mà trực tiếp là của chúa Trịnh Giang, toàn bộ chùa Quỳnh Lâm đã được xây dựng lại. Trong đợt xây dựng này, để cung ứng nguồn nhân lực cho việc xây dựng chùa, triều đình đã huy động tráng đinh của các huyện Đông Triều, Chí Linh và Thủy Đường trong nhiều năm; vật liệu cho việc xây dựng, chúa Trịnh cũng cho mở hành cung Cổ Bi (Gia Lâm) để lấy gỗ, cho đào sông làm đường để chở vật liệu,...

Các sách Khâm Định Việt sử thông giám cương mục; Lịch Triều hiến chương loại chí cho biết: “Tháng 10, mùa đông. Trịnh Giang sửa chữa xây dựng hai ngôi chùa Quỳnh Lâm và Sùng Nghiêm. Sửa chữa xây dựng hai ngôi chùa này, công việc phiền phức nặng nề, phải dỡ lấy gỗ ở phủ Cổ Bi thả xuống sông chở xuôi để cung cấp vào việc xây dựng. Lại hạ lệnh cho dân ba huyện Đông Triều, Thủy Đường và Chí Linh phải gánh vác công việc này, sẽ miễn cho một năm số tiền góp về đê đường và bur đình. Về sau, lại bắt dân khơi đường sông để việc vận tải được lưu thông, dân phải kéo gỗ, xe đá, thường có hàng vạn người làm, ngày đêm không được nghỉ ngơi.”

Mặc dù đã huy động sức người, sức của trong một thời gian dài nhưng công việc xây dựng chùa Quỳnh Lâm mới chỉ hoàn thành một phần. Năm 2009, các nhà khảo cổ học đã khai quật và phát hiện nền móng kiến trúc chùa do chúa Trịnh Giang cho xây dựng từ năm 1730 – 1740. Chùa được xây dựng trên một mặt bằng rộng 5.814m² (rộng Đông – Tây 57m; dài Bắc - Nam 102), gồm Tiền Đường, Hậu Đường, Trung Đường, Hành Lang hai bên và xen giữa là các khoảng sân lớn, nhỏ.

1.3.1. Dấu vết kiến trúc tam quan:

Ở vị trí phía Nam, cách gác chuông chùa hiện nay khoảng 30m, năm 2007 khi khai quật thăm dò di tích chùa Quỳnh Lâm các nhà khảo cổ học đã phát hiện dấu tích đường lát gạch và nền móng của tòa Tam Quan. Tam quan có kết cấu 3 gian, 4 hàng cột, mỗi hàng 4 cột.

Từ kết quả nghiên cứu khảo cổ học, các nhà khảo cổ học đã phục dựng lại mặt bằng quy hoạch

tổng thể chùa Quỳnh Lâm thời Lê Trung hưng, xây dựng từ năm 1730-1740 do chúa Trịnh Giang cho xây dựng cụ thể như sau (theo hướng từ Nam lên Bắc): Hồ nước – Tam Quan – Sân – Khu trung tâm gồm: Tiền Đường, Di Lạc điện, Hậu Đường và hành lang .

1.4. Chùa Quỳnh Lâm dưới thời Nguyễn

Năm 1802, sau khi đánh bại nhà Tây Sơn, nhà Nguyễn thành lập, đóng đô ở Phú Xuân (Huế), lấy Nho Giáo là hệ tư tưởng chính thống, đặc biệt dưới thời Minh Mạng Nho giáo được đặc biệt đề cao, đây là giai đoạn phục hưng của Nho giáo Việt Nam.

Trong bối cảnh đất nước mới phải trải qua nhiều biến động và binh đao, Nho giáo được lựa chọn là hệ tư tưởng chính thống nhưng không vì thế mà Phật giáo kém phát triển. Tuy nhiên việc khi Kinh đô được chuyển vào Huế, Phật giáo Bắc Kỳ vì thế cũng ít được quan tâm hơn, song với vai trò và vị trí của mình chùa Quỳnh Lâm vẫn là chốn tùng lâm. Tại đây, năm 1820 Triều đình nhà Nguyễn lại tiếp tục cho trùng tu và tôn tạo lại chùa theo mô hình của thời Lê Trung hưng thế kỷ 18, ngoài việc trùng tu, chùa chùa, thời gian này còn cho đúc một quả chuông lớn (đại hồng chung), quả chuông này hiện còn lại tại chùa. Thời Thiệu Trị (1840-1847), chùa bị cháy Chính Điện và Tiền Đường, sau đó lại được xây lại, lần sửa chữa và xây lại này về cơ bản chùa vẫn giữ cấu trúc của trước đây, tường được xây lại theo kỹ thuật trình tường, phần Hậu Đường được chia nhỏ thành nhiều không gian khác nhau. Mặc dù quy mô có thể bị thu hẹp lại so với trước nhưng chùa Quỳnh Lâm vẫn là chùa lớn với hàng trăm gian. Đến năm 1910, hoả hoạn lại tiếp tục thiêu trụi toàn bộ nhà cửa, gác chuông, gác trống, ... nhân dân lại góp công góp sức xây dựng lại chùa, năm 1947, thực dân Pháp ném bom phá huỷ hoàn toàn ngôi chùa.

Các tháp đá trước gác chuông ngày nay được xây dựng dưới thời Nguyễn, trong đó có tòa tháp lục giác ở chính giữa có sử dụng 2 cấu kiện tháp của thời Trần, tức là tòa tháp lưu giữ xá lý của Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Các di tích thời Nguyễn còn lại chủ yếu là nền móng kiến trúc được xây chồng đê lên trên các kiến trúc thời Lê Trung hưng.





2. CHÙA QUYÊN LÂM, HÔM NAY VÀ NGÀY MAI

Năm 1997, Huyện Ủy, UBND huyện Đông Triều đã huy động các nguồn lực, tổ chức trùng tu, tôn tạo chùa Quyên Lâm, công trình đã hoàn thành được Cung Trúc Lâm, Gác Chuông, Nhà bia.

Để khôi phục lại trung tâm Phật giáo Quyên Lâm xứng tầm với lịch sử, nhiều năm qua, được sự quan tâm của UBND tỉnh Quảng Ninh, UBND huyện Đông Triều đã phối hợp với Viện Khảo cổ

học tiến hành khai quật nghiên cứu di tích, kết quả đã tìm thấy dấu vết kiến trúc của nhiều thời kỳ từ thời Trần cho đến thời Nguyễn, đặc biệt đã phát hiện và làm rõ cấu trúc mặt bằng kiến trúc thời Lê Trung hưng thế kỷ 18. Ngày 09/04/2016, nhằm ngày 3 tháng 3 năm Bính Thân, đúng ngày kỵ của đệ nhị tổ Pháp Loa, chính quyền và nhân dân và Phật tử thập phương khởi công tôn tạo lại Quyên Lâm theo cấu trúc kiến trúc thời Lê Trung hưng đã được khảo cổ học nghiên cứu và làm rõ, các công trình xây dựng năm 1997 sẽ được hạ giải.

Một diện mạo mới của Quyên Lâm đang được bắt đầu, và hẳn ứng với lời của tiền nhân “gian nan rồi lại hanh thông, cạn kiệt rồi lại khôi phục” chốn tổ Quyên Lâm tương lai sẽ xứng đáng với vị thế của một Trung tâm Phật giáo, kết nối Quyên Lâm trong tổng thể các di tích lịch sử, văn hóa nhà Trần ở xứ Đông nói chung và Quyên Lâm trong hệ thống chùa tháp của Thiên phái Trúc Lâm nói riêng, Quyên Lâm sẽ lại là chốn tùng lâm vốn có của mình. ☀

GHI CHÚ:

Vua Trần Thái Tông và Lý Chiêu Hoàng (Chiêu Thánh) kết hôn nhiều năm nhưng chưa có con, lo sợ không có người nối nghiệp Trần Thủ Độ và công chúa Thiên Cầm lập mưu lấy công chúa Thuận Thiên là vợ của Hoài Vương Liễu (tức Trần Liễu, anh trai của vua Trần Thái Tông) lúc đó đang có bầu ba tháng lập làm hoàng hậu, giáng Chiêu Thánh xuống làm công chúa. Trần Liễu tập hợp quân lính ra sông Cái (Sông Hồng) để làm loạn, sau thất bại. Sự gọi sự kiện này là loạn sông cái.

Nhà Trần có chế độ phong đất thang mộc và phong thái ấp đó là đất đai được triều đình ban cho các vương hầu quý tộc tôn thất, những người được ban quốc tính, những người thân cận trong hoàng tộc, đất đó thuộc quyền sở hữu của nhà nước, nhà nước có quyền thu hồi khi người đó chết hoặc phạm tội.

Y là áo ca sa, Bát là bát dùng đi khắp thực. Y và Bát được xem là những biểu tượng thiêng liêng của chính pháp và là vật truyền thừa tối quan trọng trong thiền môn.

Tùng lâm nghĩa là rừng rậm, trong Phật giáo, thuật ngữ này được dùng để chỉ nơi có đông đảo thầy tu cùng chung sống.

Theo đơn vị đo lường thời Lê, đầu thời Nguyễn, 1 trượng = 3,30m; 1 thước = 0,33m.

Vua Trần Anh Tông mất ngày 16 tháng 03 năm Canh Thân (1320), ông được táng vào Thái Lăng (An Sinh) ngày 12 tháng 12 năm Canh Thân (1320).

Ý chỉ Huyền Quang, tổ thứ 3 của Thiên Phái Trúc Lâm.

Tuệ Đăng là pháp danh của Chân Nguyên.

Khâm Định Việt sử thông giám cương mục, tr814. Bản điện tử

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Cổ tích danh lam. Tư liệu Viện Hán Nôm.
2. Đông Triều huyện chí. (chữ Hán). Tư liệu Ban Quản lý các Di tích trọng điểm tỉnh Quảng Ninh.
3. Đại Việt sử ký toàn thư (2006). Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
4. Đại Nam Nhất thống chí (2006). Nxb Thuận Hóa.
5. Khâm Định Việt sử thông giám cương mục. Bản điện tử.
6. Tam tổ thực lục (bản dịch của Thích Phước Sơn) (1995). Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
7. Ủy ban Nhân dân huyện Đông Triều (1990). Trung tâm Phật giáo Quyên Lâm. Kỷ yếu Hội thảo Trung tâm Phật giáo Quyên Lâm do UBND huyện Đông Triều và Viện Khảo cổ học tổ chức năm 1990
8. Nguyễn Văn Anh (2008). Am Ngọa Vân qua các bằng chứng khảo cổ học. T/c Nghiên cứu Phật học, Số 5/2008.
9. Nguyễn Văn Anh (2013). Nơi lưu giữ xá lý của Phật Hoàng Trần Nhân Tông. T/c Giác Ngộ số 673/2012. tr12-13.
10. Nguyễn Văn Anh (2013). Trung tâm Phật giáo Quyên Lâm thời Lý, Trần và thời Lê. Web:www//chuaquyendlam.vn
11. Phan Huy Chú (2006). Lịch triều hiến chương loại chí. Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
12. Tổng Trung Tín, Bùi Minh Trí, Nguyễn Văn Anh (2008). Báo cáo kết quả thăm dò di tích chùa Quyên Lâm 2007. Tư liệu Viện Khảo cổ học
13. Tổng Trung Tín, Bùi Minh Trí, Nguyễn Văn Anh và Nnk. Báo cáo kết quả khai quật, nghiên cứu khảo cổ học di tích chùa Quyên Lâm năm 2009. Tư liệu Viện Khảo cổ học.



CẦN MỘT TRUNG TÂM TƯ LIỆU HÁN NÔM VỀ PHẬT GIÁO

Thích Minh Cảnh
Thích Không Hạnh

Ảnh: Minh Anh

Tư liệu Hán Nôm Phật giáo [TLHNPG] là những văn bản được khắc hoặc chép bằng chữ Hán và chữ Nôm của tiền nhân trong nhiều thế kỷ, tập trung dưới các hình thức: sách giấy, ván khắc (mộc bản), bia đá, chuông đồng, hoành phi, câu đối, bài vị, pháp phái hoặc bất cứ tài liệu nào có chữ Hán Nôm. Trong đó tư liệu Hán Nôm [TLHN] dưới dạng sách giấy có khối lượng lớn nhất và đang bị mai một nhanh nhất. Đó cũng là vấn đề chính mà Trung tâm quan tâm.

Khoảng 10 năm trước, nhận thấy phong trào trùng tu chùa chiền diễn ra đồng loạt khắp cả nước, tư liệu Phật giáo đặc biệt

là tư liệu Hán Nôm mai một tính bằng ngày, Thư viện Huệ Quang [TVHQ] đã bắt đầu tổ chức những chuyến sưu tầm tư liệu Hán Nôm trong các chùa ở Nam bộ. Đầu năm 2010, chúng tôi gửi bức Thư ngỏ về việc sưu tầm tư liệu Phật giáo đến khắp các chùa trong cả nước. Kể từ đó đến nay công tác sưu tầm TLHNPG được tiến hành liên tục. Tuy nhiên, do kinh phí hạn hẹp, công tác sưu tầm còn tản mạn, không theo kịp sự hư hoại quá mau chóng của tư liệu.

Tại sao chúng ta đã có một Viện Nghiên cứu Hán Nôm [VNCHN], là nơi tập hợp các tác phẩm Hán Nôm của cả nước, được bảo tồn và nghiên cứu khá khoa học rồi mà còn

sưu tầm TLHNPG? Qua bộ Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu, chúng tôi thống kê được số lượng sách HNPGVN (ký hiệu A, AB, AC) tại VNCHN là 309 đầu sách, trong đó sách do các tác giả Việt Nam trước tác (ký hiệu A, AB) là 141. Trong khi sách HNPGVN (ký hiệu A, AB, AC) tại TVHQ đến thời điểm hiện tại là 774, trong đó sách của các tác giả VN (ký hiệu A, AB) là 390. Điều đó cho thấy lượng sách HNPG trong VNCHN còn khá khiêm tốn và chưa đến ½ số sách HNPG mà chúng tôi sưu tầm trong chưa đầy 10 năm. Nguyên nhân có thể là do TLHNPG chỉ là một trong mấy chục thể loại mà Viện phải quan tâm, và có thể (giai đoạn



→ trước) Viện nghĩ rằng Phật giáo thuộc một hệ khác - hệ tôn giáo, nó là công việc của các nhà sư, sưu tầm được chừng nào hay chừng đó. Các sách HNPG trong Viện hầu hết (nếu không nói là tất cả) có xuất xứ ở miền Bắc, chưa sưu tầm rộng ra khu vực miền Trung và Nam bộ. Đó là lý do ta cần phải tiếp tục công tác sưu tầm.

Trong thời gian gần đây, chúng tôi đã chụp lại được nhiều văn bản HNPG quý mà VNCHN cũng chưa có, hoặc có mà không còn nguyên vẹn, như: Địa tạng kinh thích giải Hoa ngôn bằng chữ Nôm của ngài Minh Châu Hương Hải, được Như Nguyệt khắc vào năm Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709); Thiên uyển tập anh, được lưu trữ trong bộ sưu tập của thầy Thích Giác Thành, văn bản còn khá hoàn hảo; Giải oan khoa, thiền sư Minh Chính biên soạn, chùa Bích Động, Ninh Bình khắc ván và tàng bản năm Khải Định thứ 6 (1921); Tì-ni Sa-di Uy nghi Cảnh sách Tứ phần Phạm võng Yết-ma chú giải, văn bản chép tay dày đến 200 trang (400 mặt giấy) của tổ sư Pháp Chuyên, do hai thầy Thích Như Tịnh và Thích Đồng Dưỡng sưu tầm được...

Chỉ xin dẫn ra vài trường hợp như trên để thấy rằng sách HNPG ngoài VNCHN ra còn rất nhiều, là nơi mà tư liệu đã và đang mai một từng ngày, đang đợi sự sưu tầm bằng tâm huyết và cấp bách của chúng ta. Những trước tác HNPG thời hoàng kim Lý Trần đã không còn hi vọng sưu tầm thêm được tác phẩm nào (có chăng chỉ là những tác phẩm may mắn sót lại được triều Lê trùng khắc)



do thời gian cách biệt quá lâu, công việc bảo tồn của người xưa ít được quan tâm đúng mức, chưa kể đến chiến tranh, thiên tai... cũng góp phần phá hủy; thì nay, những tác phẩm HNPG cuối thời Lê về sau còn tản mác đây đó trong các tư viện, trong dân gian còn có thể sưu tầm được mà không tiến hành sưu tầm, làm cho di sản của tiền nhân đã mất mát càng thêm nghèo nàn thì là do lỗi vô tâm của chúng ta chứ không phải ai khác.

Lịch sử cũng cho thấy, người đứng ra tổ chức công tác sưu tập, bảo tồn hầu như luôn là người của Phật giáo, hoặc người xuất gia như thiền sư Phúc Điền, những hòa thượng trong Hội Bắc kỳ Phật giáo (HT. Nguyễn Biểu chùa Bồ Đề, HT. Thanh Hanh chùa Vĩnh Nghiêm); hoặc là Phật tử tại gia như Trần Anh Tông, Lê Mạnh Thát, Lê Quốc Việt... Các nhà sưu tầm Thích Giác Thành, Thích Như Tịnh, Thích Đồng Dưỡng... được

nhiều người thời nay biết đến, cũng không ngoại lệ. Chính sự tín kính, hiểu biết về Phật giáo/ lịch sử và tư liệu của họ đã làm cho công tác sưu tầm được nâng niu thực hiện một cách chu đáo, tỉ mỉ mà các thư viện công khó thể làm trọn vẹn được.

Để có được một bộ tập đại thành tương đối đầy đủ tác phẩm HNPG, theo chúng tôi, cần tập hợp rộng rãi từ các nguồn có sẵn, như: Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Thư viện Huệ Quang (sách các đời trụ trì để lại, sách/file sưu tầm ở các chùa trong cả nước, sách rập mộc bản ở một số chùa, file chụp các bộ sưu tập cá nhân, file chụp thư viện khác...), Thư viện khác trong nước (trong và ngoài Phật giáo, như: Thư viện Phật học Xá Lợi tại Sài Gòn, Thư viện chùa Quảng Hương Già Lam tại Sài Gòn, Thư viện Nôm Na [chủ yếu sách của Thư viện Quốc gia Việt Nam tại Hà Nội, gồm 1.249 quyển, trong đó

có 60 quyển sách Phật giáo], Thư viện Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM, Thư viện chùa Quán Sứ Hà Nội...

Ngoài ra, rất quan trọng, còn phải kể đến các bộ sưu tập cá nhân, như của: thầy Thích Đồng Dưỡng, chùa Ba Phong, Quảng Nam; thầy Thích Như Tịnh, chùa Viên Giác, Quảng Nam; thầy Thích Giác Thành, chùa Linh Ứng, Hải Dương (tổng cộng cả ba thầy, có trên 100 sách/tư liệu Hán Nôm Phật giáo có giá trị nghiên cứu); học giả Lê Mạnh Thát ở Sài Gòn (chủ yếu xuất xứ từ miền Trung, một số ít ở miền Nam). Bên cạnh đó, sách do một số vị tu sĩ trân tàng mà chúng tôi biết được: TT. Thích Lệ Trang (tủ sách nổi trội ở mảng luật và chữ Nôm Nam bộ), TT. Thích Đồng Văn, TT. Thích Chơn Minh đều ở Sài Gòn, HT. Thích Trí Tịnh ở Bà Rịa-Vũng Tàu, anh Lê Quốc Việt ở Hà Nội (Tư liệu HNPG của anh chủ yếu là các khoa cúng tổ ở miền Bắc, bản rập của

hàng trăm bia tháp tổ và hàng ngàn đồ họa cổ Phật giáo do anh rập bản ở nhiều tỉnh miền Bắc trong nhiều năm).

Nhưng theo kinh nghiệm thực tế trong quá trình khảo sát thực địa của chúng tôi, một trong những nguồn sưu tập quan trọng hơn cả có lẽ là các chùa chiền rải rác trên khắp cả nước. Đây là nguồn TLHNPG nằm tản mác các ngôi chùa cổ hoặc chùa mới nhưng có các đời trụ trì từng sử dụng, là nguồn tư liệu “động” đang bị mai một nhanh chóng hằng ngày hằng giờ khi liên tục mấy chục năm qua các chùa được đồng loạt trùng tu hoặc xây mới. Nhu cầu sử dụng chữ Hán cổ không còn như cách đây vài chục năm về trước nên một số nơi “sẵn sàng” hỏa thiêu chúng. Nguồn tư liệu này có rất nhiều tác phẩm không trùng khớp với những tác phẩm trước đó đã sưu tầm được, nhất là các tác phẩm chép tay. Mỗi lần đến một ngôi chùa có tủ sách Hán Nôm hầu như chúng tôi đều luôn sưu tầm thêm được một

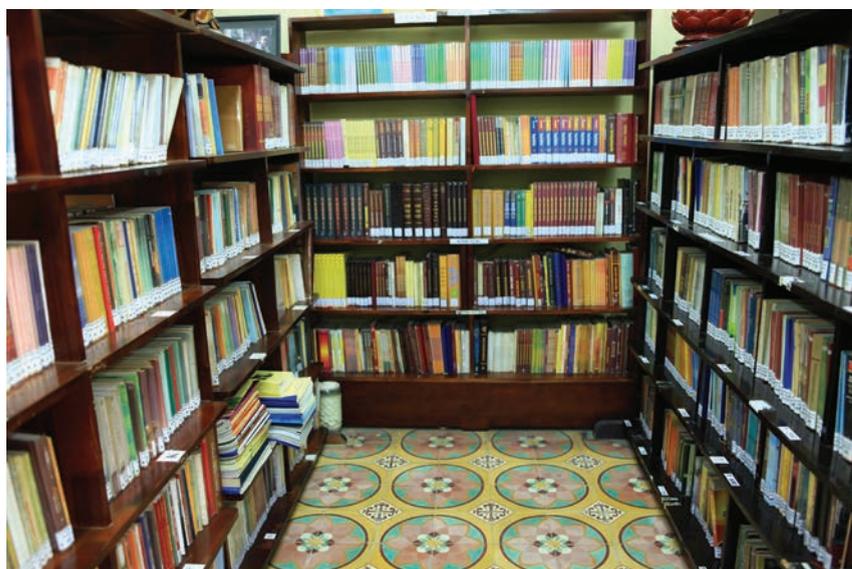
hai tác phẩm Hán hoặc Nôm mới. Đây là nguồn tư liệu phải mất nhiều tâm huyết, công sức và kinh phí mới mong sưu tầm được nhưng lại là nguồn tư liệu cần được quan tâm sưu tầm cấp thiết, ưu tiên trước nhất.

Tâm huyết là như vậy, nhưng công việc có phần quy mô kể trên thiết nghĩ là trách nhiệm chung không chỉ của mọi Phật tử mà còn của bất kỳ ai có sự quan tâm đến văn hóa nước nhà, mà văn hóa Phật giáo là một bộ phận, nếu chỉ dựa vào sức của Tu viện Huệ Quang thì không thể nào làm nổi. Chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp về tư liệu của quý tôn đức các tự viện, các nhà sưu tầm trong cả nước. Chúng tôi không ngại khó khăn về nổi xa gần hay nguồn tư liệu phát hiện được ít nhiều, tốt xấu; hễ muốn đóng góp về TLHN cũng như TLPNG nói chung, xin hoan hỉ liên lạc, cộng sự với chúng tôi.

Chúng tôi cũng mong nhận được sự quan tâm của quý thân hữu thiện tri thức có chuyên môn trong việc bảo tồn nhất là lĩnh vực văn bản cổ Phật giáo để công tác được thực hiện tốt hơn.

Một giọt nước nhỏ nhưng sẽ góp phần khơi thông cả đại dương, chúng tôi xin kêu gọi và trân trọng đón nhận mọi sự hỗ trợ tài chánh dù ít dù nhiều của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào, miễn là có sự đồng cảm với chúng tôi bằng tâm nguyện muốn giữ lại những di bảo của tiền nhân trong muôn một.

Huệ Quang, xuân Bính Thân 2016. 🌸



Ảnh: Minh Anh

Tìm hiểu về “Hương” trong Phật giáo

Đức Hạnh



Ảnh: Tâm Đạt

Trong văn hóa dân gian, làn khói hương tượng trưng cho việc truyền tín hiệu từ thế giới thực tại đến cõi tâm linh (thần linh, cửu huyền) khi muốn thông báo một sự việc hoặc cầu xin điều gì đó, vì thế mà hương còn được gọi là “hương tín”. Nói cách khác, đó là nhịp cầu kết nối giữa thế giới hữu hình và vô hình.

Với người Phật tử, nén hương khi dâng trước Phật cũng mang ý nghĩa “hương tín”, hiểu theo nghĩa đang báo tin đến chư Phật, Bồ-tát rằng: “Con đang đứng trước hình tượng của Ngài và nguyện tu học theo hạnh nguyện của Ngài”. Tuy nhiên, trong đạo Phật, ngoài ý niệm truyền tin, hương còn giữ vai trò lớn hơn thế.

Thật vậy, tầm ảnh hưởng của hương được thể hiện khi có mặt trong hầu khắp các nghi thức như: tụng kinh, ngồi thiền, lễ tắm Phật, lễ khai quang, cầu an, phóng sanh,... Cũng vì thế, đứng đầu “LỤC CHỨNG CỨNG DƯƠNG” chư Phật, Bồ Tát phải kể đến hương, gồm: hương, đăng, hoa, đồ, quả, nhạc. Điều này thật dễ hiểu bởi khi Đức Phật còn tại thế đã có truyền thống dâng hương cúng Phật, tức là thắp (đốt) nén hương khi đánh lễ(1). Vậy nên với người Phật tử, dâng hương lên Tam Bảo là cách thể hiện cái tâm thành kính, vì “dâng” là đưa (một cái gì đó) lên theo cách thức cung kính. Chẳng thế mà có bài kệ(2):

*Nguyện thử diệu hương vân,
Biển mãn thập phương giới,
Cúng dường nhất thiết chư Phật, Tôn Pháp,
Bồ Tát,...*

Từ công năng của việc đốt hương...

Đối với người xuất gia tu hành hoặc Phật tử, việc dâng hương trước Phật không quan trọng ở số lượng nhiều, khói tỏa mịt mù (để gây nhiễu sự thanh tịnh) mà chỉ cần một nén hương, khói bay nhẹ nhàng, mùi thơm phảng phất nhưng tôn quý. Tuy nhiên, dù tôn quý đến mấy, loại hương ta thắp vẫn không thể bay ngược gió, nên không thể đi vào Pháp giới và không thể sánh với hương của người có đức hạnh, hoặc Giới hương(3). Dù vậy, nén hương khi dâng trước tượng Phật sẽ làm tăng dần độ cảm nhận về vẻ đẹp của Ngài, và đến lúc nào đấy, khi tâm trí quán chiếu, tâm hồn định tĩnh và lòng thành cao độ, ta sẽ cảm như Phật cốt của bức tượng tan biến và hiện ra là Đức Phật khả kính(4).

Vì thế, đốt hương, dâng hương là một phương thức quan trọng để giữ cho tâm hồn được trong sáng, nhắc nhở thực hành điều lành

để giữ đức hạnh, và bước đầu mở ra cánh cửa vào Đạo pháp.

Đốt nén tâm hương trước Phật đài,(5)

Ngũ phần dâng trọng Đức Như Lai,

...

Đốt nén tâm hương cúng Phật Đà,

Lòng thành gởi tận chốn bao la,

...

Đốt nén tâm hương ở Ta Bà,

Nhớ lời di huấn Đức Thích Ca,

...

... đến công đức của việc dâng hương.

Kinh điển có ghi lại việc trường giả Phổ Nhân Diệu Hương giảng “pháp môn khiến tất cả chúng sinh hoan hỷ phổ môn” chủ trương thắp hương cúng dương chư Phật, cứu hộ chúng sinh, hay như Thanh Liên Hoa trường giả “giỏi biết chư hương pháp môn” chuyên giảng chủng loại và của các thứ hương, bao gồm hương xông cho Phật được xem là một loại công đức(6). Điều này đã cho thấy, việc dâng hương, nhất là hương quý là một việc làm luôn được khuyến khích.

Trầm hương và kỳ nam hương, loại hương tôn quý nhất khi cúng Phật.

Trong các loại hương dâng Phật thì hương trầm được suy tôn như mùi “hương của Niết-bàn”, đặc biệt là loại hương kỳ nam. Khái niệm Niết-bàn là một danh từ khó có thể giải thích toàn vẹn bằng lời, nhưng hết thầy người xuất gia hoặc Phật tử đều hiểu, Niết-bàn là mục tiêu chính yếu của Phật giáo và cũng là mục tiêu cuối cùng của người tu Phật. Chính vì lẽ ấy, khi nói hương trầm là mùi “hương của Niết-bàn” đã cho thấy đây quả là một mùi hương vô cùng tôn quý.

Thực vậy, trong bộ kinh Minlindapanha – Di Lan Đà vấn đạo, hay Na-tiên tỷ khâu kinh (xuất hiện khoảng 100 năm sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn và được Phật giáo Miến Điện xếp vào hàng Thánh điển và Phật giáo Srilanka xếp chung với năm bộ Nikaya để tôn thờ) nói về những câu hỏi – đáp giữa vua Milinda (Di Lan Đà) và tỷ kheo Nàgasena (Na-tiên), ở phần đề cập đến Niết Bàn, ngài Na-tiên đã khéo léo vận dụng sự so sánh để mô tả về Niết Bàn, trong đó có sự so sánh về trầm

hương như dưới đây:

Trầm hương có 03 đặc điểm là:

1. Thật khó mà tìm được.

2. Mùi thơm tuyệt đối.

3. Tất cả ai ai cũng ưa chuộng và ca tụng.

Cũng như Niết Bàn có 03 đặc điểm là:

1. Thật khó mà tìm thấy và khó mà gặp được.

2. Mùi thơm của Tam học (Giới – Định – Huệ) là mùi thơm tuyệt đối.

3. Là nơi của các bậc Thánh nhân an nghỉ.

Bởi thế, khi dùng trầm hương để dâng lên Tam Bảo (Phật – Pháp – Tăng) chính là cách mà người Phật tử thể hiện lòng tôn kính hết mực.

Một số điều thú vị về kỳ trầm và lợi ích của việc sử dụng/dâng cúng trầm.

- Phật giáo Tây Tạng sử dụng trầm hương để tăng cường sự tập trung, yên tĩnh sâu và thanh lọc tinh thần, làm cho giác quan trở nên nhạy bén và giúp khai mở hiểu biết, luân xa.

- Văn bản tôn giáo được viết trên vỏ cây của Srimanta Sankardev (nhà thông thái và tôn giáo quan trọng của Ấn Độ vào thế kỷ 15 – 16) đã khẳng định trầm hương là một trong những mùi hương (góp phần) đáp ứng (hiện thực hóa) mong muốn của con người khi đánh lễ và cầu nguyện.

- Kỳ nam thuộc diện “siêu đắt” do giá trị tâm linh và mùi hương tôn quý. Thông thường, kỳ nam chỉ được dùng trong các nghi lễ quan trọng.

Bên cạnh đó, việc sử dụng trầm hương còn giúp người học Phật luôn cố gắng tu tập theo Giới – Định – Huệ, mà đây lại là pháp môn thực hành tối quan trọng, như lời dạy của cố lão hòa thượng Thích Trí Tịnh: “Người học Phật muốn thoát khỏi Ta-bà thì cần tu Giới, Định, Huệ”(7).

Tích xưa cũng thuật lại rằng, cách đây vài ngàn năm ở Ấn Độ có một vị thánh tên là Vipasyi. Khi còn tại thế ông đã ngộ Niết-bàn và phát ra năng lực êm dịu, trí huệ rực sáng, vì vậy mà có nhiều người tìm gặp ông và mong được cúng dường cho ông mỗi ngày. Trong số này có cả đức vua và một thương nhân giàu có tên là Njemay. Do tức giận trước việc Njemay mời được Ngài Vipasyi trước, nên nhà vua đã hạ lệnh cấm buôn bán gỗ để gia đình Njemay không thể đun nấu và dâng cúng những bữa ăn mỗi ngày cho Vipasyi. Thế



➔ nhưng nhờ sự hữu duyên, Njemay đã tìm ra một phương án thay thế, đó là việc đốt từng thỏi trầm lớn để nấu những bữa ăn tuyệt vời dành cho Vipasyi. Ngày qua ngày, mùi hương của trầm lan tỏa khắp thành phố, kể cả thành phố bên cạnh, khiến cho chính thành phố ấy sau này trở thành một thành phố hành hương. Riêng bản thân Njemay, nhờ công đức trên mà được tái sinh vào cõi trời mang tên là A-la-hán Anga, tức “đạo sư đốt trầm” (8).

Nguồn gốc và cách nhận biết về trầm và kỳ nam.

Trầm hương được phân thành nhiều hạng, trong đó trầm hương hạng nhất thường gọi là Kỳ nam. Theo Phủ biên Tạp lục của Lê Quý Đôn ghi lại: “Kỳ nam hương, xuất từ đầu núi Quảng Nam, Phú Yên và Quy Nhơn do cây dó kết thành. Dó có 3 loại: Dó lười trâu thì thành khổ trầm, dó niệt thì thành rằm hương, dó bầu thì thành kỳ nam hương. Người ta thấy cây già lá vàng và nhỏ, thân cây nhiều u bướu, biết ngay có hương, chặt mổ để lấy. Họ Nguyễn trước đặt đội Am Sơn, hằng năm cứ tháng 2 thì đi kiếm, tháng 6 thì trở về, số được nhiều ít không nhất định...” (Họ Nguyễn là ý chỉ chúa Nguyễn Hoàng khi mới vào trấn nhậm Phú Xuân). Thời bấy giờ, chúa Nguyễn còn có nguồn kỳ nam là cống phẩm của người Chăm.

Muốn phân biệt trầm với kỳ nam thì lấy hình chất khí vị để so sánh. Trầm thì cứng, nặng, ít thơm, sắc nhạt, vị đắng. Kỳ nam mềm nhẹ, hơi có dầu, thơm mát, vị gồm đủ ngọt, cay, chua, mặn, đắng và mùi của kỳ nam cũng đậm hơn, thanh cao hơn. Xông trầm thì khói kết xoáy rồi sau mới tan, xông kỳ nam thì hơi khói lên thẳng mà dài.

Kỳ nam là trầm hương hạng nhất, được chia thành 4 loại: Bạch kỳ: sắc trắng ngà, xám nhạt, vô cùng quý hiếm, ít khi có, đắt giá nhất. Thanh kỳ: sắc xanh xám, ánh lục, rất quý hiếm, đắt giá sau bạch kỳ. Huỳnh kỳ: Sắc vàng sẫm, vàng nâu, quý hiếm và đắt giá sau thanh kỳ. Hắc kỳ: Sắc đen chàm, hắc ín, quý và đắt giá sau huỳnh kỳ. Sách xưa xếp loại kỳ nam: Nhất Bạch, nhì Thanh, tam Huỳnh, tứ Hắc.

Trầm hương hạng 2 mới gọi là trầm, được xếp thành 6 loại và giá trị thấp dần: Loại 1: sắc sấp trắng. Loại 2: sắc xanh đầu vịt. Loại 3: sắc sấp xanh. Loại 4: sắc sấp vàng. Loại 5: sắc vằn lông hổ. Loại 6: sắc vàng đốm dầu.

Trầm hương hạng 3 được gọi là tốc, vì có mức nhiễm dầu ít hơn trầm, được xếp thành 4 nhóm: Tốc đĩa: mức độ nhiễm dầu nhiều trong các thớ gỗ, dạng nhỏ, cỡ ngón tay, đầu đĩa con hoặc như con đĩa. Tốc dây: mức độ nhiễm dầu xen, tạo nhiều vòng giữa các thớ gỗ, thường có dạng tròn, dài, dáng rễ cây. Tốc hương: mức độ nhiễm dầu dạng mảnh, mùi thơm nổi trội hơn các loại tốc khác. Tốc pi: mức độ nhiễm dầu mỏng, bao quanh bên ngoài các thớ gỗ theo dạng hình tháp hoặc hình ống lớn (9).

Thay lời kết.

Hương là vật phẩm tâm linh không thể thiếu của Phật giáo, và việc dâng hương mang ý nghĩa và hình tượng rất quan trọng, đặc biệt là loại hương trầm hoặc kỳ nam (vốn được xem là tuyệt đỉnh của dòng hương tâm linh). Tuy nhiên, do giá thành của nguyên liệu trầm, kỳ nam là đắt đỏ, nên rất nhiều loại mang danh là “hương trầm” nhưng kỳ thực, đó chỉ là loại hương làm từ mùn cưa, vỏ trấu và hóa chất tạo hương trầm. Cũng cần lưu ý, hóa chất trong hương khi gặp nhiệt độ cao sẽ tạo khói có chứa độc nên khi hít vào nhiều sẽ gây ung thư! Vậy nên, người sử dụng cần tìm chọn loại hương (nhang) có tiêu chí 3 không: “không độc hại, không hóa chất và không hương liệu” để bảo vệ sức khỏe cho mình và người thân...

Thế nên mới thấy, trong thời buổi kinh tế thị trường hiện nay, người làm hương rất cần đến “tâm Phật” để làm ra sản phẩm “Hương Trầm” có chất lượng và đúng nguyên liệu trầm, vì đây là sản phẩm tâm linh, nên càng cần được trân trọng, thành kính, và không giả dối. ☸

GHI CHÚ:

- (1) Trương A-Hàm Kinh, quyển 2: Kinh Du Hành.
- (2) Kinh Phổ Môn.
- (3) Kinh Pháp Cú (54-55).
- (4) Lược giải bốn môn Pháp Hoa kinh – phẩm Nguyễn hương (HT. Thích Trí Quảng).
- (5) Sđđ.
- (6) Kinh Hoa Nghiêm, quyển 49.
- (7) Pháp Ngữ Vạn Đức (HT. Thích Trí Tịnh).
- (8) Sư Tử Tuyết Bờm Xanh – chương 14 (Surya Das).
- (9) Báo cáo của Hoàng Cảnh, nhân 2 năm thành lập Hội Trầm Hương VN (2006).



CÔNG ĐỨC CỦA MỘT SỐ VỊ THIỀN SƯ TIÊU BIỂU ĐỐI VỚI VIỆC KHẮC VÁN IN KINH SÁCH Ở BẮC NINH THẾ KỶ XVIII- XIX

Nguyễn Quang Khải

Ảnh: Minh Quân

Qúa trình tìm hiểu Phật giáo ở Bắc Ninh, chúng tôi thấy ở vùng này trước đây nhiều ngôi chùa có cơ sở in kinh sách và có số lượng mộc bản rất lớn, như chùa Đại Giác, chùa Đại Tráng (Tp.Bắc Ninh), chùa Phù Lãng (Quế Võ),... Công lao tạo dựng những cơ sở khắc ván in kinh sách đó trước hết là của những vị tăng sĩ trụ trì các ngôi chùa sở tại và có sự đóng góp công sức của đông đảo tín đồ Phật tử trong vùng. Bài viết này góp phần phản ánh tình hình khắc ván in kinh sách của một số cơ sở thờ tự Phật giáo tỉnh Bắc Ninh trong thời gian thế kỷ XVIII- XIX và công lao đóng góp của một số vị cao tăng tiêu biểu.

1. Tại một số ngôi chùa ở Bắc Ninh đã từng xuất hiện và tồn tại nhiều kho mộc bản lớn

Theo chúng tôi được biết, vào thời Lê - Nguyễn, không ít ngôi chùa ở tỉnh Bắc Ninh có cơ sở in kinh sách của Phật giáo, các loại sách thuốc và các sách kinh điển của Nho giáo. Căn cứ vào các dòng lạc khoản của các bộ kinh sách đã được in ra, chúng tôi cho rằng, tại các ngôi chùa sau đây của tỉnh Bắc Ninh đã từng

có hoạt động in kinh sách và có kho mộc bản lớn: chùa Tiêu Sơn (xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn), chùa Đại Giác (khu Bồ Sơn phường Võ Cường, Tp.Bắc Ninh), chùa Phù Lãng (xã Phù Lãng huyện Quế Võ), chùa Đại Tráng (phường Đại Phúc, Tp.Bắc Ninh), chùa Dâu (xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành) và có thể có nhiều ngôi chùa khác khác nữa.

Thế nhưng cho đến gần đây, rất nhiều ngôi chùa vốn trước đây là cơ sở in kinh sách đã không còn một miếng ván khắc nào. Đây là một khoảng trống rất lớn trong đời sống văn hóa tôn giáo của một địa phương và cũng là thiệt thòi rất lớn cho giới tăng sĩ và những người làm công tác nghiên cứu văn hóa nói chung và nghiên cứu Phật giáo nói riêng.

2. Sơ lược về chủng loại và cách thể hiện các loại ván khắc tại các kho mộc bản ở Bắc Ninh trước đây

Về mặt nội dung, các loại ván khắc tại một số cơ sở thờ tự Phật giáo ở Bắc Ninh là các loại kinh sách nhà Phật (Kinh, Luật, Luận, chú, sớ, lục,...), các loại sách thuốc (như Hải Thượng y tông tam lĩnh, Dương án, âm án,...), các loại



Ảnh: St

sách nho, y, lý số,... và thơ văn

Về cách thể hiện, căn cứ các bộ sách đã được in ấn tại một số ngôi chùa cổ, chúng tôi thấy, đa số các bộ ván khắc có kích thước lòng 20 x 29 cm, nhưng cũng có bộ ván khắc có kích thước rộng 58 x 22,5 cm (phẩm Phả môn, bộ ván khắc ở chùa Phúc Long xã Phù Lãng huyện Quế Võ). Ở khoảng giữa mỗi ván khắc (đọc theo hàng chữ) có một khoảng dành để khắc tên sách, số tờ. Tờ gần cuối có khắc niên đại khắc ván, người soạn (nếu là các loại chú, sớ, lục tán và thơ văn), người viết chữ và người khắc ván. Ở trang cuối có khắc hình một vị mặc giáp trụ, đội mũ trụ, hai tay nâng thanh bảo kiếm trước ngực, trụ uy nghi trong đám mây. Đó chính là Vi Đà tôn thiên, một vị có công hộ trì việc san khắc in ấn kinh sách nhà Phật.

Các con chữ Hán Nôm được khắc trong các bộ mộc bản thường tương ứng với cỡ chữ 26 hoặc 28 đậm font Chu Hán Khải của bộ gõ chữ Hán hiện nay. Những con chữ ở những dòng chú thích trong văn bản được khắc nhỏ hơn.

3. Công lao tạo dựng cơ sở khắc ván in kinh sách của một số vị thiền sư tiêu biểu

3.1. Thiền sư Như Trí ở chùa Thiên Tâm (tức chùa Tiêu Sơn) và việc san khắc ván in

Vào năm Vĩnh Thịnh thứ 11 đời vua Lê Dụ tông (1715), thiền sư Như Trí (hiện còn nhục thân được thờ trong khám tại chùa Tiêu Sơn) trụ trì chùa Thiên Tâm (nay thuộc thôn Tiêu Sơn xã

Tương Giang thị xã Từ Sơn) là người đứng ra tổ chức việc san khắc bộ mộc bản Thiên uyển tập anh. Tham gia vào công việc san khắc có 15 đệ tử của thiền sư. Đó là các vị sa di: Tính Tảo, Tính Xuyên, Tính Trung, Tính Huy, Tính Kiến, Tính Bản; các vị thiện nam: Tính Phận, Tính Thành, Tính Từ, Tính Hưng, Tính Minh, Tính Thủy, Tính Phụng và hai thiện nữ: Diệu Tạng, Diệu Đạo. Bộ mộc bản này được san khắc có lẽ dựa theo sách Thiên uyển tập anh ngữ lục của thời Trần. Bộ mộc bản Thiên uyển tập anh do thiền sư Như Trí tổ chức san khắc có 62 ván khắc, mỗi ván có 22 hàng chữ, mỗi hàng có 16 chữ. Bộ mộc bản quý giá này hiện nay không còn một mảnh nào ở chùa Thiên Tâm.

3.2. Chùa Đại Giác (Bồ Sơn Võ Cường, Tp.Bắc Ninh) đã từng có kho mộc bản lớn

Chùa Đại Giác được xây dựng trên núi Bồ Sơn (nay thuộc khu Bồ Sơn phường Võ Cường Tp.Bắc Ninh) trước đây là một trong những ngôi chùa nổi tiếng là có cảnh quan đẹp. Trong thời kỳ Hòa thượng Phúc Điền trụ trì ở đây, ngài đã tổ chức san khắc ván in kinh sách của Phật giáo và một số sách khác.

Hòa thượng Phúc Điền sinh năm Giáp Thìn niên hiệu Cảnh Hưng thứ 45 đời vua Lê Hiển tông (1784), họ Võ, người Sơn Minh (nay thuộc Tp.Hà Nội). Năm 12 tuổi xuất gia tu Phật tại chùa Thịnh Liệt (nay thuộc Tp.Hà Nội). Năm 20 tuổi (1803), ngài thụ giới cụ túc rồi trụ trì chùa Pháp Vân xã Phù Ninh (nay thuộc Tp.Hà Nội). Năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) khai sơn chùa Đại Giác (nay thuộc khu Bồ Sơn phường Võ Cường Tp.Bắc Ninh). Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) khai sơn chùa Phú Nhi (nay thuộc Tp.Hà Nội). Năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), khai sơn chùa Liên trì (nay thuộc Tp.Hà Nội), năm Thiệu Trị thứ 7 (1847), khai thiên chùa Báo Thiên (Hà Nội). năm Tự Đức thứ 5 (1852), ngài trụ trì và đứng ra tổ chức xây dựng chùa Liên Tông (Hà Nội).

Vào những năm giữa niên hiệu Minh Mệnh, tăng sĩ Phúc Điền được gọi vào kinh đô Huế dự kỳ thi sát hạch về nghĩa lý kinh tạng và được cấp giới đao và độ điệp. Trong dịp này, ngài có điều kiện tìm hiểu về hính sách của triều đình đối

với Phật giáo, lịch sử phát triển Phật giáo của các tỉnh phía Nam. Ngài viên tịch ngày 16 tháng 11 năm Quý Hợi niên hiệu Tự Đức thứ 16 (1863). Đệ tử của ngài có nhiều, trong đó có nhiều người nổi tiếng trong thiền môn, như: Thông Vinh, An thiền, Phổ Tịnh,...

Những kinh sách mà Hòa thượng Phúc Điền tổ chức san khắc tại chùa Bồ Sơn là:

- Dược sư kinh
- Diệu pháp liên hoa kinh
- Thiền uyển kế đăng lục (gồm quyển tả và quyển hữu). Bộ ván khắc này có kích thước 36 x 25 cm, các con chữ trong bộ ván khắc tương đương với cỡ chữ 28 font Chu Hán Khải của bộ gõ chữ Hán hiện nay. Trong bộ ván khắc này, có nhiều ván khắc tranh các vị Hòa thượng được đề cập trong đó ở tư thế khác nhau với nét khắc rất sống động.

Công việc san khắc bộ Thiền uyển kế đăng lục được hoàn thành vào ngày 15 tháng Giêng năm Kỷ Mùi niên hiệu Tự Đức thứ 12 (1859) tại Bồ Sơn, bản văn do Hòa thượng Phúc Điền soạn, trông coi việc san khắc do Giám tự Phương Viên thực hiện; người hưng công là Chương Lãnh binh tỉnh Sơn Tây Lê Thuận Chiếu pháp danh Đại Tuệ; người viết chữ là Môn nhân Văn Đường.

- Khóa hư lục của Trần Thái tông,
- Chư tổ lục,
- Thánh đăng lục
- Hoa nghiêm kinh,
- Đại giới điệp,
- Cựu bản Phật kế tổ đăng
- Hộ pháp luân quốc âm bản
- Trúc song quốc âm bản
- Thiền lâm bảo huấn quốc âm bản
- Phóng sinh giới sát văn (khắc năm Tự Đức thứ 5- 1852)

Và nhiều bộ mộc bản khác.

Tìm hiểu thực tế, chúng tôi được biết, vào những năm Hòa thượng Phúc Điền trụ trì và tổ chức san khắc mộc bản ở chùa Đại Giác, số ván khắc có khối lượng rất lớn. Khi các tòa nhà chứa ván khắc đã không còn chỗ chứa, Hòa thượng đã mở thêm cơ sở khắc in ở chùa Thiên Phúc (nay thuộc

xã Đại Lâm huyện Yên Phong).

Tiếp tục truyền thống san khắc mộc bản của thầy nghiệp sư là Hòa thượng Phúc Điền, thiền sư An Thiền sau đó tổ chức san khắc bộ Đạo giáo nguyên lưu (khắc năm Thiệu trị thứ 5- 1845) gồm 332 tấm ván khắc.

Hiện nay, tất cả các bộ mộc bản rất quý giá này ở chùa Đại Giác đều không còn.

3.3. Kho mộc bản chùa Phúc Long (thôn Trung, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ) trước đây

Căn cứ vào một số ấn phẩm mà chúng tôi sưu tầm được tại chùa Phúc Long (nay thuộc thôn Trung xã Phù Lãng huyện Quế Võ), như Hàn Sơn tử thi tập thì tại ngôi cổ tự này trước đây là cơ sở san khắc mộc bản lớn trong vùng. Bộ ván khắc Hàn Sơn tử thi tập có 122 tấm với số đo của mỗi tấm là 27 x 21 cm, tương ứng với 122 tờ, mỗi tấm được khắc 16 hàng, mỗi hàng có 18 chữ Hán cỡ lớn (tương đương với cỡ chữ 28 đậm của font Chu Hán Khải bộ gõ chữ Hán). Tại giữa ván khắc có ghi tên sách và số thứ tự ván khắc. Bộ ván khắc được hoàn thành vào ngày tốt tháng 7 năm Khải Định nguyên niên (1916). Ván khắc cuối cùng ghi rõ họ tên người khắc là Phạm Văn Chỉ người xã Liễu Tràng, tàng bản tại chùa Phúc Long thôn Trung xã Phù Lãng tổng Phù Lương huyện Quế Dương phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh.

3.4. Kho mộc bản chùa Đại Tráng (phường Đại Phúc, Tp. Bắc Ninh) trước đây

Khoảng 20 năm trước đây, chúng tôi có về chùa Đại Tráng để tìm hiểu về kho mộc bản được lưu



Ảnh: St



giữ tại ngôi chùa này, thì được ông Nguyễn Ngọc Uyển (sinh năm 1937), người phường Đại Phúc cho biết: trước đây, chùa Đại Tráng có nhiều tòa nhà chứa ván kinh. Nhưng trước khi lính Pháp ở thị xã Bắc Ninh và vùng lân cận rút đi (năm 1954), không biết người ở đâu đến chùa, chất các bộ ván khắc lên mấy ô tô tải phủ bạt chở đi đâu không biết. Đến đầu những năm 80 của thế kỷ XX, cán bộ Bảo tàng Hà Bắc đến thống kê và mang về thị xã Bắc Giang những bộ ván khắc còn lại của bộ Hải Thượng y tông tâm lĩnh. Vì vậy, cho đến nay, chùa Đại Tráng không còn tấm ván khắc nào.

Chùa Đại Tráng tọa trên đỉnh của một quả núi thấp ở phía Đông Nam thành phố Bắc Ninh. Thời kỳ lính Pháp còn chiếm đóng tỉnh Bắc Ninh, chúng đã xây cốt rất kiên cố trong khuôn viên chùa. Sau này, một số đơn vị của Bộ Thủy lợi cũng đóng trụ sở ở đây. Những thông tin mà ông Nguyễn Ngọc Uyển cho chúng tôi biết cách đây hơn 20 năm cũng có thể tin được, vì ông là người địa phương lại tận mắt chứng kiến cảnh mấy ô tô chuyển khối mộc bản ấy đi.

Người có công tạo dựng và chỉ đạo công việc khắc ván in kinh sách ở chùa Đại Tráng là vị Lưỡng quốc Hòa thượng Thích Thanh Cao. Ngài quê làng Mạc Xá huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương. Khi trụ trì chùa Đại Tráng (nay thuộc phường Đại Phúc Tp. Bắc Ninh), Hòa thượng Thích Thanh Cao tổ chức quyên góp kinh phí để khắc ván in các bộ kinh điển Phật giáo (bộ “Diệu pháp liên hoa kinh”, “Dược sư”, “Lương hoàng thủy sám”, các sách thuốc của danh y Hải Thượng

Lân Ông Lê Hữu Trác và một số sách thơ văn.

Lưỡng quốc Hòa thượng Thích Thanh Cao viên tịch ngày 22 tháng 10 năm Bính Thân, niên hiệu Thành Thái thứ 7 (1896). Di cốt của ngài hiện được tàng trong tháp Thanh Mạc trong khuôn viên chùa Đại Tráng.

3.5. Kho mộc bản chùa Dâu (xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành)

Hiện nay, tại chùa Dâu chỉ còn bộ mộc bản duy nhất là bộ Cổ Châu Phật bản hạnh. Bộ ván khắc này do Thiền sư Tính Mộ trụ trì chùa Dâu thuê thợ khắc

vào năm Canh Hưng thứ 13 (1753). Bộ ván khắc này có 21 tấm, có kích thước 22 x 15 cm, mỗi ván khắc 12 hàng chữ, mỗi hàng khắc một câu lục và một câu bát bằng chữ Nôm. Bộ ván khắc này được nhà chùa bảo quản trong tủ gỗ, có khóa cẩn thận. Có lẽ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đây là bộ ván khắc cổ nhất và duy nhất còn được lưu giữ trong một cơ sở thờ tự Phật giáo.

Về hành trạng và công đức của Thiền sư Tính Mộ, văn bia “Thừa Bình tháp ký” (do Hòa thượng Tính Điều soạn) được gắn trên tháp Thừa Bình ghi chép như sau:

Thiền sư sinh năm Bính Tuất niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 2 đời Lê Dụ tông (1706) tại làng Bình Ngô huyện Gia Định trấn Kinh Bắc (nay thuộc xã An Bình huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh), thế danh là Vương Doanh. Năm Bính Ngọ niên hiệu bảo Thái thứ 7 (1726), xuất gia đầu Phật tại chùa Thành Đạo. Năm Nhâm Tý niên hiệu Long Đức nguyên niên (1732), theo thầy nghiệp sư về chùa Ninh Phúc (tức chùa Bút Tháp). Thầy nghiệp sư vốn là pháp tôn của sư tổ Long Động và là pháp tử của sư tổ Thiên Tâm chùa Tiên Du (tức chùa Phật Tích).

Năm Giáp Dần niên hiệu Long Đức thứ 3 (1734), thiền sư về chùa Diên Ứng (chùa Dâu), thụ cụ túc giới với Hòa thượng Tịnh Huyền và được đặt pháp danh là Tính Mộ.

Thiền sư là người mẫn cán, siêng năng, khiêm hòa, được thầy nghiệp sư và tứ chúng cử làm

Trưởng tọa đạo tràng, trông coi công việc bản tự, sau, trở thành vị tổ thứ nhất của sơn môn Dâu.

Năm Mậu Ngọ niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 4 (1738), nhờ có sự trợ duyên của một vị đại đàn na là Kiên Thọ hầu Vũ Hà Trang, thiền sư đứng ra lo liệu tu tạo tháp Hòa Phong.

Năm Cảnh Hưng thứ 13 (1752), thiền sư đã huy động sự đóng góp của thập phương để khắc hai bộ ván in “Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục” gồm 21 ván khắc và “Cổ Châu Phật bản hạnh” gồm 21 ván khắc.

Năm Ất Hợi niên hiệu Cảnh Hưng thứ 16 (1755), thiền sư viên tịch tại chùa, hưởng thọ 50 tuổi, xuất gia tu hành 30 năm. Các đệ tử trà tỳ, thu xá lý tàng vào tháp Thừa Bình.

Thiền sư truyền dạy được 13 đệ tử đặc đạo là: Hải Mật, Hải Lệ, Hải Tố, Diệu Viên, Hải Nhậm, Hải Bạch, Hải Dật, Diệu Thận, Hải Thân, Hải Ứng, Hải Di, Diệu Yên, Diệu Triêm.

Ngày Trung tuần tháng quý Thu Năm Bính Tý niên hiệu Cảnh Hưng (ngày 15 tháng 9 năm 1756).

4. Một vài suy nghĩ và kiến nghị về việc bảo quản mộc bản ở Bắc Ninh

Trước tình hình các bộ mộc bản ở nhiều cơ sở thờ tự Phật giáo ở Bắc Ninh hầu như đã không còn, chúng tôi có mấy suy nghĩ và kiến nghị về việc bảo quản mộc bản như sau:

4.1. Do đặc điểm của chất liệu ván khắc, cách bảo quản mộc bản không giống cách bảo quản các vật liệu gốm, sứ; không giống cách bảo quản kinh sách được in trên giấy (vì mộc bản thường được chế tác từ gỗ thị, mền, dễ bị mục, chuột gặm, mối xông, dễ cháy, khác chất liệu gốm, sứ), nên:

Thứ nhất, không thể để ngoài trời, mà phải được bảo quản nơi kín đáo, thoáng, cao ráo, tránh nơi ẩm thấp, tránh bị thấm nước

Thứ hai, mộc bản công

trên giấy nên cần có không gian bảo quản đủ rộng;

4.2. Vì các con chữ Hán (hoặc Nôm) được khắc trên ván là ngược (để in ra sẽ là xuôi), nên những người không đọc được cổ ngữ và kể cả những người tương đối thông thạo cổ ngữ, nếu không in ra, cũng sẽ khó khăn khi tiếp cận với văn bản, (nếu kinh sách in trên giấy cứ mở sách ra là đọc được, thì mộc bản phải in ra giấy, khi đó, người tiếp cận văn bản mới hiểu được nội dung), nên:

Thứ nhất, việc sắp xếp trật tự của mỗi loại mộc bản phải thật khoa học;

Thứ hai, vì các con chữ được khắc trên gỗ thị mền, mảnh, trải qua hàng trăm năm, rất dễ bị sứt, mất, nên sử dụng ván khắc phải thật nhẹ nhàng, cẩn thận.

4.3. Do chính sách và cao trào bài trừ mê tín dị đoan và chống phong kiến trong quần chúng nhân dân trước đây, do hạn chế về hiểu biết của người dân, số phận nhiều kho mộc bản tại các chùa cũng giống như số phận các pho tượng và đồ thờ đã không có cơ hội tồn tại; hơn thế nữa, nếu tượng Phật bằng gỗ không ai dám cho vào bếp làm chất đốt thay rơm rạ, than củi thì mộc bản là là đối tượng đầu tiên được chẻ ra làm chất đốt thay cho các loại chất đốt truyền thống. Mặt khác, nếu nhiều bia đá trong thời kỳ đó được sử dụng làm nắp cống, làm vật độn nền nhà, làm công cụ đập lúa,... thì có không ít mộc bản được sử dụng làm ghế cóc, đôn kê thái rau thái bèo,... rất thảm hại,...

Vì vậy, để kịp thời không để các bộ mộc bản tiếp tục bị biến mất do sự vô ý thức của con người và do sự tàn phá của thiên tai, chúng tôi đề nghị: các cơ quan học thuật ở Trung ương, các cơ quan chuyên môn của các địa phương cần có phương án bảo quản, sưu tầm, khai thác tất cả các loại mộc bản có trong các tư gia, các cơ sở thờ tự tôn giáo ở trong và ngoài nước. Vì đây là tư liệu độc bản, có giá trị văn hóa, giá trị lịch sử rất quý mà nếu để mất đi, có thể chúng ta sẽ mất đi nhiều tư liệu quan trọng. 🌿



Ảnh: Minh Khang



Đạo diễn, NSUT Văn Lượng:

Làm phim về Phật hoàng Trần Nhân Tông để làm bật dậy hào khí Đông A

Hà Quang Đức

ĐẠO DIỄN, NSUT NGUYỄN VĂN LƯỢNG, GIÁM ĐỐC XƯỞNG PHIM TRUYỀN HÌNH HẢI PHÒNG (HFS) ĐANG RẤT BẬN RỘN, BỞI ÔNG ĐANG BƯỚC VÀO... “CUỘC CHIẾN NGUYÊN MÔNG LẦN THỨ 4”, LÀM TỔNG ĐẠO DIỄN BỘ PHIM VỀ PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG MANG TÊN “CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ”.

Cổ vấn cho bộ phim, TT.Thích Chân Quang, Phó ban Kinh tế Tài chính, GHPGVN, trụ trì Thiền tôn Phật Quang (Bà Rịa, Vũng Tàu) đã khuyến tấn đạo diễn Văn Lượng cùng đoàn phim rằng, lâu nay phim về lịch sử, cổ trang thì những nước Á Đông quanh ta như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản đã làm “tan nát” đi rồi, làm quá giỏi rồi, bây giờ ta xắn tay vào làm, mà làm về một hình tượng rất lớn lao, kỳ vĩ, một trong những con người Việt Nam đẹp nhất: Một vị hoàng đế 2 lần (trong số 3 lần) chiến thắng quân Nguyên Mông, rồi khi đất nước thanh bình thì “xuất thế”, tìm con đường giải thoát giác ngộ, trở thành bậc khai tổ của phái thiền Trúc Lâm... Đạo diễn Văn Lượng đặt vấn đề làm bộ phim này thì coi như là “anh hùng”, và Thượng tọa nói rất hình ảnh: làm phim lần này là phải xác định đây là... cuộc chiến Nguyên Mông lần thứ 4!

Quả thật, đạo diễn Văn Lượng đã ý thức rất rõ khó

khăn khi làm phim lịch sử cổ trang trong hoàn cảnh của nước ta hiện nay. Những bộ phim lịch sử cổ trang của ta vừa qua vừa ít, vừa yếu, bị chê nhiều thứ, nhất là... giống phim Tàu, khó khăn thì nhiều, nhưng cái thiếu căn bản là có một phim trường cho phim cổ trang. Hiện nay, ông đang chỉ huy rất nhiều đầu công việc, nhưng việc xây dựng phim trường phim cổ trang ở Bãi Nầu trên núi Yên Tử rộng 14,5ha là, được coi là phim trường lớn nhất, rồi mở lớp đào tạo diễn viên ở Tp.HCM, Hải Phòng, Quảng Ninh... kỹ năng phục vụ cho phim cổ trang như: múa, vẽ, võ thuật, trà đạo, thư pháp, thêu... Bộ phim về Phật hoàng Trần Nhân Tông mang tên “Con đường thiên lý” dài 45 tập, đã có những cảnh quay đầu tiên... Bộ phim không những về “con người tinh hoa” của đất Việt, Phật hoàng Trần Nhân Tông mà còn phô diễn vẻ đẹp và bản sắc văn hóa Việt Nam.

Chia sẻ với chúng tôi về hành trình tìm nơi xây phim trường cũng gian nan, mang nhiều... yếu tố tâm linh, nói như Văn Lượng là được tiền nhân mách bảo. Và, Bãi Nầu nằm trong thung lũng núi thiêng Yên Tử đang được xây dựng gấp gáp. Với việc có trường quay cho phim cổ trang hoành tráng này, ông có tham vọng góp phần chấn hưng điện ảnh cổ trang Việt Nam. Riêng bộ phận phục trang phải nghiên cứu về trang phục thời kỳ đó, và đã phải may và đăng ký bản quyền 1.000 bộ trang phục cho khoảng 300 nhân vật, và bối cảnh sinh hoạt của thế kỷ 13.

Nghe ông kể lại về quá trình hình thành bộ phim, mới thấy đây là câu chuyện dài. Từ khi còn rất trẻ, ông đã thích và ấp ủ làm những



Ảnh: St



Ảnh: St

bộ phim về những con người kiệt xuất, tinh hoa của dân tộc. Từ ý tưởng làm một bộ phim quy mô về Phật hoàng Trần Nhân Tông, ông đã đi khắp trong Nam ngoài Bắc gặp gỡ, xin ý kiến 50 vị, từ nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa, những vị tôn túc trong Giáo hội Phật giáo... để lắng nghe những vị có hiểu biết, đặc biệt có tâm với dân tộc cho lời khuyên. Vậy là, 15 tập phim tài liệu về Phật hoàng ra đời. Và, sau khi đến Bà Rịa, Vũng Tàu, gặp thầy Chân Quang, thì vị đạo diễn này đã “bỏ ghi” ý tưởng, chuyển từ 15 tập phim tài liệu, thành 45 tập phim truyện, thể loại có tính đại chúng, dễ tiếp thu hơn.

Để có một kịch bản tốt nhất, đòi hỏi trí tuệ tập thể, một hội đồng thẩm định đã phải chọn từ 11 nhóm viết kịch bản, ra một kịch bản tốt nhất sau đó sửa chữa. Kịch bản tốt nhất này, khai thác chất liệu từ những tiểu thuyết lịch sử như “Bảo táp triều Trần” của nhà văn Hoàng Quốc Hải, “Người Thăng Long” của nhà văn Hà Ân, hay “Anh hùng Đông A dựng cờ bình Mông”, “Gươm thiêng Hàm Tử” của nhà văn Trần Đại Sỹ (đang sống ở Pháp)... Tất cả đều phải mua, dù là chỉ chi tiết nhỏ. Đạo diễn Văn Lượng cho biết.

Đạo diễn người đất Cảng không “ăn sóng nói gió”, không “nói chơi”, mà là như bản tính của ông là “làm thật”; rất thâm trầm, thậm chí kiệm lời khi nói về mình. Bởi vậy, người ta rất tin ở ý tưởng, dự án lớn lao này. Chính vì niềm tin này,

mà có một vị Mạnh Thường Quân đã đầu tư cho cuộc “phiêu lưu” của ông. Kinh phí làm phim từ nguồn xã hội hóa, mà nhà đầu tư nào cũng tính tới lợi nhuận. Còn ở đây, đạo diễn Văn Lượng cho biết, tất nhiên, ông làm gì cũng tính tới yếu tố mục đích: Trước kia, tôi đi câu cá, hay đi chụp ảnh đạo... lấy tiền về nuôi con, tất cả đều có mục đích. Nhưng, làm bộ phim này vượt quá những yêu cầu về thu hồi về vật chất. Tất nhiên, khi mình bỏ bao tâm huyết và làm tốt thì có “phúc” thì có “phần” theo một triết lý nhà Phật. Khi chia sẻ với các Phật tử đạo tràng của Thiền tôn Phật Quang, tôi thấy trong mắt vị đạo diễn có dáng vẻ rần rỏi này có những giọt nước long lanh.

Tôi rất hiểu, nhiều cộng sự của ông cũng rất hiểu, vị đạo diễn sinh ra ở miền biển, làm tới hơn 200 bộ phim về đất nước con người miền biển đảo, đạt kỷ lục Guinness châu Á (2013) và thế giới (2015) đã đau đầu khi những con sóng lấn từ biển Đông nơi có 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào đất liền, dội vào nỗi lòng mỗi người Việt chúng ta về công cuộc bảo vệ chủ quyền đất nước. Với khát vọng đã được ấp ủ, lại đang dồi dào năng lượng, ông chia sẻ với tôi, ông muốn làm bật dậy tình yêu nước, ý chí quật cường từ thời đại Đông A, từ cách nay hơn 700 năm, rằng: Dân tộc này không dễ cúi đầu. ☺



CHÉN NƯỚC THIỀN CƠ

Nguyễn Thắng

Một hôm, có chàng cử nhân tìm đến Nam Ấn thiền sư để vấn thiền. Hai bên sau khi ngồi xuống, Nam Ấn thiền sư không nói một lời nào, chỉ mãi miết mời khách uống trà.

Nam Ấn thiền sư lấy ấm trà rót cho chàng cử nhân một chén, nước trà tuôn chảy, chẳng mấy chốc đã rót đầy mà thiền sư vẫn coi như không hề biết, cứ tiếp tục rót làm nước trà tràn đầy ra bàn.

Chàng cử nhân nhìn thấy cảnh tượng như vậy, không rõ vị thiền sư định làm điều gì, vội vàng kêu lên: “Đại sư, trà đã đầy tràn ra ngoài hết rồi, xin đừng rót nữa!”

Nghe thấy vậy, Nam Ấn thiền sư liền ngừng tay, đặt ấm trà xuống bàn, nhìn anh ta và nói: “Đầu óc của cậu giờ cũng giống như chiếc chén này,

bên trong đầy ắp những sự suy nghĩ và tạp niệm của cậu. Cậu không đổ hết những thứ trong chén này thì bảo tôi giảng về thiền với cậu như thế nào được?”

Chiếc chén đựng đầy nước không thể nào rót thêm nước trà vào được, một người đã lấp đầy những vọng kiến vô tri trong đầu óc mình thì luôn luôn bài xích những tư tưởng mới tiến bộ mà họ tiếp nhận.

Có thể thấy, muốn lĩnh ngộ chân lý, cầu đắc những kiến giải chính xác và thấu triệt cần phải vứt bỏ được thiên kiến, vọng tượng và các tạp niệm của chính bản thân mình. ☸

Dịch từ: “Câu chuyện Phật giáo”, NXB Thiểm Tây, Trung Quốc



“Buông bỏ tất cả” để làm gì?

Vũ Tất Tiến
(Sưu tầm)

Tu hành không phải là buông bỏ, mà là để hiểu lẽ hoán đổi... Một bữa nọ, hai thầy trò cao tăng ngồi nói chuyện với nhau, và có cuộc đối thoại sau đây:

Đệ tử: Thưa thầy, đạo Phật khuyên người ta buông bỏ mọi thứ đúng không?

Sư phụ: Không đúng!

Đệ tử: Rõ ràng có câu “buông bỏ tất cả” đấy thôi?

Sư phụ: “Buông bỏ tất cả” để làm gì?

Đệ tử: Đúng thế, đệ tử cũng thấy rất nghi ngờ! Đệ tử thấy Phật giáo luôn nhìn vấn đề tiêu cực. Nhiều người hỏi đệ tử: “Nếu mọi sự đều buông bỏ thì lấy đâu ra tiền để mua quần áo? Mọi người đều không làm việc thì thế giới này làm sao có thể tồn tại được?”

Sư phụ: Mọi sự buông bỏ thì dẫn đến sụp đổ, cái gì cũng không buông bỏ thì cũng dẫn đến sụp đổ.

Đệ tử: Như vậy phải làm thế nào?

Sư phụ: Thay thế và hoán đổi!

Đệ tử: Nhờ thầy chỉ rõ cho con!

Sư phụ: Con có thể kêu một người ăn mày cam tâm cho con số tiền đang nắm chặt trong tay họ không?

Đệ tử: Không thể được.

Sư phụ: Con có thể dùng hòn sỏi đổi lấy số tiền trong tay người ăn mày không?

Đệ tử: Con nghĩ cũng không được.

Sư phụ: Tại sao?

Đệ tử: Vì tiền đáng giá hơn.

Sư phụ: Vậy nếu dùng vàng để đổi thì sao?

Đệ tử: Vậy thì được.

Sư phụ: Tại sao?



Đệ tử: Vì vàng đáng giá hơn.

Sư phụ: Vì thế, cách buông bỏ đơn giản nhất chính là hoán đổi.

Nguyên nhân khiến người ta không buông bỏ là vì không giành được thứ tốt hơn.

Dùng thức ăn chay thay cho thức ăn mặn, con sẽ buông bỏ được con dao mổ.

Dùng bố thí thay cho giành giật, con sẽ buông bỏ được lòng tham.

Dùng tín ngưỡng thay cho hư vô, con sẽ buông bỏ được nỗi trống rỗng.

Dùng trí tuệ thay cho ngu dốt, con sẽ buông bỏ được cố chấp.

Dùng chính niệm thay cho tạp niệm, con sẽ buông bỏ được ngông cuồng.

Dùng nhẫn nại thay cho báo thù, con sẽ buông bỏ được giận dữ.

Dùng yêu thương thay cho tham lam, con sẽ buông bỏ được bệnh đau tim.

Tu hành không phải là buông bỏ, mà là để hiểu căn nguyên của sự thật. Đó là Giác ngộ. 🌸

Đừng an tâm khi bảo vệ gia đình ở một góc hẹp

"Ông trông khỏe họ được uống chè từ khâu trồng chè sạch quy trình dành cho gia đình, khâu còn lại tất nhiên là chế biến để bán. Bà bán rau cũng bán rau nói nhà mình được ăn rau ở khâu trồng sạch, khâu nhiều thuốc là để bán. Ông bán thịt lợn cũng vậy.

Nhưng họ không thể cả đời chỉ uống trà, ăn rau hay ăn thịt, họ uống trà sạch nhưng vẫn phải ăn rau bán của kẻ khác, ăn rau nhà sạch nhưng vẫn ăn thịt bán của kẻ khác... Chúng ta đang giết nhau trong khi cảm thấy an tâm đã bảo vệ được gia đình mình ở một góc nhỏ hẹp thôi..." (Chia sẻ của Trần Nhật Hoàng - cựu thành viên ban nhạc Bức Tường khi nhắc đến kỷ niệm về cố nhạc sỹ Trần Lập).

Thời gian qua, nhiều vụ việc sử dụng hóa chất cấm trong trồng trọt và chăn nuôi bị phát hiện, gây ra hoang mang, lo lắng cho người tiêu dùng. Chỉ cần

gõ lên vài từ "Thực phẩm bẩn" thôi, kết quả đã ra hàng triệu: mua thịt lợn được khuyến mại thêm thuốc an thần, chất tạo nạc Salbutamol; mua lươn được khuyến mại thuốc tránh thai; mua dăm thi hóa ra là axit pha nước; rau thì hàng hà các chất kích thích tăng trưởng... Đây là vấn đề hết sức nghiêm trọng, ảnh hưởng sức khỏe và sự phát triển thể chất cộng đồng. "Ích kỷ, hẹp hòi" là từ có thể miêu tả chính xác nhất về họ - những con người từng ngày, từng giờ đầu độc cộng đồng bằng cách này hay cách khác. Song hành cùng những tiến bộ, phát triển khoa học xã hội, tinh "ích kỷ, hẹp hòi" chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân dường như cũng ngày một được "nâng cao" hơn.

Từ cuối năm 2015 đến nay, báo chí tuyên chiến với thực phẩm bẩn, ra các đòn mạnh đánh vào thực phẩm bẩn. Đừng trước những vấn đề về thực phẩm như vậy

mỗi người dân phải tự nâng cao ý thức bảo vệ mình bằng hai cách. Một lựa chọn những thực phẩm sạch, an toàn, có nguồn gốc rõ ràng. Hai lựa chọn những sản phẩm giúp nâng cao miễn dịch, tăng cường sức đề kháng của cơ thể. Thật tuyệt vời biết bao nếu chúng ta trao nhau những món quà sức khỏe, những món quà "sạch". Những món quà quý ngày nay không phải sơn hào hải vị cũng chẳng phải cao lương, chỉ cần tặng nhau rau sạch, hoa quả tươi ngon nguồn gốc rõ ràng và không dùng hóa chất và đặc biệt là những sản phẩm giúp nâng cao hệ miễn dịch, tăng cường sức đề kháng của cơ thể một cách lành mạnh giống như thực phẩm chức năng Emuglucan có thể nói là món quà rất ý nghĩa.

Emuglucan có thành phần hoàn toàn từ thiên nhiên là sản phẩm dành cho mọi đối tượng, đặc biệt những người đã và đang phải đối mặt với căn bệnh hiểm nghèo. Thực phẩm chức năng Emuglucan được các bác sĩ tin tưởng khuyến dùng. Kết hợp với lối sống lành mạnh, hệ miễn dịch của cơ thể sẽ được nâng cao, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả điều trị bệnh.

Trong cõi đời có nhiều "ác tự" này, con người cứ mãi chìm đắm trong ba độc tham, sân, si để rồi theo đuổi những thứ "giả tạm". Thân khỏe mạnh góp phần hỗ trợ tâm luôn tỉnh táo trên con đường tu hành, do đó mong sao quý vị luôn có thật nhiều sức khỏe, thân tâm thường an lạc.

Thực phẩm chức năng Emuglucan

Tăng cường sức đề kháng cho cơ thể



Beta glucan (1.3/1.6)
- Chất tăng cường miễn dịch mạnh nhất từ thiên nhiên
- Ngăn ngừa và hỗ trợ các bệnh điều trị u bướu

Công ty CP Dược phẩm G.A. Andrew Việt Nam

Địa chỉ: Số 811, Lô 8, Khu DTM Đình Công, Hoàng Mai, Hà Nội
ĐT: 04.355.2819 - 098.946.4046

Artrex - Điều trị các bệnh về xương khớp

Trước đây, bệnh xương khớp thường xảy ra ở những người cao tuổi như gai cột sống, thoát vị đĩa đệm, thoái hóa cột sống, viêm đa khớp, viêm khớp dạng thấp... nhưng hiện nay theo nhiều nghiên cứu thì các vấn đề liên quan đến xương khớp đang xảy ra ở người trẻ tuổi với tỉ lệ cao. Có nhiều nguyên nhân gây ra bệnh xương khớp như di truyền, chế độ sinh hoạt không hợp lý, khí huyết không lưu thông, béo phì, chấn thương...

Để điều trị các bệnh về xương khớp bệnh nhân cần tuân theo phác đồ điều trị và hướng dẫn của bác sĩ. Bên cạnh đó một chế độ dinh dưỡng hợp lý cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng. Thông thường, nhắc tới các thực phẩm hỗ trợ điều trị xương khớp người ta thường nghĩ ngay tới các thực phẩm "mặn" như thịt bò, thịt gà, nhiều loại cá biển, nước hầm từ xương ống, xương sụn động vật... Tuy nhiên nếu bạn ăn thịt (nhất là thịt đỏ) nhiều và liên tục sẽ tích tụ acid uric trong cơ thể, từ đó làm tăng hàm lượng acid uric trong máu, tình trạng bình thường acid uric trong máu là 3 - 5 mg/100ml nhưng khi tăng lên

6-7.5mg/100ml máu tức là đã mắc các chứng bệnh về xương khớp. Khi bị bệnh xương khớp tốt nhất là giảm lượng thịt trong khẩu phần ăn hằng ngày của bạn.

Đối với những người ăn chay, sử dụng các thực phẩm chay cần biết lựa chọn các thực phẩm chay lành mạnh có đặc tính kháng viêm và có tác dụng hạn chế các cơn đau. Một số gia vị như tỏi, ớt, tiêu, gừng, nghệ, húng quế, lá lốt... là thực phẩm tuyệt vời đối với người mắc bệnh về xương khớp. Bổ sung nghệ vào các món ăn, từ đó cân bằng âm dương trong cơ thể (mất cân bằng âm dương chính là nguyên nhân gây ra tất cả các bệnh). Nghệ có tác dụng sát trùng, kháng khuẩn, chống viêm và chống oxy hóa khiến nó trở thành một vị thuốc nam có vai trò quan trọng có tác dụng điều trị, phòng tránh các bệnh như đau dạ dày, xương khớp, ung thư...

Thêm một gia vị rất phổ biến để hỗ trợ cho xương khớp đó chính là gừng. Với tác dụng chống viêm, chống co thắt, kháng nấm, sát trùng, kháng khuẩn và kháng virus, gừng giống như một loại thuốc giảm đau tự nhiên... Tuy nhiên

quý vị tránh không nên dùng gừng vào buổi tối và với những người có tiền sử cao huyết áp cũng cần phải cẩn thận khi dùng gừng quá nhiều.

Hai gia vị nghệ và gừng rất phổ biến ở Việt Nam, quý vị có thể bổ sung vào bữa ăn hằng ngày. Tuy nhiên, với những người bệnh nặng cần phải nhớ tới sự hỗ trợ của thuốc thì sản phẩm ARTREX là sự lựa chọn hợp lý. Artrex được sản xuất dựa trên bài thuốc y học cổ truyền của người Ấn Độ. ARTREX có 2 thành phần quen thuộc với người dân Việt Nam đó là gừng và nghệ, 2 thành phần khác chỉ có ở Ấn Độ là cao Withania somnifera và cao Boswellia serrata. Bốn loại thảo dược thiên nhiên này kết hợp với nhau giúp cơ thể lưu thông khí huyết, chống loãng xương, chống thoái hóa, chống viêm, giảm đau... ARTREX được công ty Bioved ở Hoa Kỳ cấp bằng phát minh về hiệu quả sử dụng cũng như mức độ an toàn cho người bệnh.

Bệnh xương khớp có thể không gây nguy hiểm đến tính mạng nhưng lại ảnh hưởng đến chất lượng sống của người bệnh. Do đó, mong là quý vị sẽ luôn chú trọng tới sinh hoạt hằng ngày như ăn uống, tập luyện, vận động... để cơ thể khỏe mạnh, tâm trí mình mãi thuận lợi cho con đường tu tập hàng ngày của mình.

Artrex™ là thuốc - không phải thực phẩm chức năng

Thành phần:
- Cao Withania Somnifera (Extractum Withaniae Somnifera)
- Cao Boswellia Serrata (Extractum Boswelliae Serrata)
- Cao Zingiber (Extractum Zingiberis)
- Cao nghệ (Extractum Curcumae Longae)

Chỉ số:
- Viêm khớp dạng thấp
- Thoái hóa khớp



Nhà PP: Công ty TNHH TM Dược phẩm Minh Quân
B11, Lô 8, Khu DTM Đình Công, Hoàng Mai, Hà Nội

ĐT: 04.354.2722
Hotline: 0989.644.046

QUÀ TẶNG CHO SỨC KHỎE

GIÁ SỈ 3KG - GIẢI PHÁP SIÊU TIẾT KIỆM

Chỉ còn 550.000đ/1kg
~~(1.120.000đ/1kg)~~

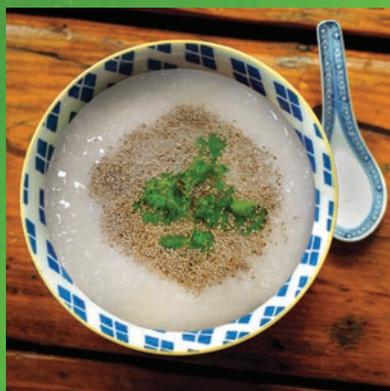
Mùng Lễ Phật Đản - Giảm 20% trừ túi 3kg
Từ ngày 17/5/2016 - 30/06/2016

Sức khỏe luôn là thứ quý giá nhất trong cuộc sống. Nhưng ngày nay, với nhịp sống bận rộn hằng ngày, chúng ta không đủ thời gian để chăm sóc sức khỏe cho bản thân và gia đình thân yêu. Vì vậy, việc thiếu dưỡng chất trong những bữa ăn hằng ngày, các căn bệnh mãn tính nguy hiểm như: tiểu đường, tim mạch ngày càng tăng cao. Vậy giải pháp nào để bổ sung đủ chất dinh dưỡng và phòng tránh các căn bệnh mãn tính nhưng không tốn nhiều thời gian và công sức?



Hạt Salba là một loại ngũ cốc nguyên hạt có nguồn gốc hoàn toàn từ thiên nhiên, không qua quá trình chế biến, không sử dụng bất kì hóa chất hay chất bảo quản nào. Hạt

Salba được các nhà khoa học trên thế giới gọi là "siêu thực phẩm thời hiện đại" và được sử dụng rộng rãi ở các nước trên thế giới như: Mỹ, Canada, châu Âu... Với hàm lượng chất dinh dưỡng cao và đậm đặc, hạt Salba có công dụng giúp cung cấp dưỡng chất cho cơ thể, đồng thời góp phần phòng và hỗ trợ điều trị các bệnh như tiểu đường, tim mạch, béo phì, cao huyết áp, stress, viêm khớp, táo bón, loãng xương...



Chỉ với 10gam (tương đương 2 muỗng cà phê) hạt Salba mỗi ngày sẽ giúp cung cấp các dưỡng chất cần thiết cho cơ thể chúng ta như

Omega-3, Canxi, chất xơ, Magie, Kali, Biotin, Protein, chất chống oxy hóa...

Đặc biệt, hạt Salba là nguồn cung cấp Omega-3 lý tưởng cho người ăn chay (chiếm khoảng hơn 20% thành phần hạt Salba). Omega-3 là một dạng axit béo rất tốt cho cơ thể chúng ta. Axit béo này có vai trò quan trọng trong việc phát triển và duy trì hoạt động của não bộ, Kim hãm sự lão hóa não, ngăn ngừa suy giảm trí nhớ. Bên cạnh đó Omega-3 còn có tác dụng rất tốt đối với hệ tim mạch, giúp giảm cholesterol có hại trong máu làm giảm nguy cơ xơ vữa động mạch (nguyên nhân gây ra tắc mạch máu rất nguy hiểm). Đồng thời, Omega-3 và các chất dinh dưỡng có chứa trong hạt Salba còn cần thiết cho sự phát triển và hoàn thiện chức năng nhìn của mắt, giảm nguy cơ đái tháo đường, giảm mức độ nặng và số cơn hen phế quản, giảm triệu chứng viêm khớp dạng thấp, chống trầm cảm.

Với những ưu điểm kể trên cùng với cách sử dụng rất dễ dàng (chỉ cần ngâm với nước cho nở ra và uống), hạt Salba là món quà sức khỏe hoàn hảo để bạn dành tặng cho những người thân yêu của mình.

Do nhu cầu mở rộng thị trường và thuận lợi cho khách hàng. Vì thế, Công ty rất mong sự hợp tác từ tất cả các công ty, cửa hàng, có nhu cầu phân phối về sản phẩm của chúng tôi.



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NÔNG SẢN VIỆT
Địa chỉ: 91 Nguyễn Văn Thủ, P.Đakao, Q1, TPHCM
Văn Phòng Giao Dịch: 69/02/40 Đường D2, P.25, Q.Bình Thạnh, TPHCM
ĐT: 08-35129360 (Ext:200-135)
Fax: 08-35127947
Website: <http://www.salbadinhduong.vn>
Fanpage: <https://www.facebook.com/salbadinhduong.vn>
Email: truongainhi@viet-acc.com
Di động: 0934101511 (Ms.Duyên)
0934101611 (Ms.Diễm)
0938690826 (Ms.Phương)

Điểm tin Phật giáo trong nước

Một số hoạt động của các Ban, Ngành Giáo hội

*** Khai mạc Khóa Bồi dưỡng Nghiệp vụ TTTT PG toàn quốc năm 2016**



Trong hai ngày 23, 24/04/2016 tại Thiền viện Quảng Đức, Tp.Hồ Chí Minh, Ban TTTT T.Ư GHPGVN đã tổ chức Khóa Bồi dưỡng Nghiệp vụ Thông tin Truyền thông Phật giáo toàn quốc năm 2016, gồm 4 chuyên đề, với sự tham dự của hơn 230 học viên là Thành viên Ban TTTT T.Ư GHPGVN, đại diện Ban TTTT Phật giáo các địa phương, cộng tác viên truyền thông Ban TTTT T.Ư...

*** Ban Hướng dẫn Phật tử T.Ư thăm và làm việc tại các tỉnh phía Bắc**

Đoàn công tác gồm Chư tôn giáo phẩm lãnh đạo Ban HDPT T.Ư; cư sĩ thành viên đã trao đổi với Ban Trị sự và Ban HDPT 15 tỉnh, thành gồm Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn từ ngày 15 đến 22/04/2016.

Hà Nội: Hội giao ban Thường trực HĐTS

Sáng 02/03/Bính Thân (08/04/2016), Ban Thường trực HĐTS khu vực phía Bắc đã có cuộc họp giao ban tại trụ sở T.Ư Giáo hội, chùa Quán Sứ. HT.Thích Thiện Nhơn, Chủ tịch HĐTS GHPGVN chủ trì phiên



họp với sự tham dự của Chư tôn đức lãnh đạo cao cấp T.Ư Giáo hội, Chư tôn đức đại diện BTS các tỉnh thành phía Bắc...

Chiều ngày 05/05/2016 (29/03/2016), Ban Thường trực HĐTS khu vực phía Bắc đã có cuộc họp giao ban tổ chức Đại lễ Phật đản và công tác chuẩn bị Đại hội Phật giáo cấp huyện, tỉnh, thành, tại trụ sở T.Ư Giáo hội - chùa Quán Sứ (Hà Nội)

TT.Huế: Khai mạc Lễ hội Quảng Chiếu

STối 01/05/2016, tại Công viên Thương Bạc, thành phố Huế đã diễn ra Lễ hội Quảng Chiếu do BTS GHPGVN tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp với Ban Tổ chức Festival Huế 2016 thực hiện.

Đắk Lắk, Cao Bằng, Điện Biên: Đại lễ cầu siêu Anh linh các Anh hùng Liệt sĩ

Tinh thần tri ân, báo ân của đạo Phật, tưởng nhớ những người có công với đất nước, các Anh hùng Liệt sĩ đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh và bảo vệ Tổ quốc, cũng chính là đạo lý uống nước nhớ nguồn, truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam, ngày 18/04/2016 tại chùa Phật Tích Trúc Lâm Bản Giốc (Cao Bằng), ngày 29/04/2016 BTS GHPGVN tỉnh Đắk Lắk phối hợp với các cơ quan chức năng tỉnh, ngày 18/03/2016 BTS GHPGVN tỉnh Điện Biên tổ chức Đại lễ cầu siêu Anh linh Anh hùng Liệt sĩ.



Tp.HCM: Hội thảo khoa học về nữ giới Phật giáo Việt Nam

Sáng 08/04/2016, tại Trường Đại học KHXH&NV Tp.HCM (cơ sở Đinh Tiên Hoàng, Q.1) đã diễn ra Hội thảo khoa học "Nữ giới Phật giáo Việt Nam: Truyền thống và hiện đại" - do Đại học Quốc gia Tp.HCM và Phân ban Nữ giới thuộc Ban Tăng sự GHPGVN Tp.HCM phối hợp tổ chức.

Đồng Tháp, Bến Tre, Bình Dương, TT.Huế: Trang nghiêm khai mạc Đại Giới đàn

Đại Giới đàn Vĩnh Đạt do BTS GHPGVN tỉnh Đồng Tháp tổ chức đã khai mạc ngày 13/04/2016 tại chùa Phước Hưng (Tp.Sa Đéc) với 493 giới tử: 132 giới tử Sa di, 81 giới tử Sa di ni, 92 giới tử Thức xoa, 144 giới tử Tỳ kheo, 54 giới tử Tỳ kheo ni.

Sáng 26/04/2016, tại chùa Bạch Vân (P.6, Tp.Bến Tre) đã diễn ra lễ khai mạc Đại Giới đàn Tâm Quang. BTC đã tuyển chọn được 49 giới tử Sa di, 23 giới tử Sa di ni, 51 giới tử Thức xoa, 139 giới tử Tỳ kheo, 44 giới tử Tỳ kheo ni.

Sáng 27/03/2016, Đại Giới đàn Trí Tịnh do BTS GHPGVN tỉnh Bình Dương tổ chức đã khai mạc với 891 giới tử phát nguyện thọ giới gồm 218 giới tử Tỳ kheo tăng, 159 giới tử Sa di, 155 giới tử Tỳ kheo ni, 187 giới tử Thức xoa ma na và 172 giới tử Sa di ni.

Chiều 29/02/Bính Thân (06/04/2016) tại tổ đình Báo Quốc (P.Phường Đức, Tp.Huế) đã trang nghiêm diễn ra lễ khai mạc Đại Giới đàn Giác Phong do BTS GHPGVN tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức, trong 566 giới tử xuất gia đăng ký có 461 giới tử trúng tuyển (Tỳ kheo: 89 vị, Tỳ kheo ni: 47 vị, Thức xoa ma na ni: 96 vị, Sa di: 133 vị, Sa di ni: 96 vị).

Điểm tin Phật giáo Quốc tế



Myanmar: Cựu Tổng thống Thein Sein xuất gia



Lễ xuất gia của ông Thein Sein diễn ra hôm thứ Hai (04/04/2016) - 4 ngày sau khi ông chủ trì một sự chuyển tiếp quyền lực lịch sử cho đảng đối lập trước đây của bà Aung San Suu Kyi - các quan chức cho biết.

Nhật Bản: Tu viện Wat Phra Dhammakaya hỗ trợ các nạn nhân động đất

Cộng đồng người Thái Lan sinh sống ở đảo Kyushu, phía Tây Nam Nhật Bản, Chi nhánh Thiền viện Wat Phra Dhammakaya Thái Lan đã góp phần hỗ trợ cho các nạn nhân có chỗ trú ẩn tạm thời do trận động đất lớn ở tỉnh Kumamoto, ở phía Nam của Nhật Bản diễn ra vào hôm thứ Năm, ngày 14/04/2016, hai trận động đất đã làm chết ít nhất 42 người, khoảng 3.000 người bị thương. Gây thiệt hại nghiêm trọng đến cơ sở hạ tầng Kumamoto.

Hoàng tử Anh và Công nương đến thăm Vương quốc PG Bhutan

Hôm thứ Sáu, 14/04/2016, trong chuyến viếng thăm quê hương đức Phật Ấn Độ và thăm Bhutan, Vương quốc Phật giáo hạnh phúc nhất

thế giới, Hoàng tử William, Công tước xứ Cambridge và Công nương Kate Middleton, Hoàng gia Vương quốc Anh đã có chuyến hành hương chiêm bái Tu viện Paro Taktsang (Tiger's Nest), một ngôi đền nổi tiếng, địa điểm thiêng liêng của Phật giáo trên dãy Himalaya, nằm cheo leo bên vách đá của thung lũng Paro, Bhutan.



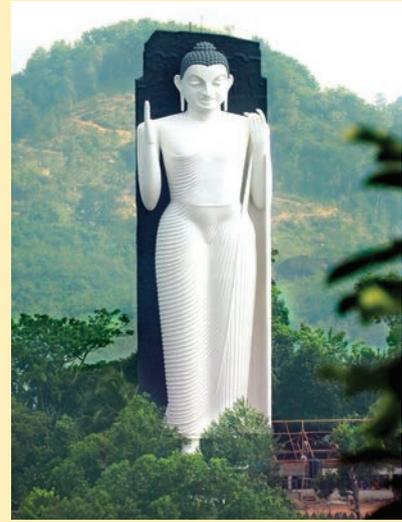
Thái Lan: Lễ hội đặt bát 100.000 vị Tăng



Có đến 100.000 nhà sư hôm 22/04/2016 đã vân tập tại ngôi chùa Wat Phra Dhammakaya, cách 30 dặm về phía bắc Bangkok để tham gia buổi lễ mà nhà tổ chức cho là lớn nhất trên thế giới.

Khánh thành tượng Phật cao nhất Nam Á tại Sri Lanka

Tôn tượng Phật cao nhất Nam Á tọa lạc tại Trung tâm Phật giáo Quốc tế Baramulla Kanda thuộc thị trấn,



Matugama, huyện Kalutara, tỉnh phía Tây, Sri Lanka long trọng tổ chức lễ Khánh thành, mở cửa cho du khách thập phương chiêm bái vào thứ Bảy, 23/04/2016, buổi lễ có sự thân lâm tham dự của Cư sĩ Maithripala Sirisena, Tổng thống Sri Lanka, Hòa thượng Napana Premasiri Thero và Chư tôn đức Tăng già Phật giáo Sri Lanka.

Hàn Quốc: Trưởng lão Ni Jeonghwa viên tịch



Do vì tuổi cao sức yếu, Diệu Cát đường, Trưởng lão Ni, Thích nữ Jeonghwa Viên tịch lúc 17 giờ, ngày 29/04/2016 (23/03/Bính Thân), sau khi điều trị tại Bệnh viện Đại học Dongguk Ilsan. Trụ thế 95 xuân. Pháp lạc 82 hạ. ☸

SƯU TẦM TRỌN BỘ TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC



Sưu tầm trọn bộ Tạp chí Nghiên cứu Phật học vui lòng liên hệ với Tòa soạn, 180.000 đ/1 bộ được đóng thành một cuốn sách bìa cứng thật sang trọng. Hãy để TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC TRỌN BỘ theo các số báo trong một năm trên giá sách nhà bạn, vừa thuận tiện cho việc lưu trữ, vừa dễ dàng để bạn tra cứu khi cần.

20 bạn đầu tiên đăng ký mua sách trọn bộ năm 2015; 2016 sẽ được tặng một phần quà của Tạp chí. Bạn đọc tại Hà Nội xin mời đến mua tại Tòa soạn, bạn đọc ở khu vực khác vui lòng liên hệ với chúng tôi qua số: 04 39423887, 04 66846688 để biết thêm chi tiết về cước phí Bưu điện.

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐẶT MUA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC NĂM 2016

Kính mời: Quý chư tôn đức tăng ni, Phật tử, độc giả đăng ký mua Tạp chí Nghiên cứu Phật Học năm 2015

- | | | |
|--------------------------|--|--------------|
| <input type="checkbox"/> | Số 1 Xuân 2015 (tháng 1+2), phát hành ngày 15/01/2016 | Giá 30.000đ |
| <input type="checkbox"/> | Số 2 (tháng 3+4), phát hành ngày 15/03/2016 | Giá 30.000đ |
| <input type="checkbox"/> | Số 3 Mừng Phật đản (tháng 5+6), phát hành ngày 15/5/2016 | Giá 30.000đ |
| <input type="checkbox"/> | Số 4 (tháng 7+8), phát hành ngày 15/07/2016 | Giá 30.000đ |
| <input type="checkbox"/> | Số 5 (tháng 9+10), phát hành ngày 15/09/2016 | Giá 30.000đ |
| <input type="checkbox"/> | Số 6 (tháng 11+12), phát hành ngày 15/11/2016 | Giá 30.000đ |
| <input type="checkbox"/> | Tạp chí cả năm (6 số) | Giá 180.000đ |
| <input type="checkbox"/> | Cước gửi tạp chí về tận nhà (theo nhu cầu) | Giá 50.000đ |

Để được giao báo tại nhà độc giả ngoài Hà Nội vui lòng đặt báo tại bưu điện gần nhà bạn nhất. Mã số đặt Tạp chí Nghiên cứu Phật học qua bưu điện (Công ty Phát hành Báo chí Trung ương) là C356. Độc giả Hà Nội muốn giao báo tại nhà vui lòng trả thêm cước phí chuyển phát.

Mọi thông tin về việc đặt mua báo, chi phí chuyển phát xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ:

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Phòng 218, chùa Quán Sứ, 73 phố Quán Sứ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 - 39423887; 04 - 66846688

Email: tapchincph@gmail.com

Tài khoản: Phân viện Nghiên cứu Phật học

Sở giao dịch 1 - Ngân hàng Công Thương Việt Nam * Số tài khoản: 10201000032825